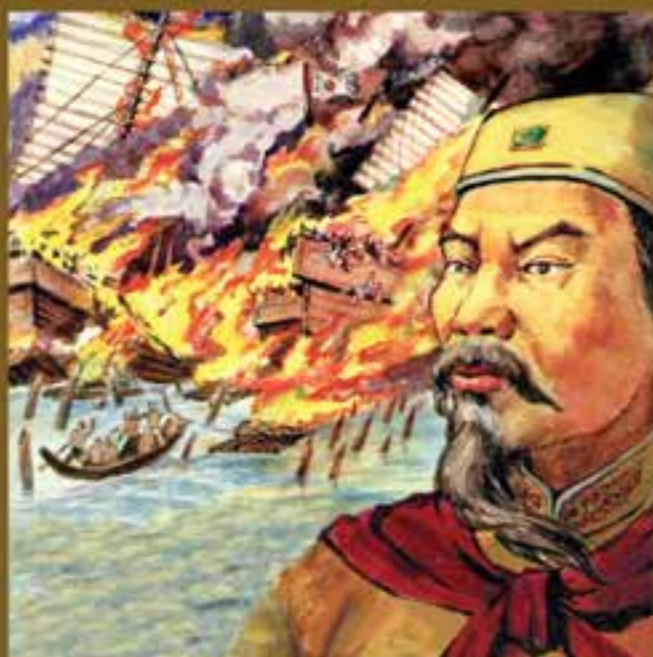


TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

BỘ DÀY



5

NHÀ TRẦN THẮNG GIẶC
NGUYỄN MÔNG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Biên soạn

TÔN NỮ QUỲNH TRẦN

Họa sĩ

NGUYỄN ĐỨC HÒA

NGUYỄN TRUNG TÍN

NGUYỄN HUY

NGUYỄN QUANG CẢNH

LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

BỘ DÀY



5 NHÀ TRẦN THẮNG GIẶC
NGUYỄN MÔNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Lê Phi Hùng

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THU VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nhà Trần thắng giặc Nguyên Mông / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh
Trân biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Đức Hòa ... [và nh.ng. khác]. - Tái bản lần 1. - T.P. Hồ Chí
Minh : Trẻ, 2015.

316 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.5).

- I. Việt Nam -- Lịch sử -- Triều nhà Trần, 1225-1400 -- Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng.
II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.
1. Vietnam -- History -- Trần dynasty, 1225-1400 -- Pictorial works.

959.7024 -- dc 22
N577

LỜI GIỚI THIỆU

Công trình Lịch sử Việt Nam bằng tranh ra đời nhằm mục đích giới thiệu lịch sử nước nhà một cách ngắn gọn, sinh động, có hệ thống, qua cách kể chuyện súc tích và tranh minh họa.

Bộ sách tranh nhiều tập này cố gắng phản ánh con người và đất nước Việt Nam theo đúng tiến trình lịch sử với không gian, văn hóa, y phục, tính cách phù hợp với từng thời kỳ, từng triều đại cụ thể.

Bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh dự kiến thực hiện xuyên suốt từ thời cổ của các thời đại đồ đá, đồ đồng đến thời Hùng Vương dựng nước; trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc đến thời kỳ tự chủ của các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn và cuối cùng là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước vừa qua.

Bộ sách được chia làm nhiều tập, mỗi tập viết về một thời kỳ hay một nhân vật, một vấn đề tiêu biểu của thời kỳ đó. Mỗi tập có cấu trúc độc lập riêng nhưng hài hòa trong một tổng thể chung là Lịch sử Việt Nam. Trong quá trình biên soạn, các tác giả còn chú ý thể hiện các đặc điểm văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán tiêu biểu của từng thời kỳ lịch sử.

Công trình là nỗ lực chung của các họa sĩ, các cán bộ nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội tại TP Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Trẻ.

Đây là bộ lịch sử bằng tranh đầu tiên của nước ta được thực hiện với mục đích và yêu cầu như trên, nên trong quá trình biên soạn và thể hiện không tránh khỏi những sơ xuất. Ban biên soạn, họa sĩ và Nhà xuất bản Trẻ rất mong được sự góp ý của bạn đọc gần xa.

Thành phố Hồ Chí Minh
TRẦN BẠCH ĐĂNG

Vào cuối triều Lý, Đại Việt bước vào suy thoái. Trong nước thì loạn lạc bởi vua Lý Huệ Tông thường xuyên đau yếu, hơn nữa tính tình lại nhu nhược nên không coi trọng việc triều chính. Bên ngoài, các nước phía nam là Chiêm Thành, Chân Lạp thường đem quân sang quấy nhiễu. Còn ở phương bắc, đế quốc Mông Cổ ngày một lớn mạnh và bành trướng từ khắp Âu sang Á, trở thành mối đe dọa cho các nước ở phương Nam trong đó có nước Tống (Trung Quốc), Đại Lý (Vân Nam, nay thuộc Trung Quốc) và Đại Việt.



Lúc này, họ Trần đã nắm giữ mọi chức vụ trọng yếu trong triều. Đến năm 1224, vua Lý Huệ Tông đi tu, nhường ngôi lại cho người con gái mới bảy tuổi là Lý Phật Kim tức vua Lý Chiêu Hoàng, vua cuối cùng của nhà Lý. Ngay sau đó, quan Điện tiền Chỉ huy sứ là Trần Thủ Độ đã thu xếp cho Lý Chiêu Hoàng lấy cháu mình là Trần Cảnh - lúc đó cũng mới bảy tuổi. Năm sau (1225), Thủ Độ dàn cảnh để Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi lại cho Trần Cảnh. Như vậy, triều Lý chấm dứt sau 9 đời vua, kéo dài 126 năm (1009-1225).



Trần Cảnh lên ngôi tức Trần Thái Tông. Chiêu Hoàng được phong làm Hoàng hậu, gọi là Chiêu Thánh. Còn Trần Thủ Độ được phong làm Thái sư. Vua Trần Thái Tông (1218-1277) rất khôi ngô, tuấn tú, mũi cao, nét uy nghi, dáng đi đường bệ. Tư chất vua lại thông minh còn tính tình thì gan dạ. Dù là vua đầu tiên của triều đại mới nhưng Trần Cảnh không có miếu hiệu là Thái Tổ mà chỉ là Thái Tông vì cha của Trần Cảnh là Trần Thừa vẫn còn sống và đang giữ chức Phụ quốc Thái úy trong triều.



Khi Trần Cảnh lên ngôi, Trần Thừa được tôn làm thượng hoàng. Do vua còn nhỏ tuổi, chưa tự điều hành đất nước, Thượng hoàng Trần Thừa có quyền quyết định đối với những việc lớn của đất nước. Ông có cung riêng, được gọi là cung Phụng Thiên. Trong thời gian Trần Thừa còn sống, ông lo giúp đỡ vua nhỏ trong việc triều chính, còn Trần Thủ Độ lo việc dẹp các cuộc nổi loạn đang xảy ra ở nhiều nơi trong nước.



Trần Thừa nhiếp chính được 9 năm thì mất (1234), chỉ còn một mình Trần Thủ Độ quyết đoán mọi việc cho đến khi vua trưởng thành. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại rằng: “Trần Thủ Độ tuy không có học vấn nhưng tài lược hơn người”. Ông đã củng cố thế lực nhà Trần bằng những biện pháp cứng rắn, bởi ông hiểu dù nhà Trần đã lên ngôi báu nhưng vẫn nhiều người thương tiếc triều Lý, mong phục hồi triều Lý.



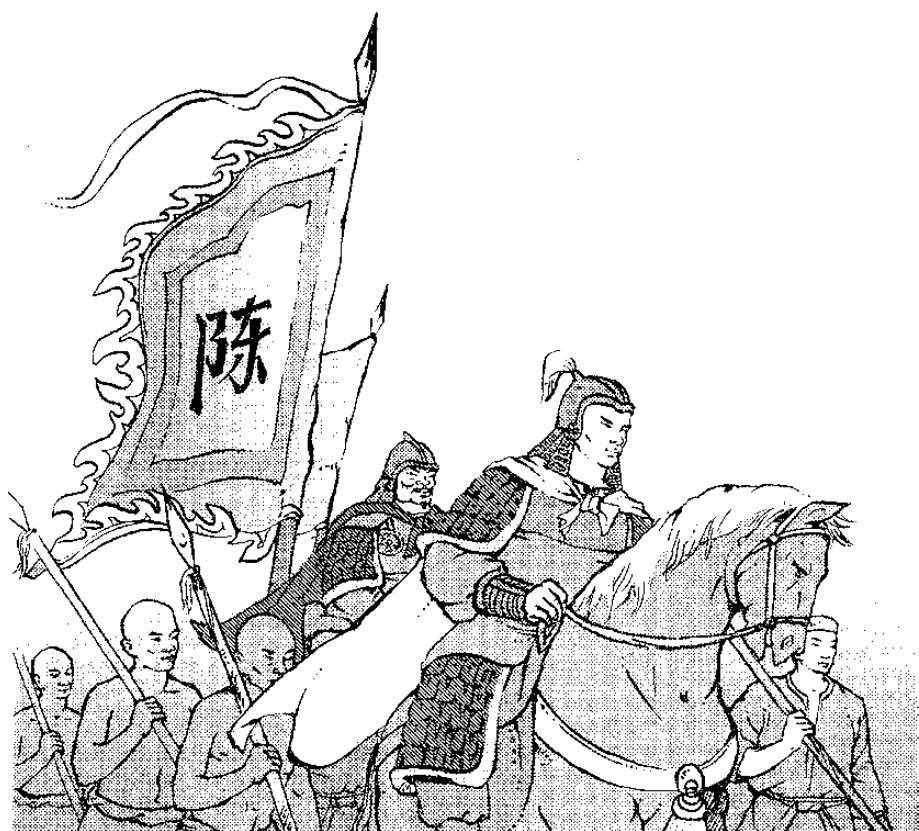
Đầu tiên, Trần Thủ Độ tìm mọi cách loại bỏ ảnh hưởng của nhà Lý trong xã hội. Vua Huệ Tông tuy đã đi tu nhưng thường ra chợ chơi, có nhiều người đón gặp, khóc thương. Trần Thủ Độ biết chuyện bèn ép Lý Huệ Tông vào tù ở chùa Chân Giáo nằm sâu trong hoàng cung, nhằm tách biệt vua cũ với dân chúng. Ít lâu sau Thủ Độ bức ông phải tự tử. Hoàng hậu vua Lý là Trần Thị Dung bị giáng làm Thiên Cục Công chúa (sau trở thành vợ Trần Thủ Độ, được phong làm Linh Từ Quốc mẫu).



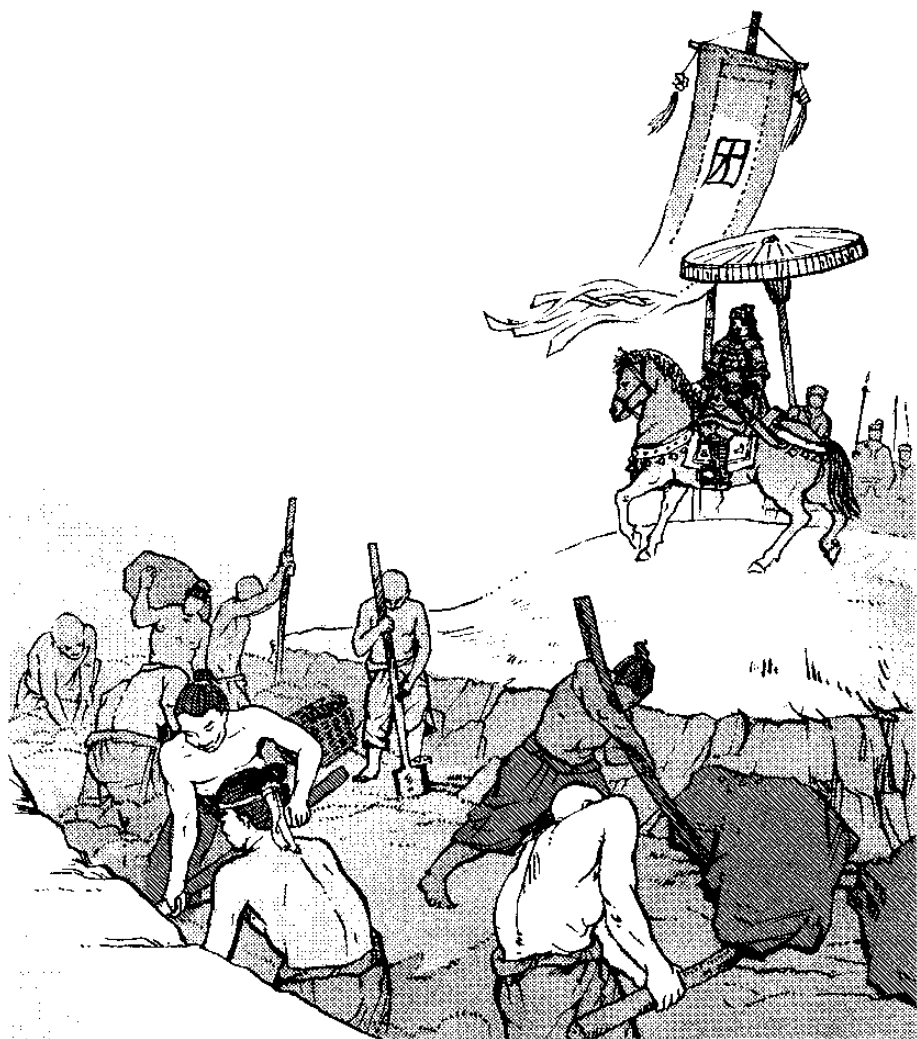
Các tướng lĩnh trung thành với nhà Lý cũng bị Trần Thủ Độ tìm cách tiêu diệt. Ai may mắn trốn thoát thì thay tên đổi họ, sống mai danh ẩn tích. Đặc biệt có hoàng tử Lý Long Tường cùng gia quyến mang binh thuyền vượt biển để tránh sự truy bức. Sau bao nhiêu ngày, thuyền cập xứ Cao Ly (Triều Tiên ngày nay). Trần Thủ Độ còn lấy cớ rằng chữ Lý đã phạm húy vì tên ông nội vua Trần Cảnh là Trần Lý mà buộc những người mang họ Lý, dù không phải hoàng thân quốc thích cũng phải đổi thành họ Nguyễn.



Nhưng trên tổng thể, Trần Thủ Độ có công trong việc dẹp loạn và chấn hưng đất nước. Bấy giờ, các thế lực ở một số địa phương nổi lên cát cứ, đặc biệt có Đoàn Thượng ở Hồng châu (Hải Dương) và Nguyễn Nộn ở Bắc Giang là hùng mạnh nhất. Thủ Độ điều động quân lính đi đánh dẹp. Thấy hai lực lượng này còn mạnh, ông thay đổi chiến lược, không dùng quân sự để đàn áp mà thực hiện chính sách chiêu dụ và chia rẽ.



Trần Thủ Độ xin vua phong cho Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo vương, cho cai quản một số huyện ở Bắc Giang đồng thời cũng phong tước cho Đoàn Thượng và định ngày làm lễ thề chung. Tuy thế, vào ngày định ước, Thượng không đến dự, lại còn xây thành đắp lũy, đào hào, bắt dân làm lính, tự mình làm chủ một cõi Hồng châu. Nguyễn Nộn đem quân đến đánh, giết chết Đoàn Thượng. Con của Thượng chống đỡ không nổi, phải quy hàng. Từ đấy thanh thế của Nguyễn Nộn ngày càng lớn.

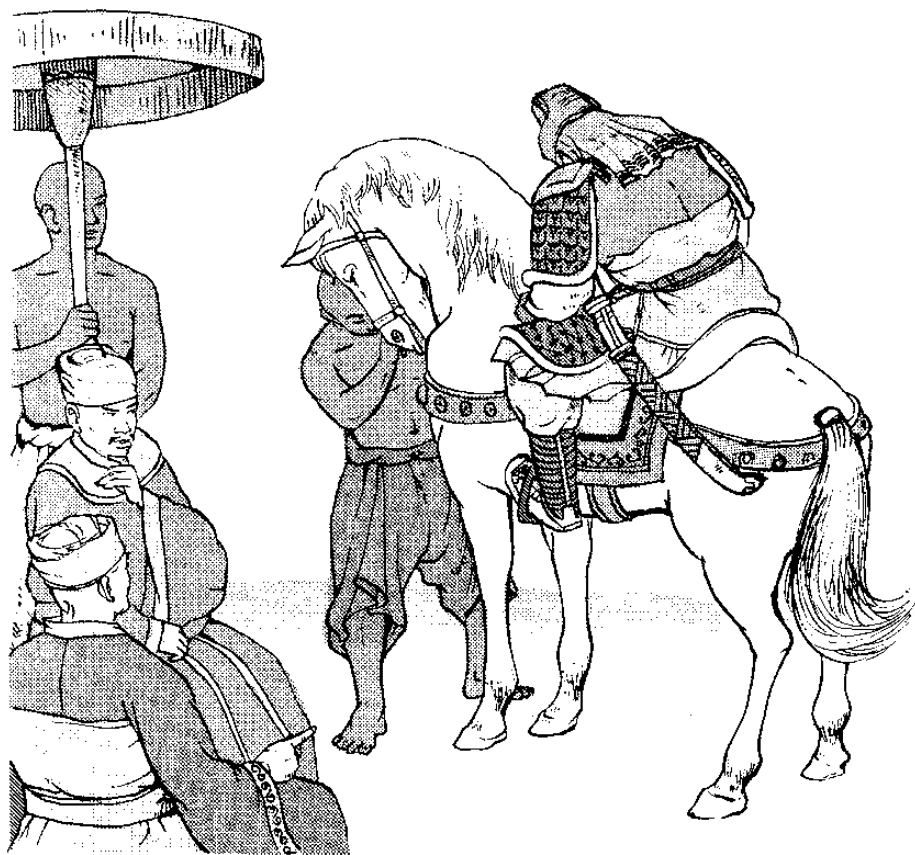


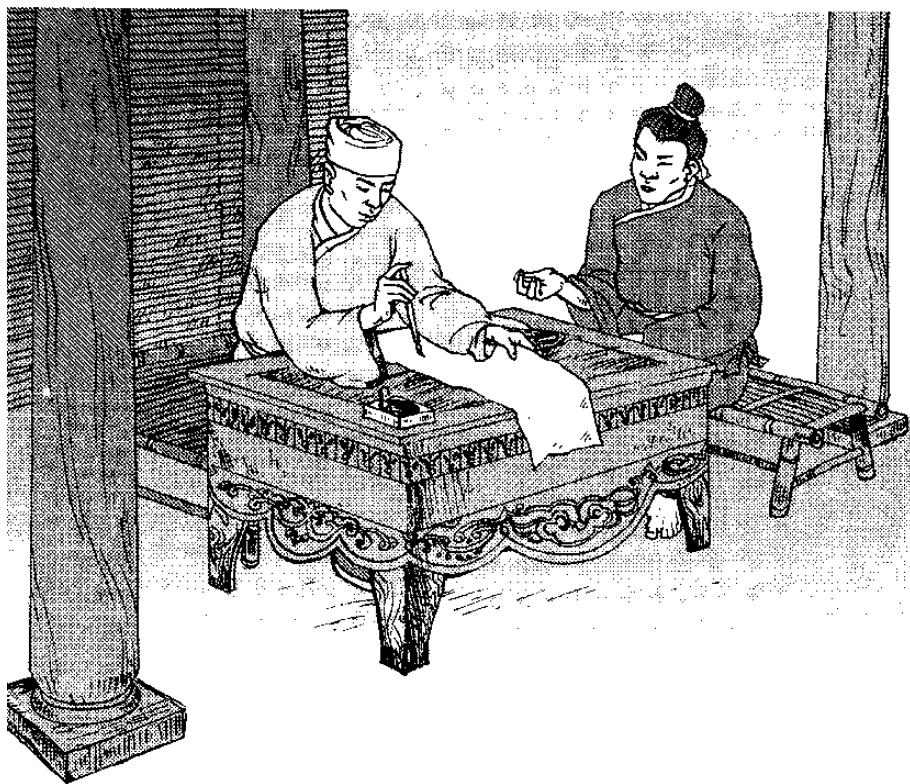


Lấy có Nguyễn Nộn giết được Đoàn Thượng, Trần Thủ Độ cho người mang thư đến mừng, lại đem công chúa Ngoạn Thiêm gả cho Nộn với mục đích dùng nàng để dò la binh tình. Dường như biết được ý định ấy, Nguyễn Nộn sai lính dựng cho công chúa một cung riêng biệt để ở. Vì vậy Ngoạn Thiêm cũng không nghe ngóng được chuyện gì.

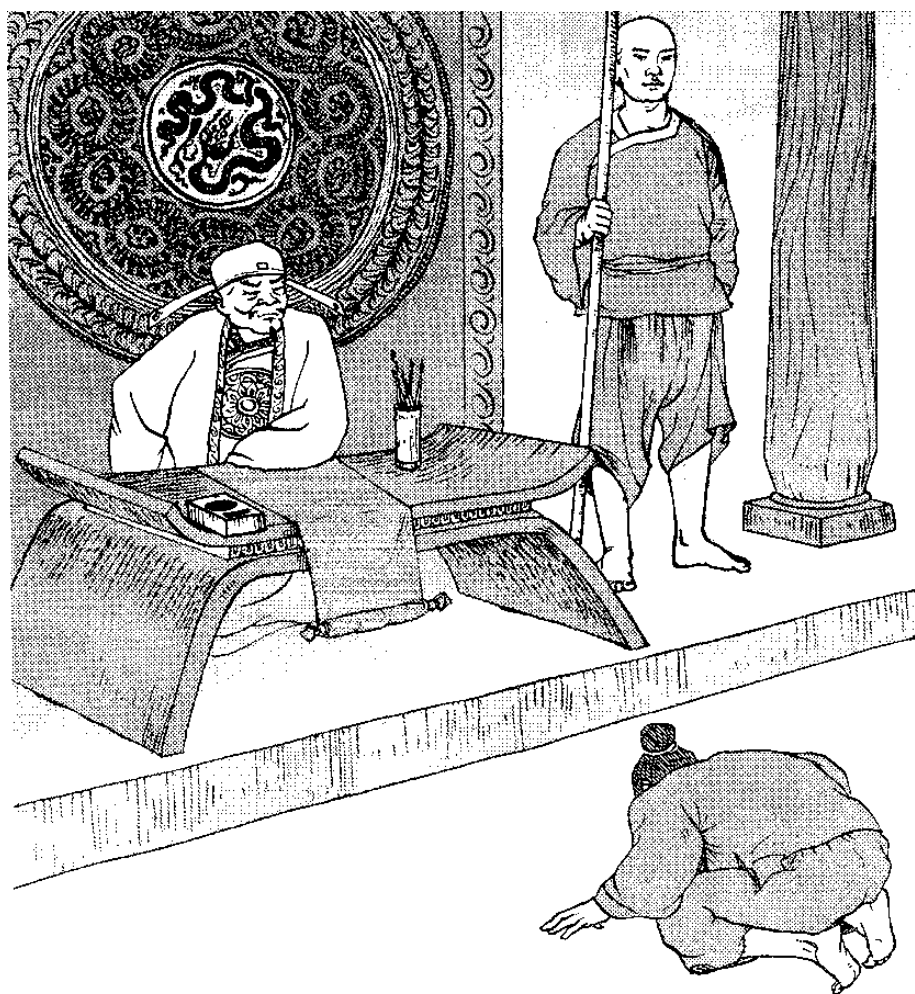


Đắc thắng, Nguyễn Nộn tự xưng là Đại Thắng vương và mặc sức ăn chơi. Tuy thế, Nộn cũng biết là phải phục tùng nhà Trần nên xin hẹn ngày vào bái kiến vua Thái Tông. Nhưng hôm ấy Nộn lại lâm bệnh nặng, không thể vào chầu được. Trần Thủ Độ cho người đến thăm. Nguyễn Nộn giấu bệnh, cố gượng dậy ăn cơm và phi ngựa trước mặt sứ giả để tỏ ra mình vẫn khỏe mạnh nhưng mấy ngày sau thì chết.





Từ đấy trong nước hết loạn lạc, Trần Thủ Độ tập trung sức lực xây dựng cơ đồ, ổn định việc nội trị. Để kiểm soát số dân trong nước, ông đặt ra lệ ghi chép danh sách các hộ dân tại các thôn xã vào sổ. Sử cũ ghi rằng ông là người rất công bằng, trong một lần duyệt hộ khẩu, bà Linh Từ, vợ của Trần Thủ Độ, muốn xin cho người quen của mình làm một chức trong xã. Ông bèn ghi tên họ, quê quán của người ấy và cho gọi đến.



Khi người quen của bà Linh Từ hớn hở đến trình diện, Trần Thủ Độ bảo: “Người vì có công chúa (tức bà Linh Từ) xin cho làm Câu đương^(*), thế thì không thể xem người như những Câu đương khác. Do đó phải chặt một ngón chân của người để phân biệt”. Người ấy hoảng hồn, van xin không nhận chức để khỏi bị chặt ngón chân. Từ đó, không ai dám nhờ ông ưu ái cho những việc riêng tư nữa.

^{*} Một chức dịch nhỏ về trật tự an ninh ở trong xã.

Thái sư Trần Thủ Độ rất đề cao trật tự, pháp luật trong nước và chính ông cũng rất gương mẫu thực hiện. Có lần bà Linh Từ ngồi kiệu định đi qua chỗ cấm thì bị một người quân hiệu^(*) chặn lại. Rất tức giận nhưng không làm gì được, bà đành phải về nhà than vãn với chồng: “Mụ này làm vợ ông mà bọn quân hiệu lại dám khinh nhờn như thế ư?”. Thái sư cho bắt người quân hiệu ấy xét hỏi. Nhưng khi biết sự thật, ông nói: “Người ở chức thấp mà còn biết giữ phép nước như thế, ta trách sao được” rồi thưởng bạc cho người ấy.

** Người lính có nhiệm vụ gác cổng.*



Việc làm của Trần Thủ Độ khiến nhiều người nể phục, vì thế luật lệ, phép tắc trong triều được nghiêm minh. Nhưng cũng có người thấy quyền lực của Thủ Độ quá lớn nên lo lắng tâu với vua Trần Thái Tông: - “Nay Bệ hạ đang tuổi nhỏ mà Trần Thủ Độ lại chuyên quyền thì việc xã tắc tính thế nào?”. Nghe vua kể lại, Trần Thủ Độ tâu: - “Kẻ kia nói đúng, thần quả có chuyên quyền. Nhưng các quan đều giả câm, chỉ có kẻ kia là dám nói thật. Muốn xã tắc hưng thịnh thì phải khuyến khích người ta nói thẳng, nói thật”. Rồi ông xin vua thưởng vàng bạc cho người ấy.



Nhưng đôi khi, vì quyền lợi của dòng họ, Trần Thủ Độ cũng có những việc làm thái quá. Đó là vào năm Đinh Dậu (1237), vua Thái Tông đã 20 tuổi mà hoàng hậu vẫn chưa có con. Việc nhà vua không có con đe dọa đến sự bền vững của ngai vàng. Bởi vậy, Trần Thủ Độ ép vua phải phế Chiêu Thánh, rước vợ của Trần Liễu là Thuận Thiên (Thuận Thiên là chị ruột của Chiêu Thánh) khi ấy đã có mang ba tháng, về lập làm Hoàng hậu để vua có người nối dõi.

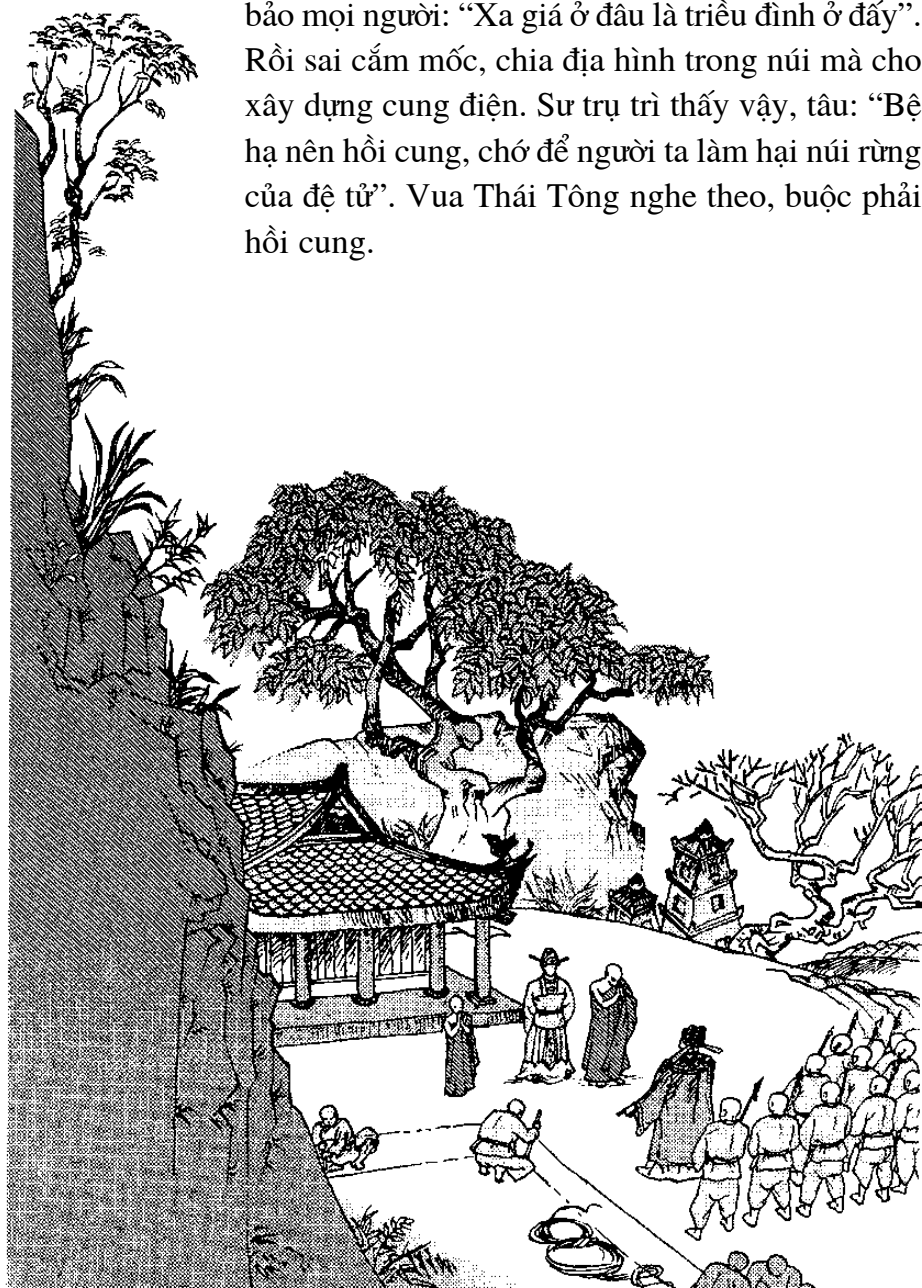


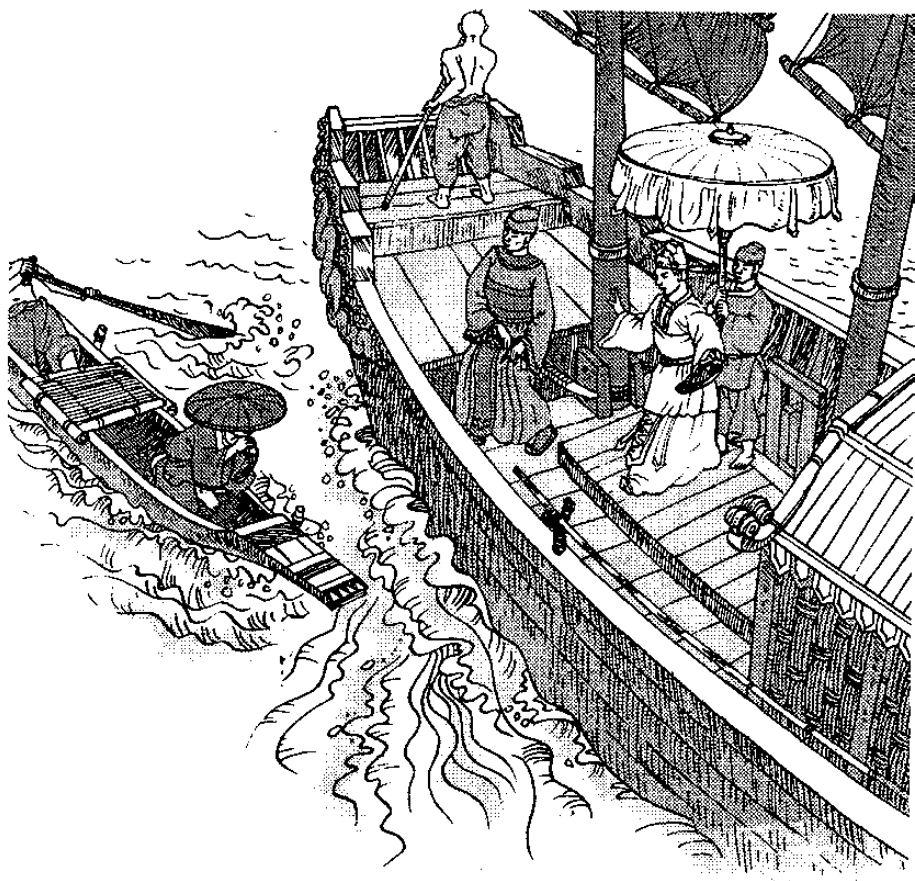


Trần Liễu bèn tụ tập quân lính nổi loạn ở sông Cái (sông Hồng) còn vua Trần Thái Tông thì bất bình, đang đem một mình một ngựa lẻn trốn khỏi thành, nhắm núi Yên Tử mà đến. Khi tới Phả Lại, con ngựa đuối sức, nhà vua liền bỏ ngựa, đi bộ. Một ngày sau mới lên được chùa Phù Vân trên núi Yên Tử. Sư trụ trì chùa vốn là bạn cũ của nhà vua, nên vua ở lại đấy.



Trần Thủ Độ biết tin, đem quân thần đi đón. Vua không chịu về, bảo: “Trẫm còn nhỏ dại, phụ hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, không dám ở ngôi vua để làm nhục xã tắc”. Cố nài hai, ba lần, nhà vua vẫn không chịu về, Thái sư bèn bảo mọi người: “Xa giá ở đâu là triều đình ở đấy”. Rồi sai cắm mốc, chia địa hình trong núi mà cho xây dựng cung điện. Sư trụ trì thấy vậy, tâu: “Bệ hạ nên hồi cung, chớ để người ta làm hại núi rừng của đệ tử”. Vua Thái Tông nghe theo, buộc phải hồi cung.





Trần Liễu cũng biết sức mình thế cô, không chống chọi được với người chú họ mưu lược và quyết đoán nên một hôm nhân lúc nhà vua đi chơi thuyền ở ngoài sông, ông giả dạng làm người đánh cá, đi thuyền độc mộc đến xin hàng. Trần Thủ Độ nghe tin, vội kéo quân đến vây thuyền rồng, rút gươm quát lớn:

- Giết chết tên giặc Liễu!

Nhà vua vội đưa thân mình ra che chở cho anh trai và phân trần:

- Phụng Càn vương (tên hiệu của Trần Liễu) đến hàng đó thôi!

Trần Thủ Độ tức lắm nhưng cũng không dám làm gì đành ném gươm xuống sông, thốt lên:

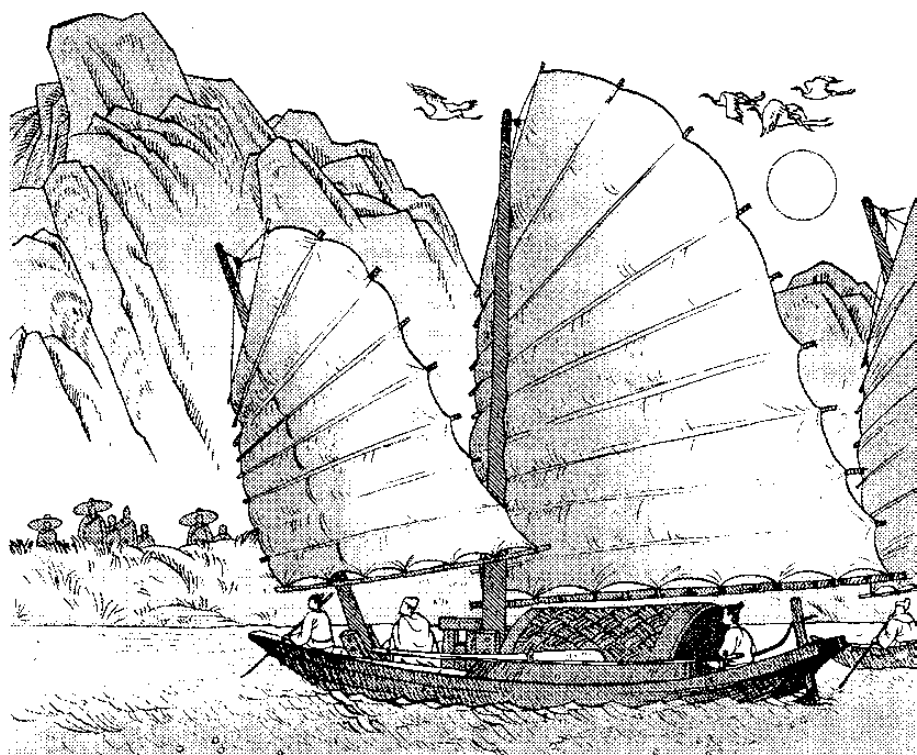
- Thủ Độ này chỉ là con chó săn thôi, biết đâu sự thuận nghịch của anh em nhà ngươi!



Sau khi thuyết phục Trần Thủ Độ bãi binh, vua Thái Tông cấp cho Trần Liễu vùng đất An Sinh (nằm ở hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay) làm thái ấp và phong ông làm An Sinh vương. Tuy vậy Trần Liễu vẫn mang nỗi oán hận trong lòng. Mâu thuẫn này khiến trong hoàng tộc có nhiều chia rẽ và phải đến đời con Trần Liễu là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn mới được cởi bỏ.



Lúc này, vua Trần Thái Tông đã đảm đương được việc triều chính và có những quyết định sáng suốt. Nhà vua còn là người rất gan dạ. Vào mùa đông năm Tân Sửu (1241), vua thân chinh đi tuần ở biên giới bằng đường thủy. Đến địa giới của nhà Tống, vua bỏ thuyền lớn dùng ba thuyền nhỏ là Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang để đi vào đất Tống, đến tận châu Liêm, châu Khâm. Khi bị dân địa phương phát hiện và chằng dây xích ngang sông để cản đường, vua bình thản cho quân lên bờ tháo xích rồi ung dung theo đường cũ mà về.

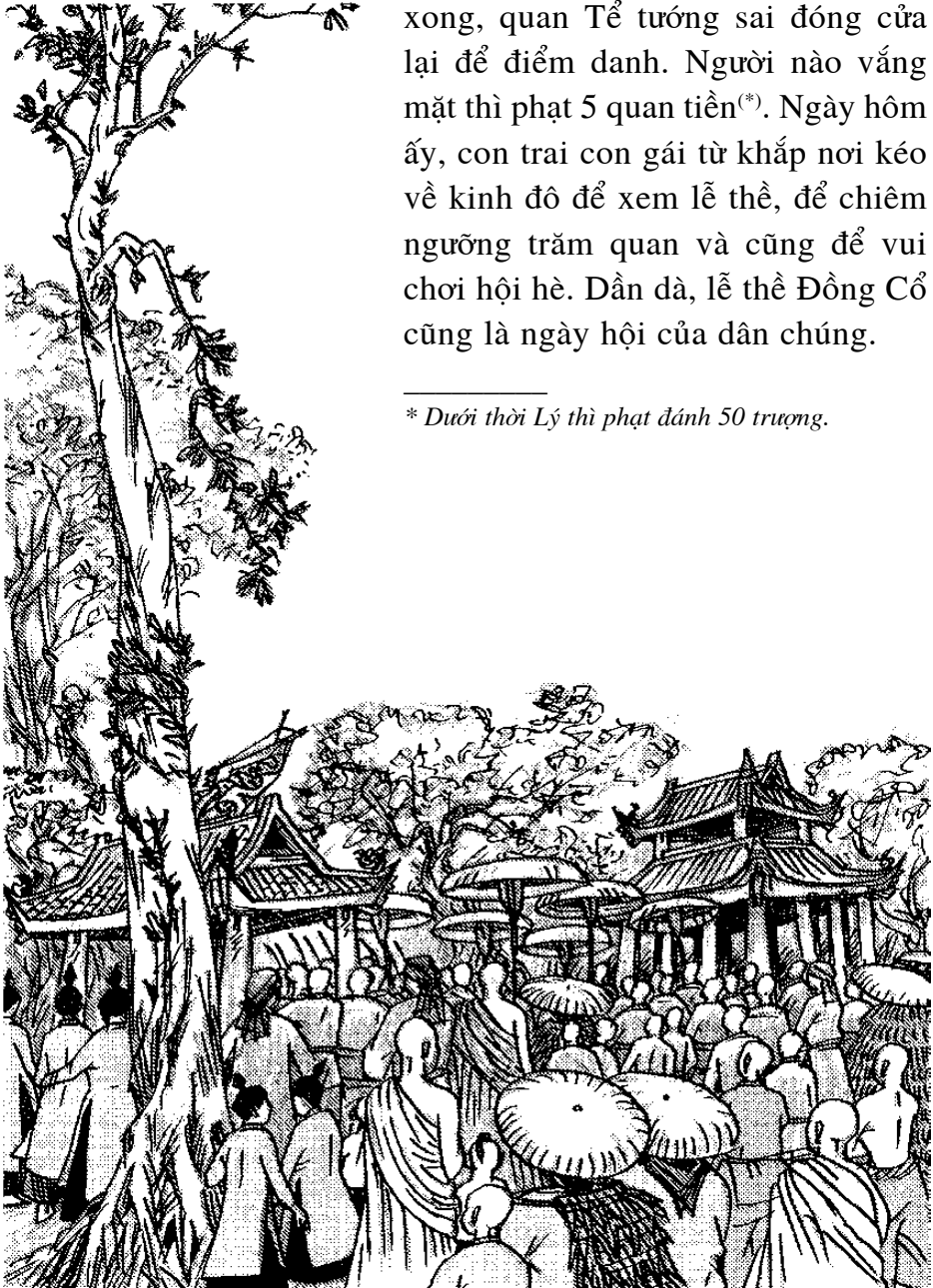


Trần Thủ Độ vẫn hết mình giúp đỡ vua Thái Tông trong việc điều hành đất nước. Nhờ vua tôi một lòng mà Đại Việt đã dần ổn định và ngày một hưng thịnh. Nhà Trần vẫn giữ lệ cử hành lễ thề Đồng Cổ vào ngày mùng 4 tháng tư âm lịch hàng năm như dưới triều Lý để buộc các quan phải trung thành với triều đình. Hôm ấy, trăm quan ăn mặc chỉnh tề, chực ngoài cửa thành từ lúc gà gáy cho đến mờ sáng thì tiến vào triều. Vua thì ngự sẵn ở điện Đại Minh. Trăm quan vào lạy mừng rồi cùng nhau rầm rộ tiến ra cửa tây kinh thành để đến đền Đồng Cổ.



Khi tất cả đã quỳ trước đài thờ, quan Trung thư Kiểm chính đọc lời thề: “Làm tôi phải tận trung, làm quan phải thanh bạch; ai trái lời thề thì thần linh trừng phạt”. Lời thề đọc xong, quan Tể tướng sai đóng cửa lại để điểm danh. Người nào vắng mặt thì phạt 5 quan tiền^(*). Ngày hôm ấy, con trai con gái từ khắp nơi kéo về kinh đô để xem lễ thề, để chiêm ngưỡng trăm quan và cũng để vui chơi hội hè. Dần dà, lễ thề Đồng Cổ cũng là ngày hội của dân chúng.

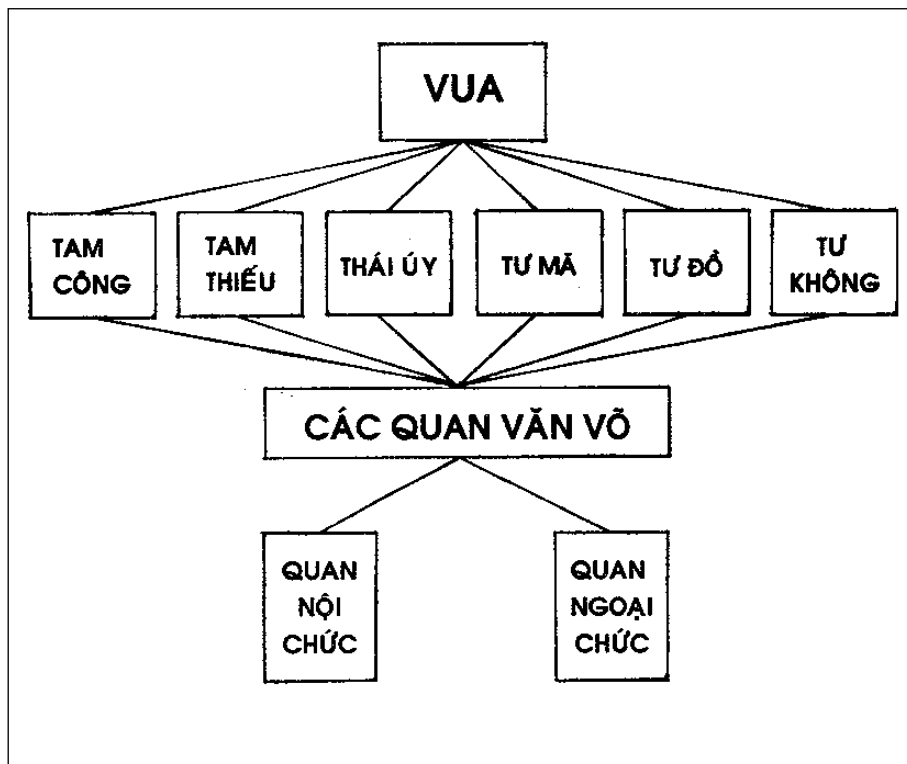
^{*} Dưới thời Lý thì phạt đánh 50 trượng.



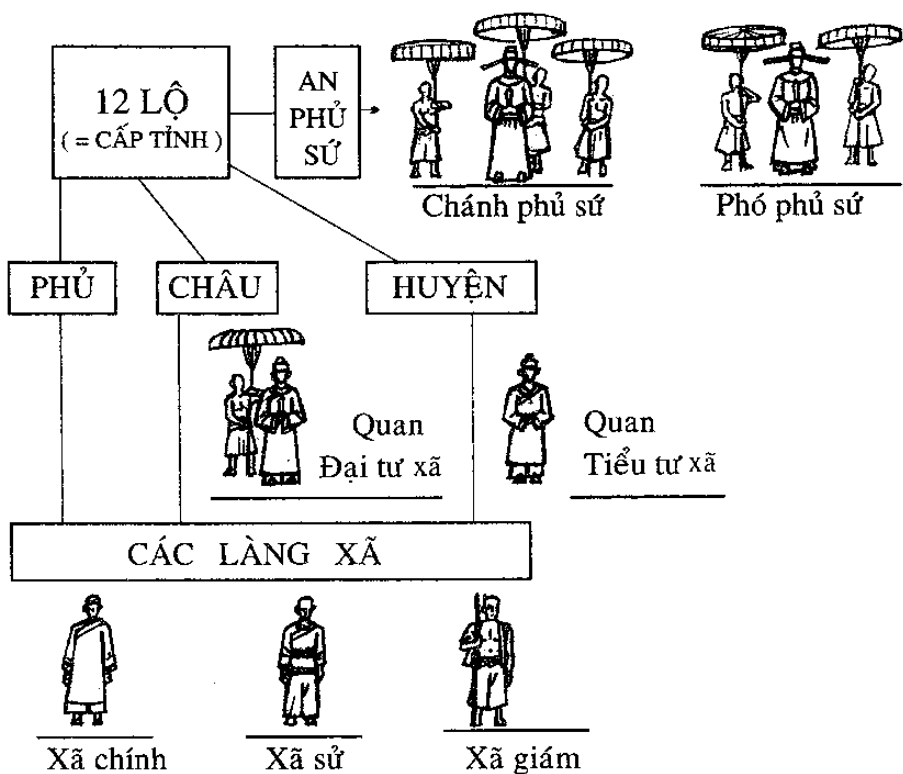
Nhà Trần đặc biệt ưu đãi giới quý tộc họ Trần. Chỉ có người họ Trần mới được giữ những chức vụ quan trọng. Giới quý tộc họ Trần đóng vai trò quyết định trong bộ máy quan lại và quân đội. Họ còn được cấp đất để lập những thái ấp rộng lớn và được nuôi rất nhiều gia nô trong thái ấp của mình.



HỆ THỐNG QUAN LẠI NHÀ TRẦN (1226 - 1400)



Các quan lại khác đều có lương và ruộng đất, nhưng ruộng đất của quan lại thì nhỏ hơn thái ấp hoàng tộc. Hệ thống quan lại được định chế rõ ràng. Cấp quan cao nhất là Tam công, Tam thiếu, Thái úy, Tư mã, Tư đồ, Tư không. Ở dưới là các quan văn võ chia làm hai: quan nội chức làm ở các bộ tại triều và quan ngoại chức làm việc tại các địa phương. Cứ 15 năm thì quan được lên chức một lần.



Từ năm 1242, nước Đại Việt được chia làm 12 lộ^(*). Mỗi lộ có quan cai trị là An phủ sứ. Giúp việc cho An phủ sứ là Chánh phủ sứ và Phó phủ sứ. Dưới lộ là *phủ*, *châu*, *huyện* do các quan Đại tư xã hay Tiểu tư xã trông coi. Quan Đại tư xã phải từ ngũ phẩm trở lên, còn quan Tiểu tư xã thì lục phẩm trở xuống. Đơn vị dưới cùng là *làng xã* do Xã quan quản lý, gồm Xã chính, Xã sử và Xã giám.

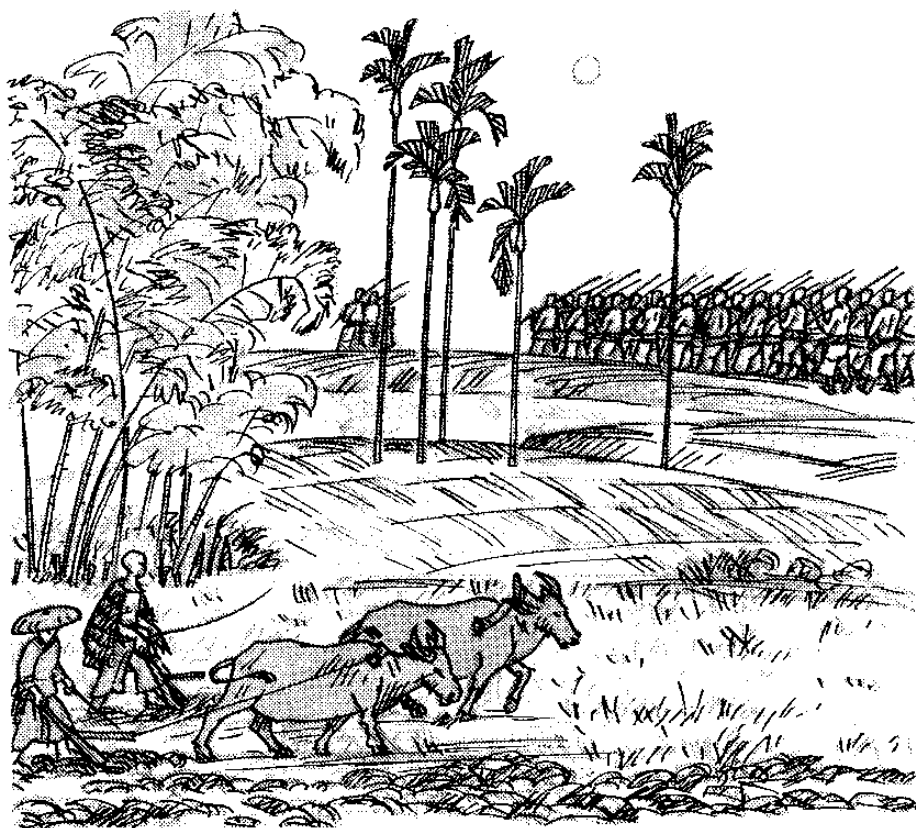
* Tương đương với tỉnh ngày nay.

Tổ chức quân đội thời Trần có một bước tiến đáng kể so với trước. Đặc biệt số lượng quân thường trực khá lớn, có thể lên đến 20.000 người. Quân triều đình gồm Cấm quân và các quân địa phương (quân các lộ). Giống như các thời Đinh, Lý trước, Cấm quân (quân cấm vệ) thời Trần có nhiệm vụ bảo vệ vua và triều đình. Binh lính trong Cấm quân được tuyển chọn cẩn thận từ các hương ấp quê hương họ Trần nên hết sức trung thành.



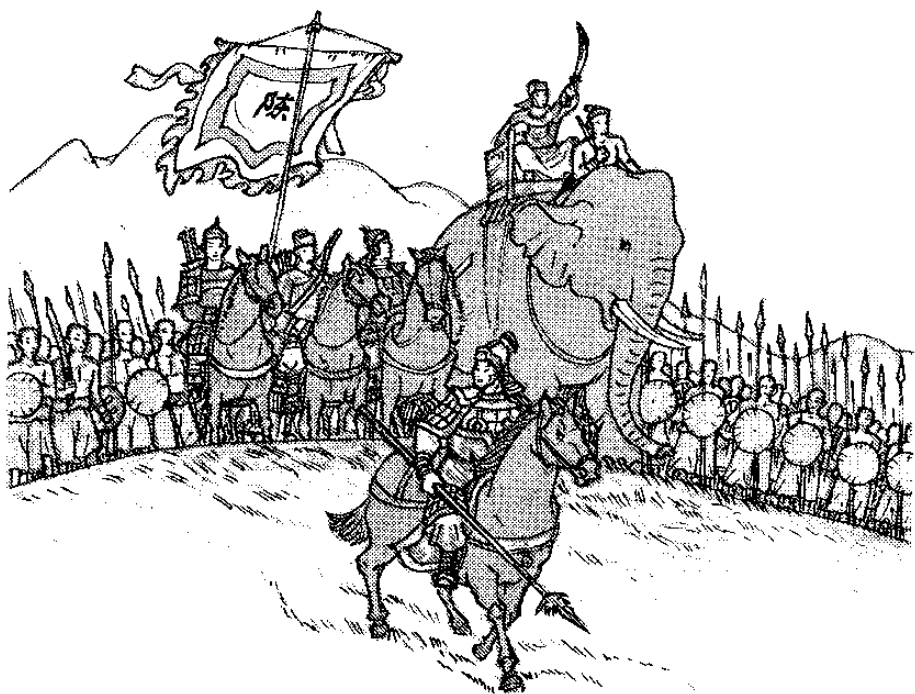


Quân địa phương có nhiệm vụ bảo vệ các lộ và tham gia chiến trận khi có chiến tranh. Ngoài Cẩm quân và quân các lộ, nhà Trần còn có lực lượng vũ trang của các nhà vương hầu để bảo vệ điền trang thái ấp và tham gia chiến đấu bảo vệ đất nước khi cần. Đáng chú ý là một vương hầu có thể có hàng ngàn quân.



Như triều Lý, nhà Trần cũng thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”. Tất cả dân tráng trong nước đều phải đi lính. Số quân đi binh dịch này được phiên chế thành *đô*, *ngũ*^(*) để luyện tập, hết hạn lại trở về làm ruộng, khi nào có việc thì mới điều động.

* Một *ngũ* gồm 5 người, 10 *ngũ* là một *đô*.



Quân đội nhà Trần đã bắt đầu có sự phân biệt giữa quân thủy và quân bộ. Ngoài ra còn có cả đội tượng binh và kỵ binh. Binh lính được tập luyện kỹ lưỡng, có kỷ luật và quyết tâm cao còn các tướng thì không chỉ tinh thông võ nghệ mà còn giỏi cả binh pháp. Chính vì vậy, quân đội nhà Trần không chỉ có lực lượng mạnh mà còn có kỹ thuật chiến đấu khá cao.

Bên cạnh việc xây dựng quân đội, nhà Trần rất chú trọng đến nông nghiệp - sức mạnh kinh tế chủ yếu thời ấy. Ruộng có hai loại là ruộng công và ruộng tư. Giống như thời Lý, ruộng công thuộc về nhà nước phần lớn là ruộng quốc khố do nông nô, binh lính và tù nhân cày cấy để thu lợi tức cho triều đình. Ngoài ra còn có một phần dành cho việc thờ cúng các vị vua khởi nghiệp và công thần (ruộng Sơn Lăng) và một số ít để vua cày tịch điền hàng năm.



Còn ruộng công ở các làng xã gọi là quan điền (công điền) hay quan điền bản xã do làng xã quản lý. Nông dân các làng xã chia nhau cày cấy và đóng tô cho nhà nước. Nhà vua có quyền lấy số ruộng của các làng xã phong cho quý tộc làm thái ấp hoặc ban phong cho các công thần làm bổng lộc. Khi đó, ruộng này vẫn do nông dân ở đó cày cấy nhưng tô thuế không nộp cho nhà nước mà nộp cho người được cấp ruộng.



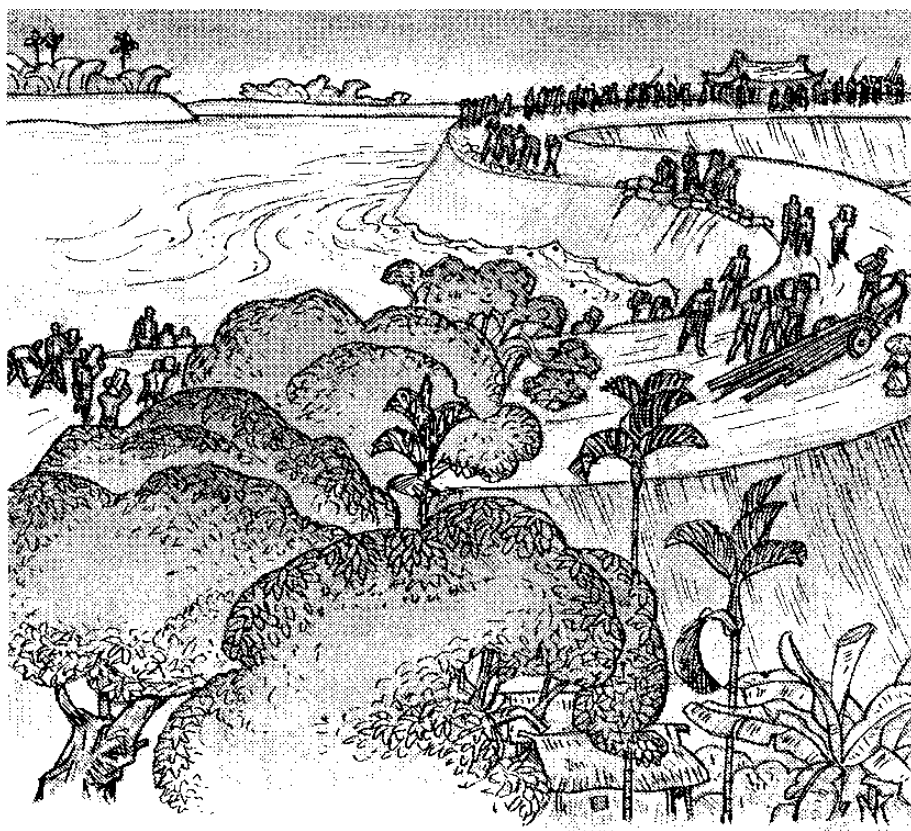


Ruộng tưng đã có từ thời Lý, sang thời Trần thì phát triển hơn do từ năm 1254, vua Thái Tông cho phép bán quan điền (ruộng công làng xã) cho dân. Mỗi diện^(*) được bán với giá 5 quan. Do đó, tầng lớp nông dân tự hữu cũng nhiều hơn trước. Ai có ruộng thì tùy theo số lượng mà đánh thuế bằng thóc. Ngoài ra, nhà vua còn định ra những luật lệ nghiêm khắc trong việc tranh chấp ruộng đất.

* Như mẫu bây giờ.

Để bảo vệ nông nghiệp, vua Thái Tông cho lập cơ quan Hà đê trông coi việc đê điều, đứng đầu là Hà đê chánh sứ và Hà đê phó sứ. Hằng năm, vào tháng giêng, quan Hà đê phải thân hành đi đốc thúc dân đinh tu bổ lại hệ thống đê điều đã có từ trước. Đây được xem như một việc chung, dù giàu hay nghèo, cao sang hay thấp hèn đều phải tham gia. Công việc này được tiến hành cho đến đầu mùa hạ phải xong. Đến khi nước sông dâng cao lại phải tuần tra, canh gác để kịp thời sửa chữa những chỗ sạt lở.



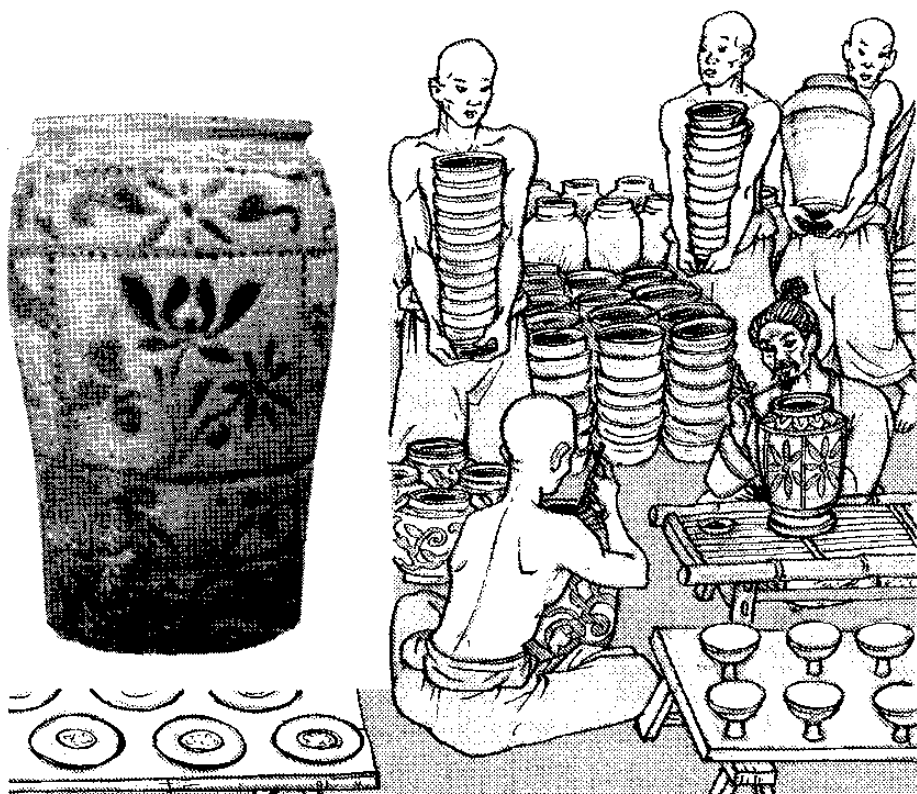


Vào tháng 3 năm Mậu Thân (1248), nhà vua huy động tất cả các quan dân ở các lộ ven sông Cái (sông Hồng) đắp một con đê rất lớn gọi là Đỉnh Nhĩ (tức đê Quai Vạc). Đê chạy dài ven hai bên bờ sông, bắt đầu từ thượng nguồn cho đến biển. Nếu chỗ đê nào lấn vào ruộng đất của dân thì nhà nước chiếu theo giá ruộng đất mà bồi thường. Đê sông Hồng được các đời sau tu bổ, đến nay vẫn là công trình phòng chống lũ lụt rất hiệu quả.

Đi đôi với đắp đê là đào sông, tháng giêng năm Tân Mão (1231), vua Thái Tông cho đào kênh Trầm, kênh Hào từ phủ Thanh Hóa đến Diễn châu (Nghệ An). Năm 1248, vua lại cho đào sông Mã, sông Lẽ và đào kênh xuyên qua núi Chiêu Bạch ở Thanh Hóa. Năm 1256, triều đình cho vét sâu sông Tô Lịch để đảm bảo giao thông và phòng thủ kinh thành.



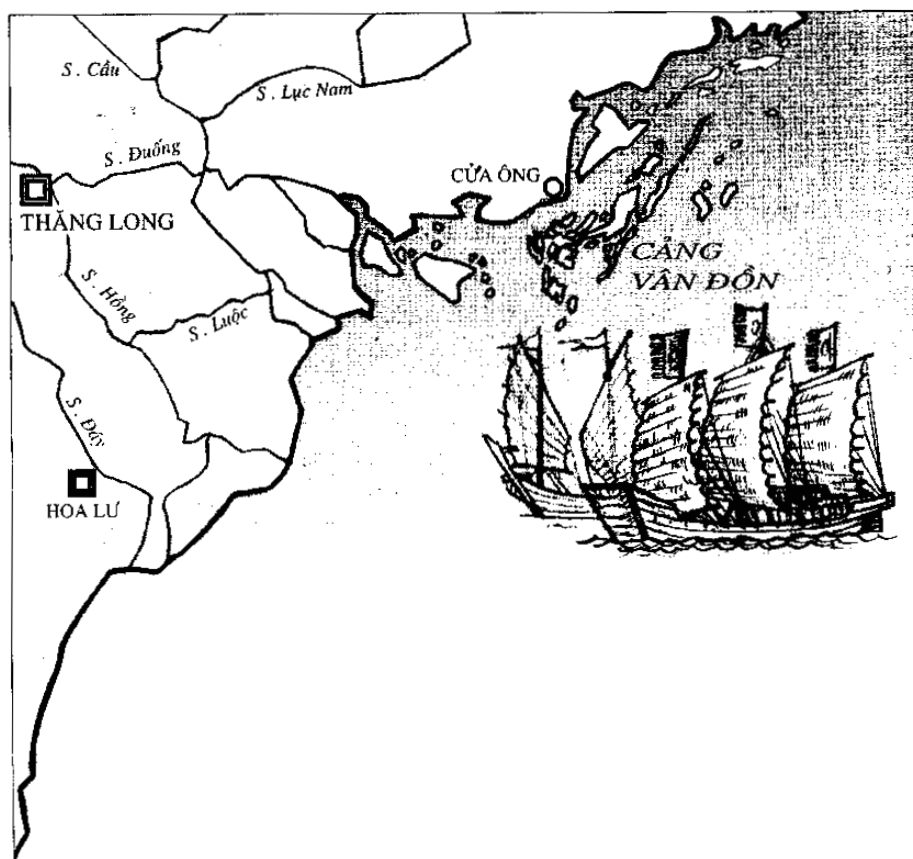
Công thương nghiệp đời Trần có những bước phát triển mới. Các phường thủ công mở rộng hơn trước, hình thành thêm một số làng nghề chuyên môn. Đặc biệt, nghề gốm rất phát triển với các loại sản phẩm như gạch, ngói, tháp, hũ, bát,... được buôn bán rộng rãi trong cả nước. Hàng gốm cao cấp không chỉ được dùng trong cung điện, các phủ đệ mà còn làm cống phẩm bang giao và buôn bán với nước ngoài.



Kinh thành Thăng Long được tu bổ và mở rộng, có chợ búa, phố xá,... Người qua lại buôn bán đông đúc. Vùng phụ cận xung quanh kinh thành đã được khai phá và lập thành “thập tam trại” từ thời Lý, nay càng mở rộng và trở thành những vùng chuyên canh nông nghiệp ổn định.



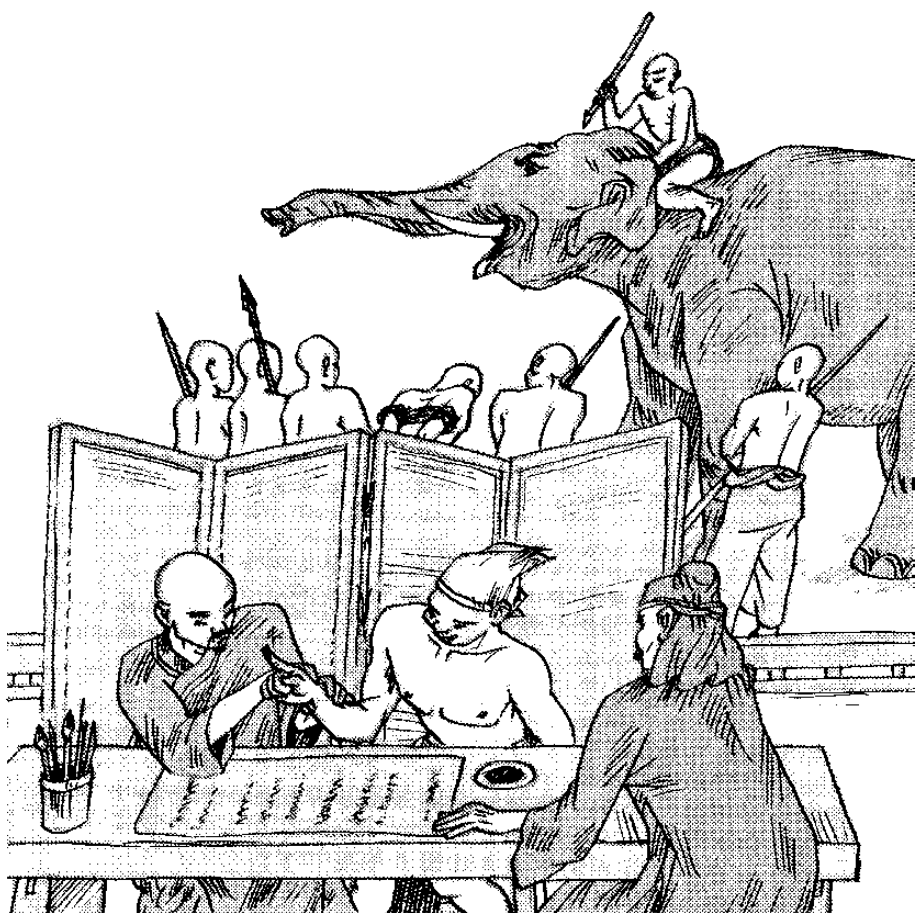




Buôn bán trao đổi với các nước khác được mở rộng. Hải cảng chính cho tàu buôn nước ngoài đến là bến Vân Đồn bên ngoài vịnh Hạ Long (Quảng Ninh). Các tàu buôn từ Trung Quốc và các nước quanh vùng tập nập ra vào thương cảng này. Ngày nay, qua khai quật, người ta còn thấy phế tích thương cảng này ở các đảo Vân Đồn, Quan Lạn, Ngọc Vũng, Cống Đông, Cống Tây,...

Vua Trần Thái Tông còn định lại thuế lệ và pháp luật. Người trong nước được phân ra từng hạng^(*). Thuế thân phải đóng bằng tiền chứ không phải đóng bằng thóc như thuế ruộng. Nếu không có ruộng thì được miễn. Các giấy tờ, đơn từ, khế ước đều dùng lệ điểm chỉ - in nửa ngón tay vào tờ giấy - để làm bằng. Nhờ thế, công việc hành chính tiến hành khá kỉ cương. Tuy nhiên, hình luật lại khá nặng, người phạm tội trộm cắp phải bị chặt chân hoặc chặt tay, thậm chí còn bị cho voi giày.

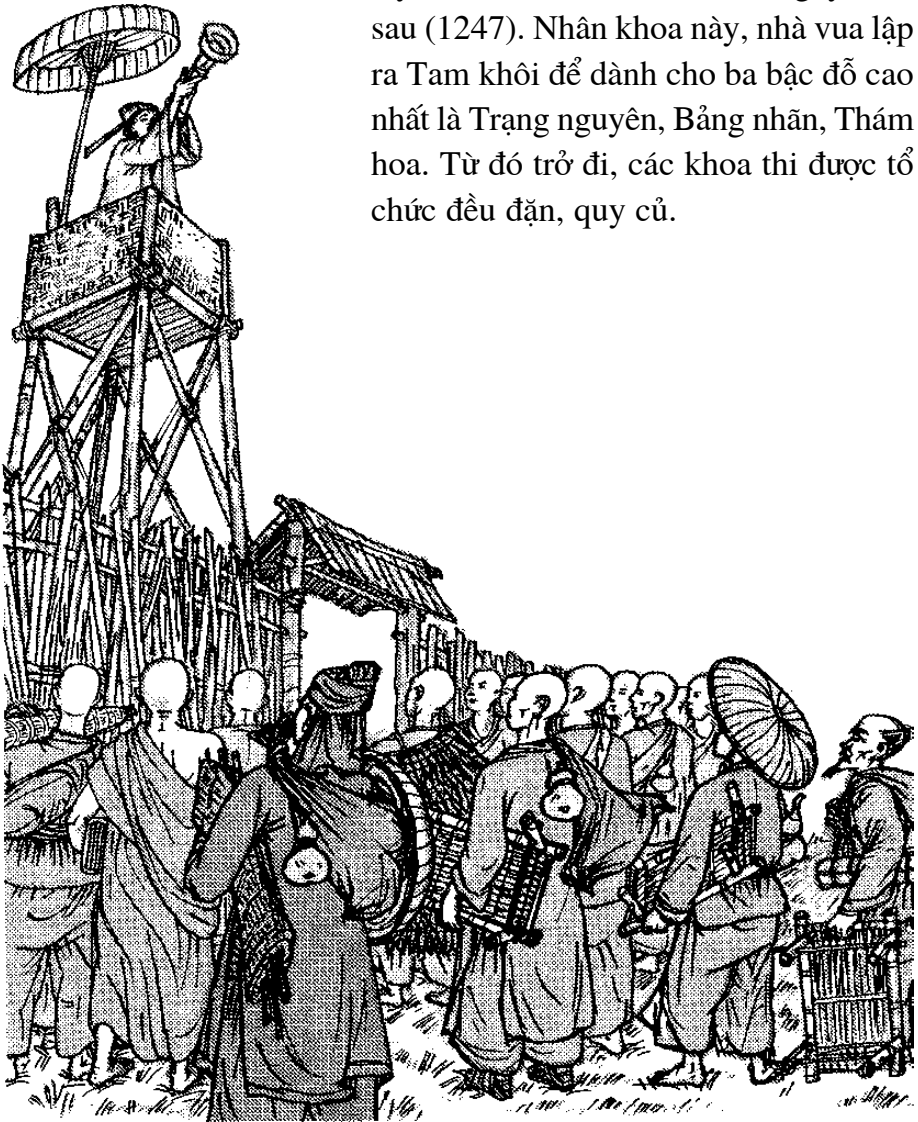
** Con trai từ 18 tuổi gọi là tiểu hoàng nam, trên 20 tuổi gọi là đại hoàng nam, trên 60 tuổi là lão, còn già lắm thì được gọi là long lão (người già mỗi một).*



Đối với quý tộc và quan lại, vua Trần Thái Tông cũng định ra quy chế để phân biệt thứ bậc. Từ ngũ phẩm trở lên đều được đi kiệu, ngựa và võng. Kiệu của quý tộc có đầu đòn chạm con chim phượng và sơn son đỏ. Nếu là quan tướng quốc thì đầu đòn chạm chim phượng và sơn đen, lọng màu tía. Từ tam phẩm trở lên dùng kiệu đầu đòn chạm mây, lọng xanh. Quan tứ phẩm, ngũ phẩm dùng kiệu bằng đầu và cũng lọng xanh. Riêng các quan lục thất phẩm dùng lọng lọng màu đen...



Nhà Trần cũng rất quan tâm đến việc chiêu hiền đãi sĩ. Tháng 2 năm Nhâm Thìn (1232), triều đình mở khoa thi Thái học sinh, sĩ tử mọi nơi nô nức dự thi. Một số nho sĩ thi đỗ, được bổ dụng làm quan. Việc ấy khiến lòng người háo hức. Qua tháng 7 năm Bính Ngọ (1246), nhà vua định lệ cứ 7 năm thì mở một khoa. Kỳ thi thứ nhất được tổ chức ngay năm sau (1247). Nhân khoa này, nhà vua lập ra Tam khôi để dành cho ba bậc đỗ cao nhất là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Từ đó trở đi, các khoa thi được tổ chức đều đặn, quy củ.





Nhà vua lại cho mở ra Quốc học viện (1253) để nho sĩ đến học tứ thư, ngũ kinh của Nho giáo. Tượng thờ Khổng Tử, Chu Tử và Mạnh Tử cùng 72 vị tiền hiền ở Văn Miếu đều được tu bổ lại. Nho giáo được đề cao. Dần dần, tầng lớp nho sĩ được đào tạo qua các kỳ thi càng đông và bắt đầu lấn át vị thế của các nhà sư. Kỳ thi năm 1247, 48 người đỗ Thái học sinh, trong đó có 3 người đỗ Tam khôi. Đó là Trạng nguyên Nguyễn Hiền (13 tuổi), Bảng nhãn Lê Văn Hưu (17 tuổi) và Thám hoa Đặng Ma La (14 tuổi). Đây cũng là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa chính thức đầu tiên của nước ta.



Nguyễn Hiền người xã Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (Nam Định ngày nay). Ông đỗ Trạng nguyên năm mới 13 tuổi. Tương truyền, thuở nhỏ, gia đình cho ông theo học với một nhà sư. Hiền được cạo đầu, hàng ngày vào chùa quét dọn và hầu hạ thầy. Tuy nghịch ngợm nhưng Hiền học hành chăm chỉ, lúc lên 11 tuổi đã nổi tiếng là thông kinh sử và được mệnh danh là thần đồng.

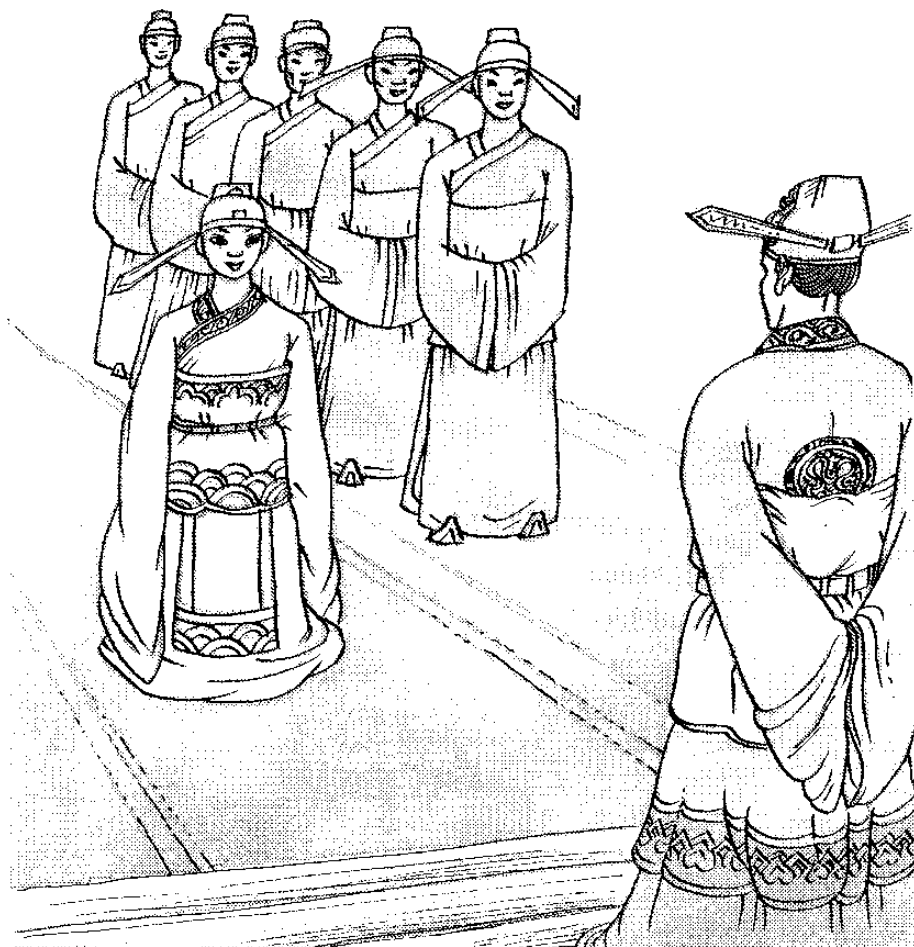
Khi Nguyễn Hiền thi đỗ, được vào chầu vua, vua hỏi:

- Trạng nguyên học với ai?

Hiền trả lời:

- Tâu bệ hạ, thần không phải là người sinh ra đã biết hết. Khi nào có một đôi chữ không biết thì thần hỏi thầy chùa.

Thấy Hiền còn nhỏ mà ăn nói lại ngông nghênh, nhà vua không bằng lòng, buộc Hiền phải về quê học thêm lễ nghĩa.





Ít lâu sau, nước Đại Việt bị đế quốc Mông Cổ dòm ngó, tính bề xâm chiếm. Mông Cổ sai sứ đem thư qua Đại Việt thách đố triều đình giải bốn câu chữ Hán là:

Lưỡng nhật bình đầu nhật, (Hai mặt trời đầu bằng nhau)

Tứ sơn diên đảo sơn. (Bốn hòn núi nghiêng ngả)

Nhị vương tranh nhất quốc, (Hai vua tranh một nước)

Tứ khẩu tung hoành giang. (Bốn miệng cùng ngang dọc)

Cả triều đình không ai tìm ra được lời giải mà không giải được thì thật là nhục quốc thể, thậm chí Mông Cổ sẽ coi nước ta không có nhân tài mà sớm xua quân qua xâm chiếm.

Vua chợt nhớ đến Trạng nguyên Nguyễn Hiền bèn sai sứ giả tức tốc về quê Trạng. Đến nơi, sứ gặp một nhóm trẻ đang chơi đùa. Đoán biết là Trạng ở trong nhóm ấy, nhưng sứ không biết mặt, bèn ra câu đố về coi thường:

- *Tự là chữ, cắt giăng đầu, chữ tử là con: con ai con ấy?*

Hiền đối lại ngay, lời lẽ bốn cột:

- *Vu là chung, chặt là ngang lưng, chữ đình là đứa: đứa nào đứa này?*

Đối xong Hiền chạy về nhà. Sứ đi theo, mời thế nào Trạng cũng không về kinh. Cuối cùng, Trạng đòi vua phải cho võng, kiệu về rước đúng nghi lễ thì mới chịu lên kinh.



Nhà vua liền sai quân lính mang cờ quạt, võng lọng đi rước. Gặp được Trọng, nhà vua đưa bài thơ ra hỏi. Nguyễn Hiền trả lời ngay: “Đó là chữ điền 田” (nghĩa là ruộng)^(*). Vua bèn cho người trả lời sứ giả Mông Cổ. Sứ Mông Cổ chịu thua mà về. Để thưởng Công, vua phong Nguyễn Hiền làm Thượng thư bộ Công. Nguyễn Hiền sau này là vị quan thanh liêm, có công lớn trong việc bang giao với các nước phía bắc.

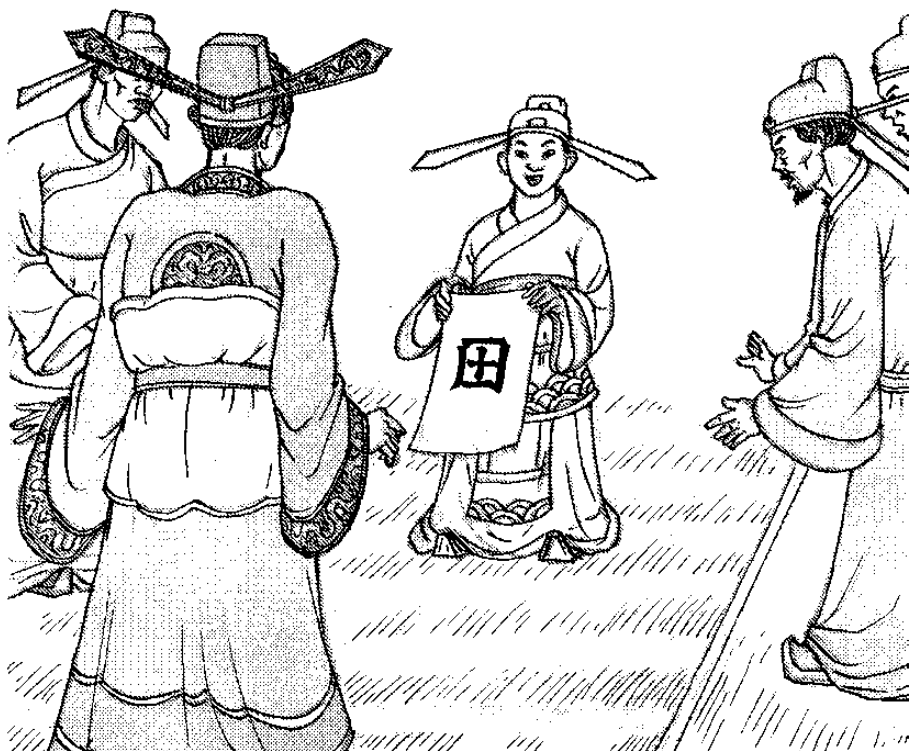
* Hai mặt trời đầu bằng nhau: có nghĩa là hai chữ nhật 日 (mặt trời)

Bốn hòn núi nghiêng ngả: có bốn chữ son là 山 (núi)

Hai vua tranh một nước: có hai chữ vương 王 (vua)

Bốn miệng cùng ngang dọc: có bốn chữ khẩu 口 (miệng)

Hai chữ nhật, bốn chữ son, hai chữ vương, bốn chữ khẩu gộp lại thành chữ điền.



Bảng nhãn Lê Văn Hưu có tên hiệu là Tu Hiền, tước Nhân Uyên hầu, sinh năm Canh dần (1230). Ông là người làng Phủ Lý, xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Lê Văn Hưu là cháu đời thứ bảy của Lê Lương - một người giàu có nức tiếng, ưa làm việc thiện và rất sùng đạo Phật dưới thời nhà Đinh (thế kỷ thứ X). Trong nhà ông luôn có trên 100 lăm thóc và hơn 3000 thực khách. Đinh Tiên Hoàng ngưỡng mộ Lê Lương, vời ông ra và phong làm Trấn quốc bặc xạ, cho cai quản cả vùng đất rộng lớn.

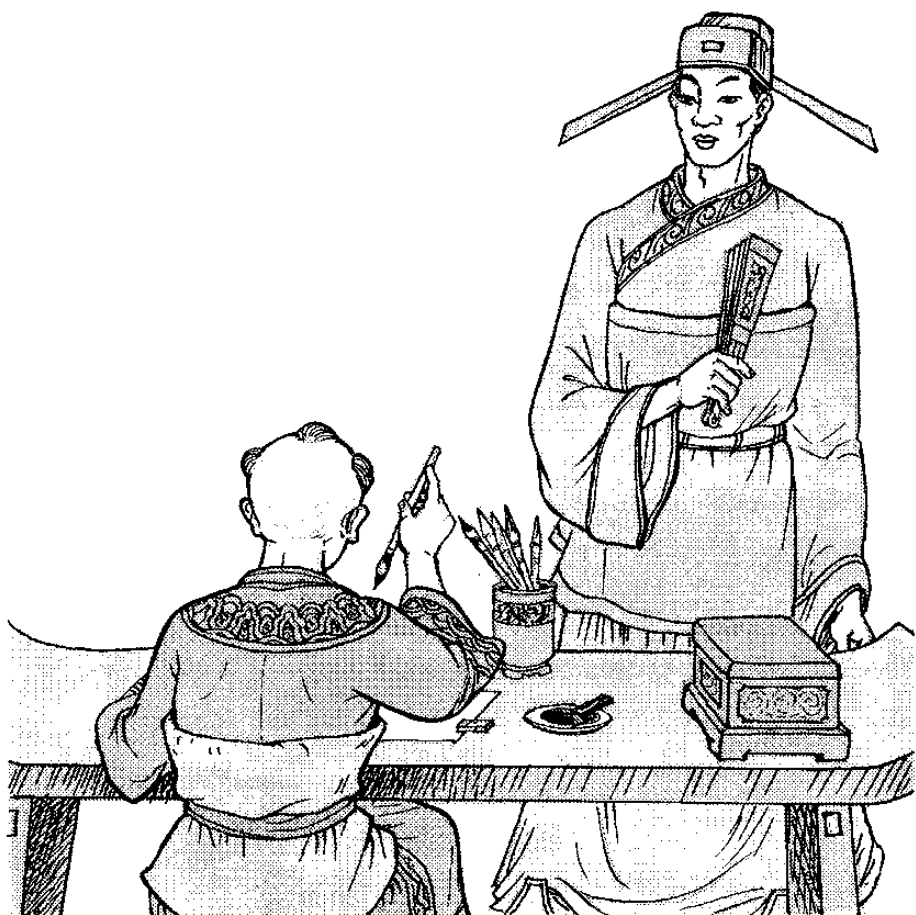


Đến thời ông nội của Lê Văn Hưu là Lê Văn Trung thì cửa nhà đã sa sút nhưng luôn giữ gìn nền nếp gia phong. Ông Trung thường căn dặn con cháu rằng: “Nhà ta trải nhiều đời lấy Phật làm trọng, đều được vua ban cho vinh hiển. Các con nên tu nhân tích đức, giảng kinh học đạo, lấy văn chương làm lòng sẽ được lưu danh ở đời”^(*). Khi Lê Văn Hưu còn trong bụng mẹ thì cha ông là Lê Văn Minh không may lâm bệnh nặng qua đời. Hai mẹ con được ông ngoại Đỗ Tất Bình cưu mang. Năm lên 9 tuổi, Lê Văn Hưu được ông ngoại cho đi học với thầy đồ họ Nguyễn ở làng bên. Lê Văn Hưu được thầy giáo quý mến, vài năm sau thì gả con gái cho.

^{*} Đặng Thị Đức, Lê Văn Hưu nhà sử học đầu tiên của nước ta, TP HCM, 1994, tr.31.



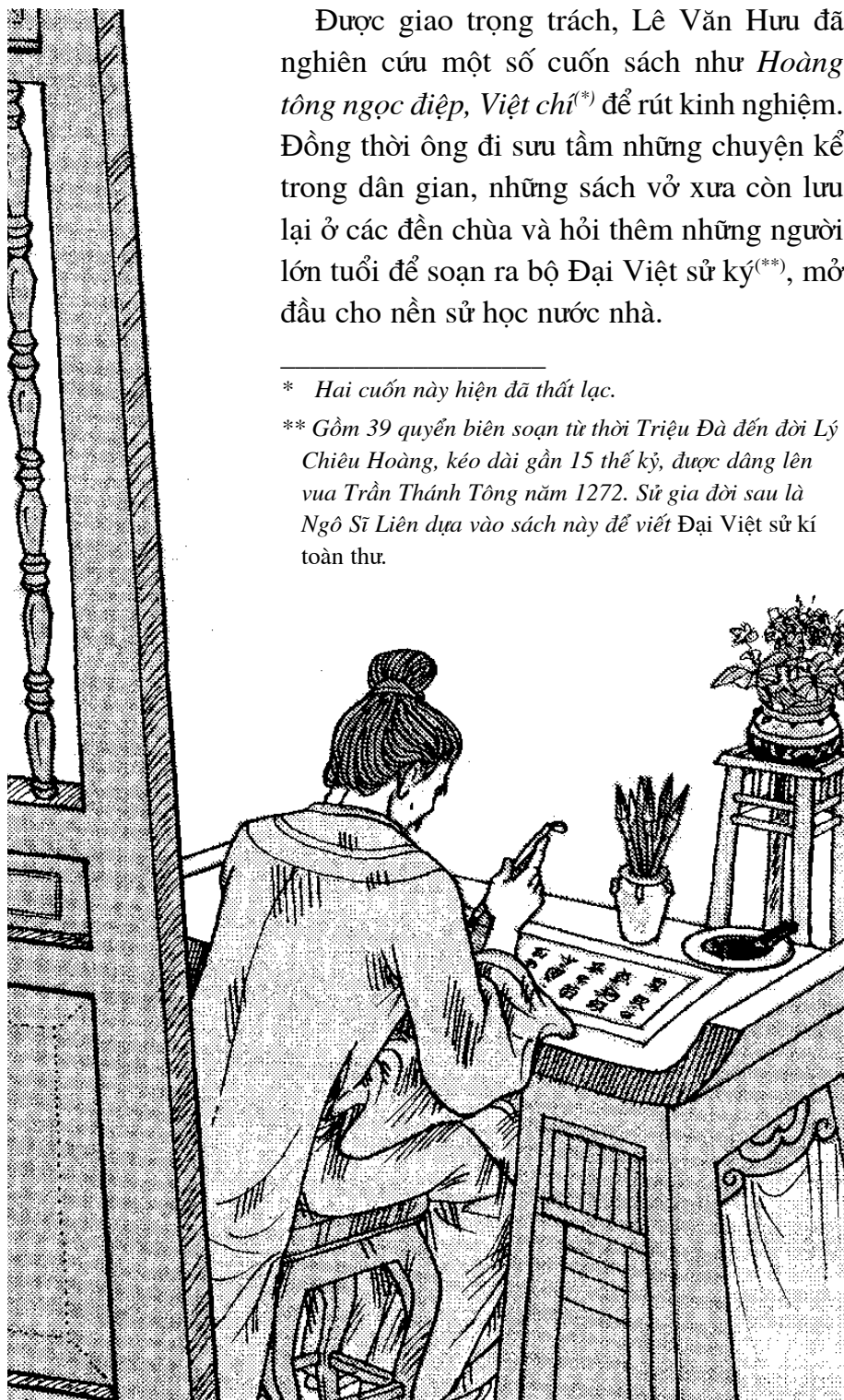
Lúc đó Bảng nhãn, Lê Văn Hưu cũng chỉ mới 17 tuổi. Ông được vua Trần Thái Tông giao cho việc dạy dỗ hoàng tử thứ ba là Trần Quang Khải rồi sau đó được bổ làm chức Kiểm pháp quan (một chức quan về hình luật). Khi Quốc học viện được lập năm 1253, Lê Văn Hưu được phong chức Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện Giám tu. Nhận thấy nước ta chưa có một bộ quốc sử chính thống nào và thấy Lê Văn Hưu là người có tri thức uyên bác, vua Thái Tông bèn giao cho ông biên soạn bộ quốc sử đầu tiên của nước ta.



Được giao trọng trách, Lê Văn Hưu đã nghiên cứu một số cuốn sách như *Hoàng tông ngọc điệp*, *Việt chí*^(*) để rút kinh nghiệm. Đồng thời ông đi sưu tầm những chuyện kể trong dân gian, những sách vở xưa còn lưu lại ở các đền chùa và hỏi thêm những người lớn tuổi để soạn ra bộ *Đại Việt sử ký*^(**), mở đầu cho nền sử học nước nhà.

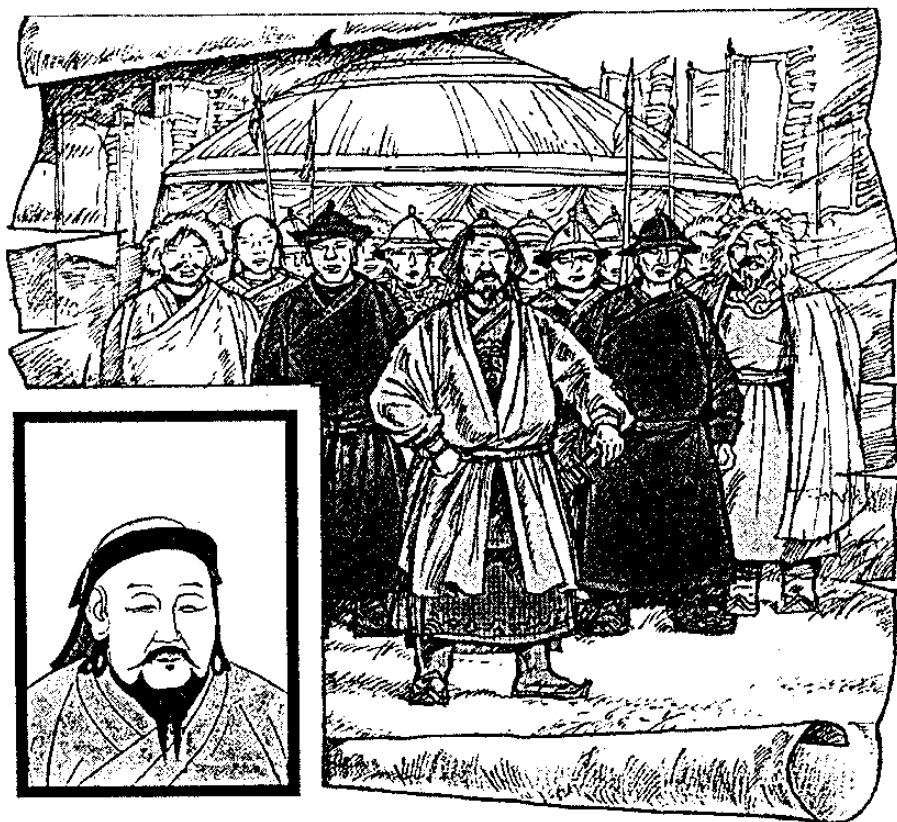
* Hai cuốn này hiện đã thất lạc.

** Gồm 39 quyển biên soạn từ thời Triệu Đà đến đời Lý Chiêu Hoàng, kéo dài gần 15 thế kỷ, được dâng lên vua Trần Thánh Tông năm 1272. Sử gia đời sau là Ngô Sĩ Liên dựa vào sách này để viết *Đại Việt sử ký toàn thư*.





Nhờ chú trọng phát triển kinh tế, xây dựng quân đội và nhất là biết chiêu hiền, đãi sĩ chọn người tài giỏi giúp nước nên năm 1258, vua Trần Thái Tông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh bại quân xâm lược Mông Cổ - một đội quân thiện chiến nhất lúc đó. Bản thân nhà vua là vị tướng dũng mãnh và các con của vua Thái Tông như Trần Thánh Tông, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, công chúa An Tư đều là những anh hùng tài giỏi, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông sau này.



Thành Cát Tư Hãn

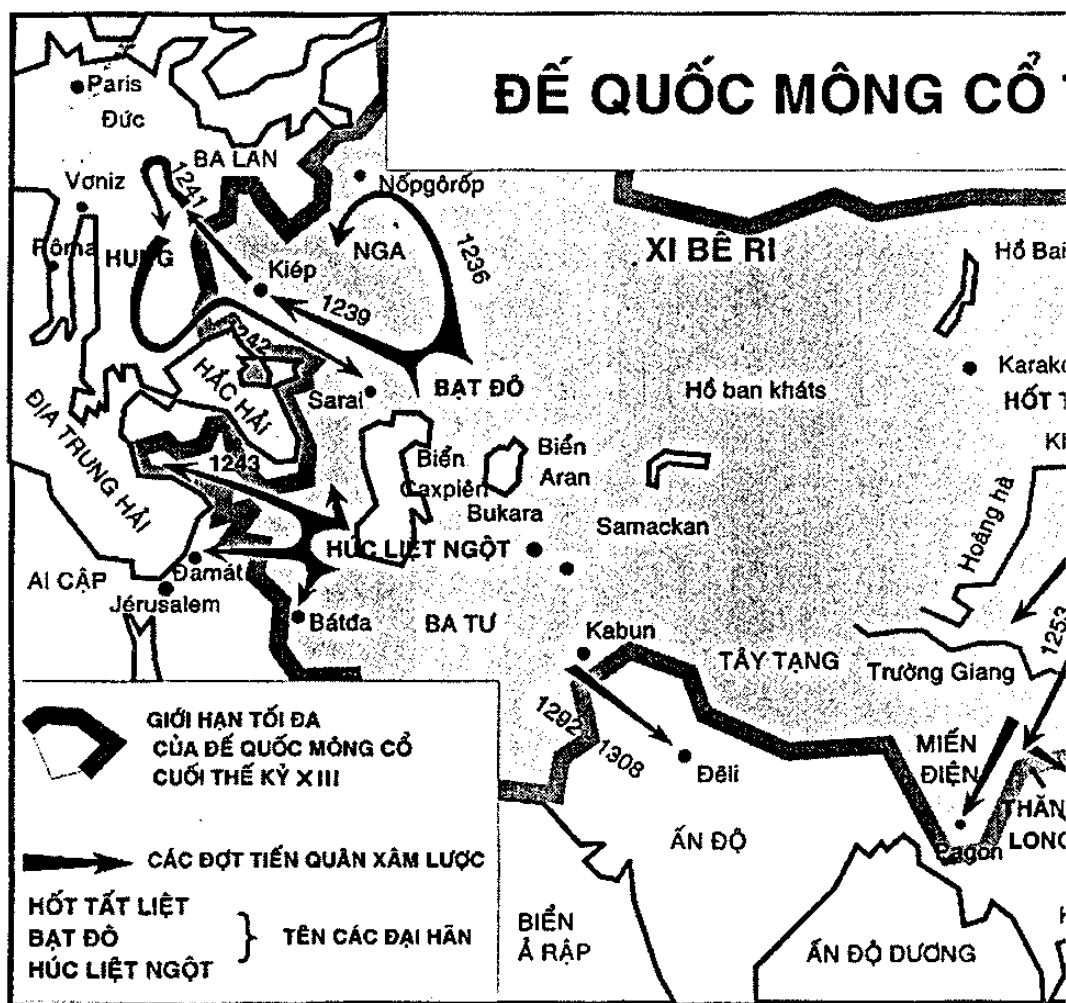
Khi nước Đại Việt đang bước vào cuộc chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần tại thì vùng thảo nguyên thuộc nước Mông Cổ ngày nay, Thiết Mộc Chân (Temüjin) đã thu tóm các bộ lạc riêng lẻ, thống nhất đất nước, lên làm Đại Hãn tức Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan). Đại Hãn là xưng danh của hoàng đế nước Mông Cổ. Bấy giờ người Mông Cổ còn sống du mục, đi đến đâu dựng lều đến đó. Tài sản của họ chủ yếu là bò và cừu nhưng quan trọng nhất là ngựa.



Quân Mông Cổ rất có tài cỡi ngựa, bắn cung. Sức mạnh của quân đội Mông Cổ chủ yếu là do đoàn kỵ binh (lính cỡi ngựa). Có câu nói truyền tụng về sức mạnh của quân Mông Cổ như sau: “Hễ nơi nào có vó ngựa quân Mông Cổ đi qua thì nơi ấy cỏ không thể nào mọc lên được nữa”.

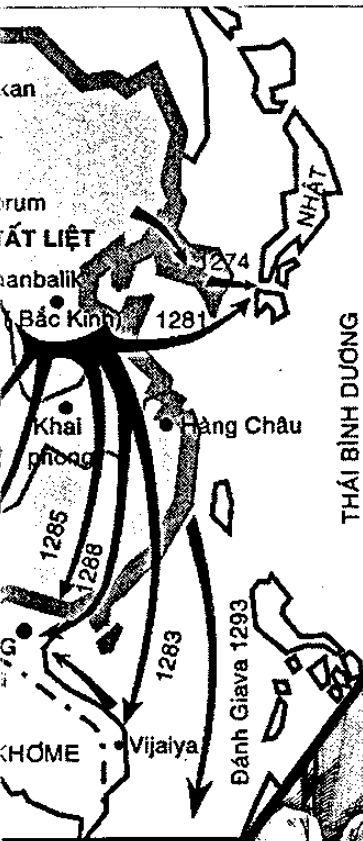


Không chỉ rất giỏi cưỡi ngựa, bắn cung, chiến thuật đánh trận của họ rất cơ động và đầy sức mạnh. Khi bắt đầu giao tranh, toán kỵ binh ào ạt xông thẳng vào đối phương. Nếu đối phương không nao núng, toán kỵ binh ấy tản ra ngay, nhường chỗ cho toán khác tấn công. Và cứ thế, từng toán liên tục tấn công cho đến khi hạ gục được đối phương. Trong trường hợp không hạ được đối phương bằng cách ấy, quân Mông Cổ xua súc vật vào trận địa hoặc bao vây đối phương cho đến khi hết lương thực.

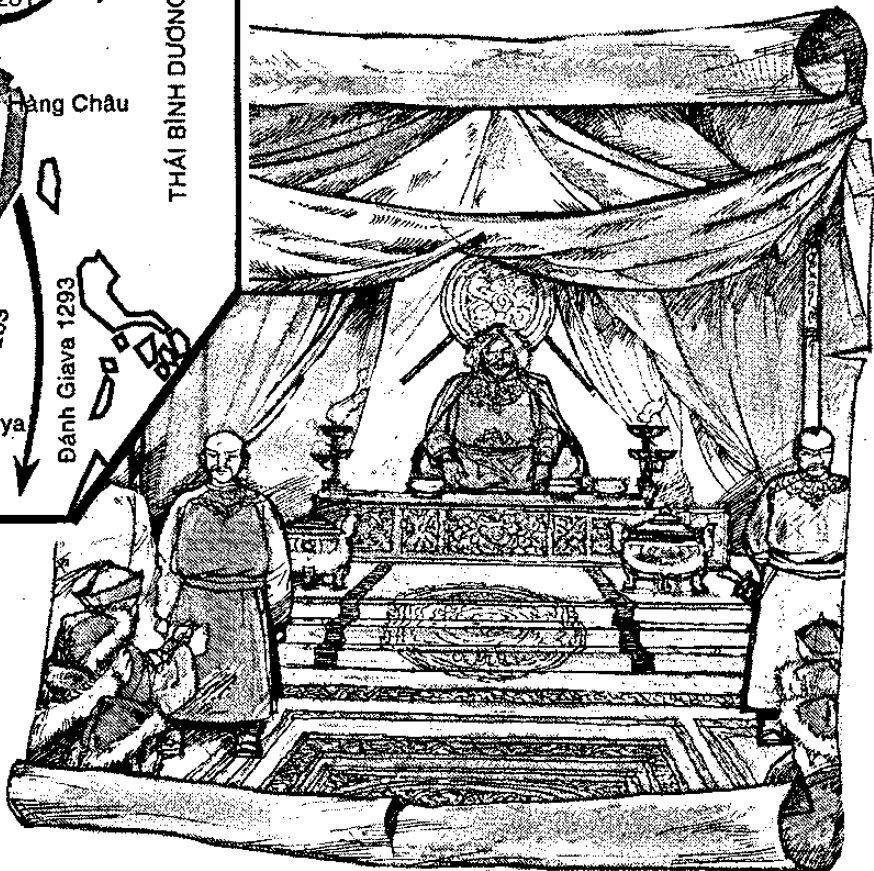


Với đoàn quân thiện chiến ấy, Thành Cát Tư Hãn tung hoành khắp châu Âu và châu Á. Các quốc gia phía bắc Trung Quốc như Tây Hạ, Kim, Triều Tiên... và cả miền Trung Á, đều trở thành thuộc địa của Mông Cổ. Sau khi Thành Cát Tư Hãn chết, con của ông là Oa Khoát Đài (Ogodai) lên thay, vẫn tiếp tục con đường xâm lăng. Đế quốc Mông Cổ được thành lập. Cuộc viễn chinh tiến về phía Tây, chiếm được vùng đất sông Volga và xâm nhập vào châu Âu. Năm 1251, cháu nội của Thành Cát Tư Hãn là Mông Kha (Môngke) lên ngôi Hãn. Đế quốc Mông Cổ bấy giờ đã rất rộng lớn, trải dài từ bờ Thái Bình Dương cho đến tận bờ Hắc Hải.

THẾ KỶ XIII



Nhưng quân Mông Cổ không dừng ở đây. Mông Kha có kế hoạch xâm chiếm hai nước Tống và Đại Lý (thuộc Trung Quốc hiện nay). Năm 1252, em của Mông Kha là Hốt Tất Liệt (Kublai) cử Ngột Lương Hợp Thai (Uriyankhadai) đánh lấy nước Đại Lý (là vùng đất Vân Nam thuộc Trung Quốc hiện nay, xưa ở phía bắc Đại Việt). Vua nước Đại Lý thua trận, bị bắt, phải đầu hàng. Sau chiến thắng ấy, quân Mông Cổ chuẩn bị tấn công nước Tống.



Trước khi xuất quân đánh Tống, Mông Kha làm lễ tế cờ trên sông Karulan rồi chia quân ra làm bốn cánh. Ba cánh quân vượt sông Trường Giang, đánh từ phía bắc xuống: trong đó có một cánh do đích thân Mông Kha chỉ huy. Cánh quân thứ tư do Ngột Lương Hợp Thai cầm đầu, xuất phát từ Đại Lý, có nhiệm vụ đánh chiếm Đại Việt để làm bàn đạp đánh vào sau lưng nước Tống từ phía nam lên.





Để mở đường đánh chiếm Đại Việt, Ngột Lương Hợp Thai cử một đoàn sứ giả đến Đại Việt chiêu hàng. Đoàn sứ giả nghênh ngang đến Thăng Long, ra mắt vua Trần Thái Tông và uốn lười dụ dỗ rằng quân Mông Cổ chỉ mượn đường đi qua xứ sở Đại Việt để tiến đánh nước Tống chứ không có ý đồ xâm lấn Đại Việt. Vua Trần Thái Tông lập tức hạ lệnh tống giam đoàn sứ giả vào ngục.



Là người nhìn xa trông rộng, vua Thái Tông dự đoán sẽ có ngày vó ngựa Mông Cổ xâm lấn Đại Việt, nên đã ban lệnh tăng cường thực thi chính sách về quân sự như “ngự binh ư nông”, cho các thân vương quý tộc rầm rộ tuyển quân; buộc các tướng chỉ huy quân đội phải học binh pháp tại Giảng võ đường. Ngoài ra, vua Thái Tông còn trang bị cho quân đội những vũ khí mới như Hồi hồi pháo (máy ném đá) và hỏa khí (bắn lửa bằng ống đồng).

Với sự chuẩn bị quân sự như thế, vua Trần Thái Tông vững lòng nghênh chiến. Vào tháng 9 âm lịch năm Đinh Tị (1257), nhà vua ra lệnh cho viên tướng trẻ Trần Quốc Tuấn đem quân thủy bộ lên bảo vệ vùng biên cương và lo sắm sửa vũ khí. Lệnh ban xuống cho toàn dân khẩn trương rèn dao, mài kiếm, vót tên.



Trong khi vua Trần Thái Tông chuẩn bị đánh giặc thì Ngột Lương Hợp Thai vẫn đợi tin tức của đoàn sứ giả. Đợi mãi không thấy, y đưa quân đến biên giới phía bắc của Đại Việt rồi liên tiếp sai hai đoàn sứ giả nữa đến chiêu dụ vua Trần. Nhưng hai đoàn sau cũng bật vô âm tín, Ngột Lương Hợp Thai vô cùng tức giận, bèn ra lệnh xuất quân. Cánh quân tiên phong thì men theo sông Thao mà tiến vào đất Đại Việt. Thêm một cánh do con trai của Ngột Lương Hợp Thai là A Châu (Aju, có sách gọi A Truật) đi sau để yểm trợ. Hai cánh quân này vừa tiến vừa thăm dò tình hình để cấp báo cho đại quân đang tiến ở phía sau.

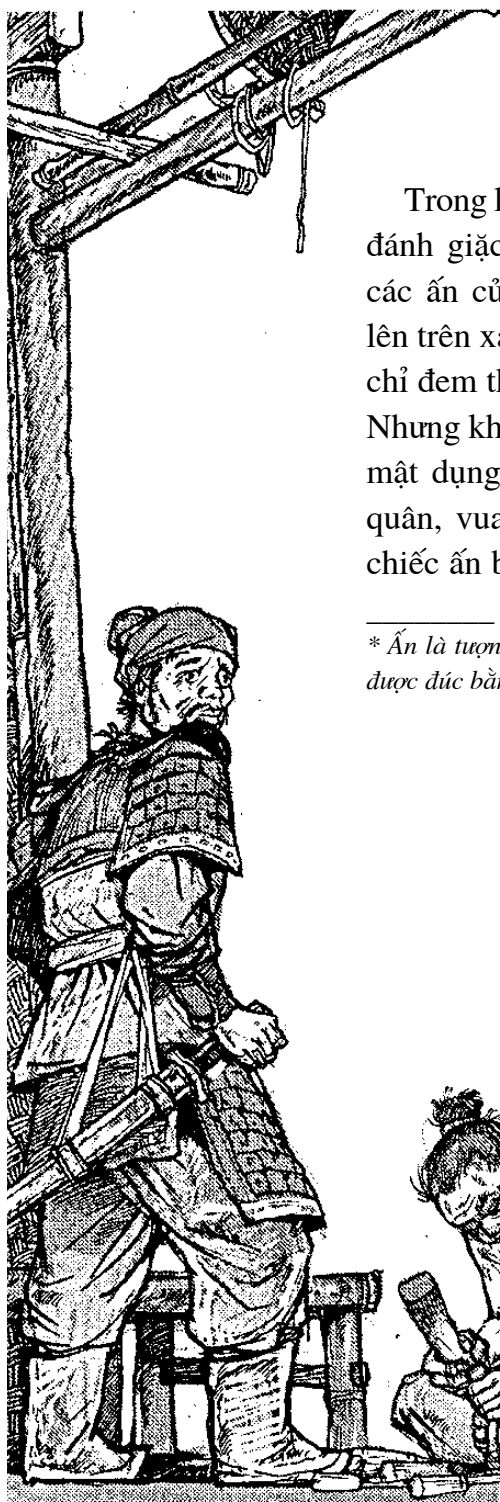




Ngay khi quân giặc vừa rục rịch xuất binh, ở Thăng Long vua Trần đã nhận được tin cấp báo từ biên giới. Nhà vua bàn bạc với triều đình và chọn Bình Lệ Nguyên - một cánh đồng rộng lớn nằm giữa sông Thao và sông Cà Lồ (nay thuộc Mê Linh, Hà Nội) - để dàn trận. Đây là nơi có nhiều rạch cắt ngang như những chiến hào thiên nhiên, rất thuận tiện cho việc ẩn quân để chống giặc cũng như rút quân khi cần thiết.

Vua Trần Thái Tông thân chinh cầm quân chống giặc và mang theo dũng tướng tài ba là Lê Tần bên mình. Sử sách ghi lại rằng Lê Tần là người gan dạ, tính tình điềm tĩnh, nhiều mưu kế. Ông cùng vua Thái Tông vừa lập trận, vừa động viên tinh thần chiến đấu của quân sĩ. Nhờ thế, quân tướng trên dưới đều một lòng quyết tâm đánh giặc.



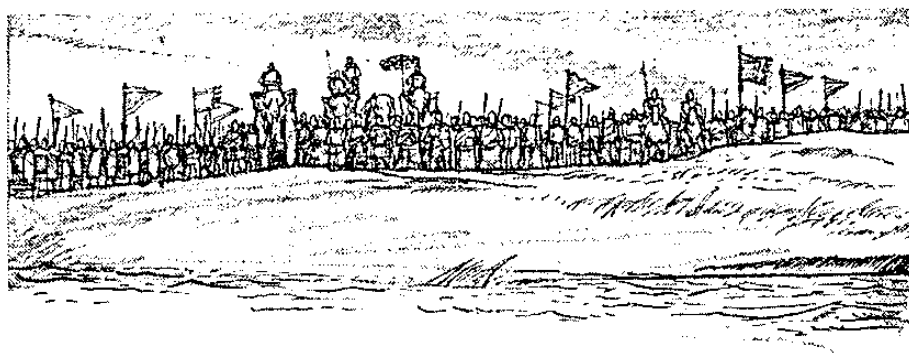


Trong khi gấp gáp chuẩn bị lên đường đánh giặc, quan Chương ấn (quan giữ các ấn của nhà vua) đem giấu ấn báu lên trên xà ngang nóc điện Đại Minh và chỉ đem theo ấn mật dùng trong nội bộ. Nhưng không may giữa đường, chiếc ấn mật dụng bị rơi mất. Để chỉ huy việc quân, vua đành phải sai thợ khắc một chiếc ấn bằng gỗ^(*) dùng tạm.

** Ấn là tượng trưng cho quyền uy của vua, thường được đúc bằng vàng ròng hay đồng đỏ.*



Dù ẩn mất nhưng việc chuyển quân vẫn tiến hành khẩn trương. Thuyền binh của Đại Việt chở quân, voi, ngựa đến Bình Lệ Nguyên. Quân lính và voi, ngựa đổ bộ lên cánh đồng, dàn trận san sát. Thuyền được đưa xuống bến Lãnh Mỹ ở khúc sông phía dưới (nay là xóm Bến, làng Thịnh Kỵ, Mê Linh, Hà Nội) và luôn sẵn sàng đón bộ binh nếu thế trận trên bờ trở nên bất lợi.



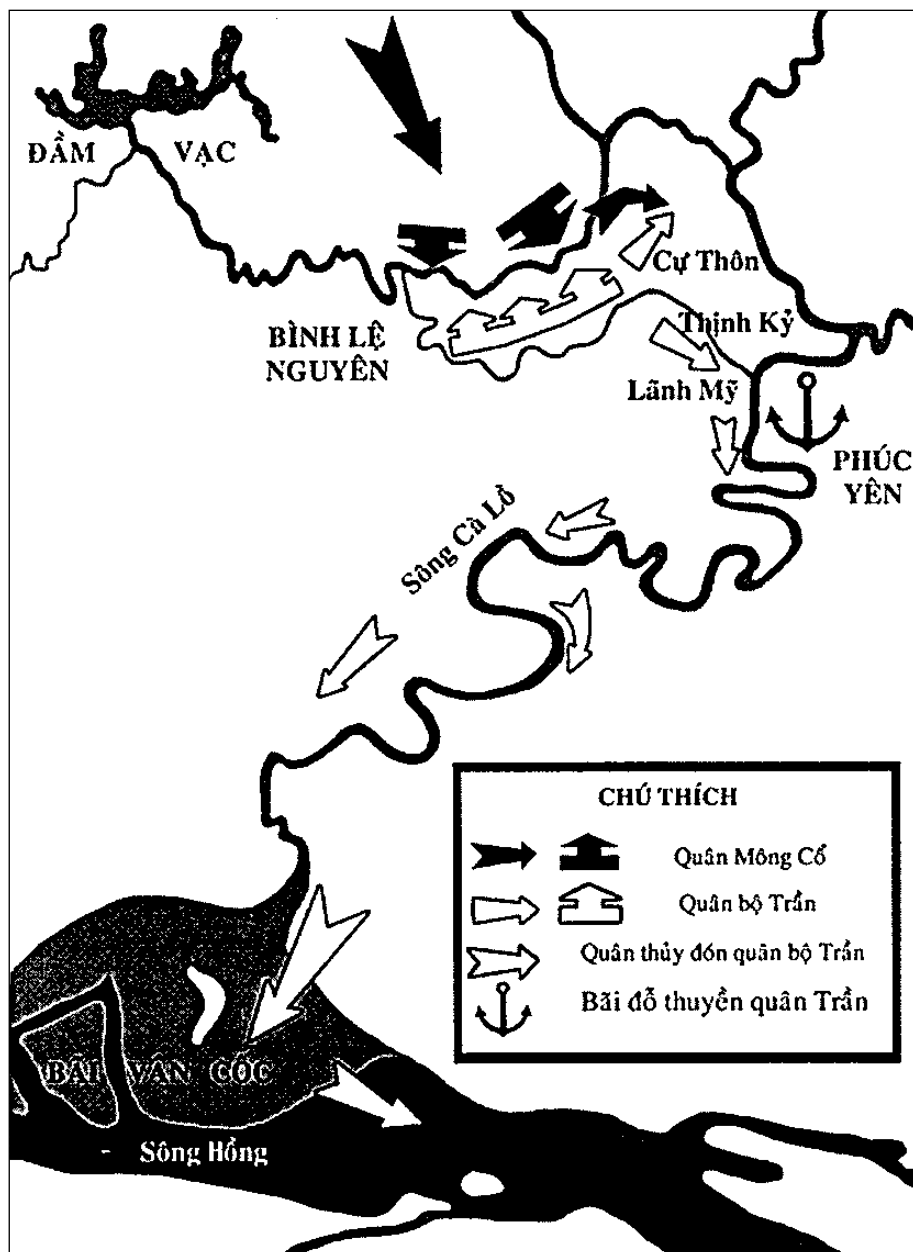
A Châu cho quân đi dò thám, thấy quân nhà Trần sẵn sàng nghênh chiến thì vội báo lại cho đại quân phía sau. Được tin báo, vào ngày 12 tháng chạp âm lịch (17-1-1258), Ngột Lương Hợp Thai đem đại binh xâm nhập vào Đại Việt và hội quân với hai cánh quân đi trước ở vùng đất Việt Trì ngày nay. Hội quân xong, đại quân Mông Cổ tiến đến nơi quân Đại Việt dàn trận, để chuẩn bị tấn công.





Tướng tiên phong của Mông Cổ là Trê Trếch Đu (Cakakdu, có sách ghi là Triệt Triệt Đô) được giao nhiệm vụ dẫn một nghìn quân đi trước, vượt sông nhưng không đánh ngay mà phục binh chờ cánh quân tập hậu do A Châu cầm đầu đánh vào sau lưng quân Đại Việt mới xông ra cướp thuyền, chặn đường rút lui và bắt sống vua Trần. Đại quân do Ngột Lương Hợp Thai đích thân chỉ huy thì tấn công vào trước mặt quân Trần.

TRẬN BÌNH LỆ NGUYÊN



Sơ đồ cuộc chiến Bình Lệ Nguyên năm 1258.

Trước sức mạnh của đoàn quân Mông Cổ thiện chiến, vua Trần Thái Tông không ngại hiểm nguy, tự mình dẫn quân đánh trả. Nhờ địa hình chiến trường phức tạp, quân Trần lúc đầu chiếm lợi thế, hạ gục nhiều tên lính Mông Cổ.

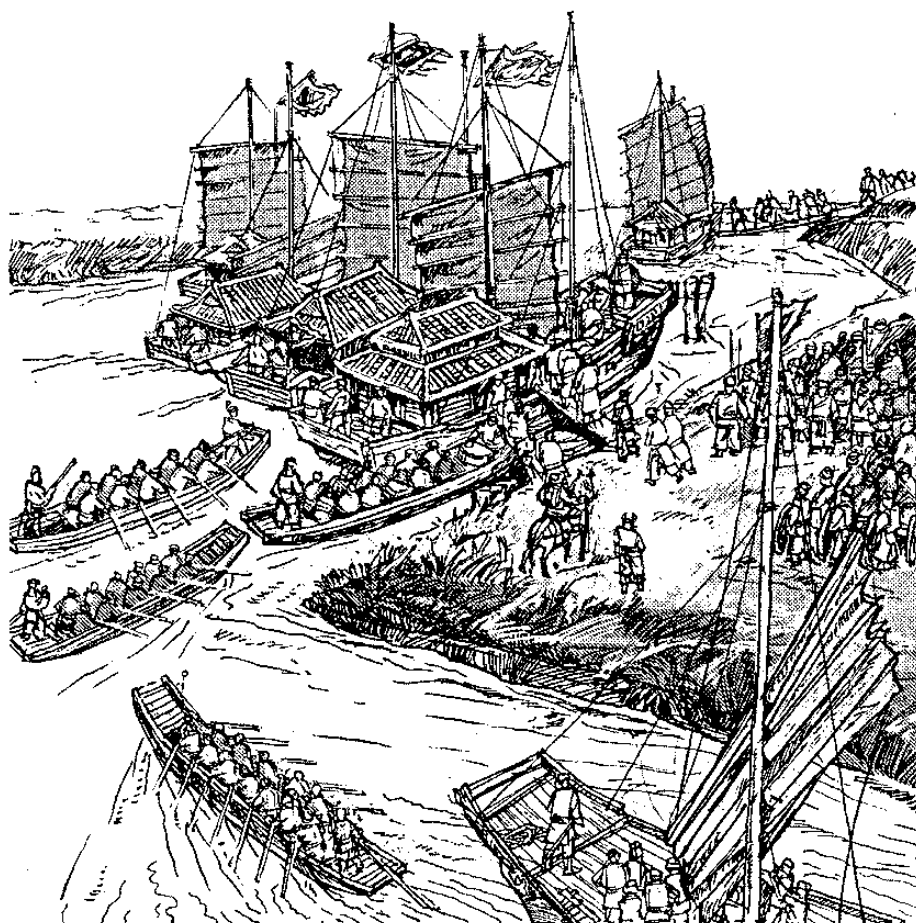


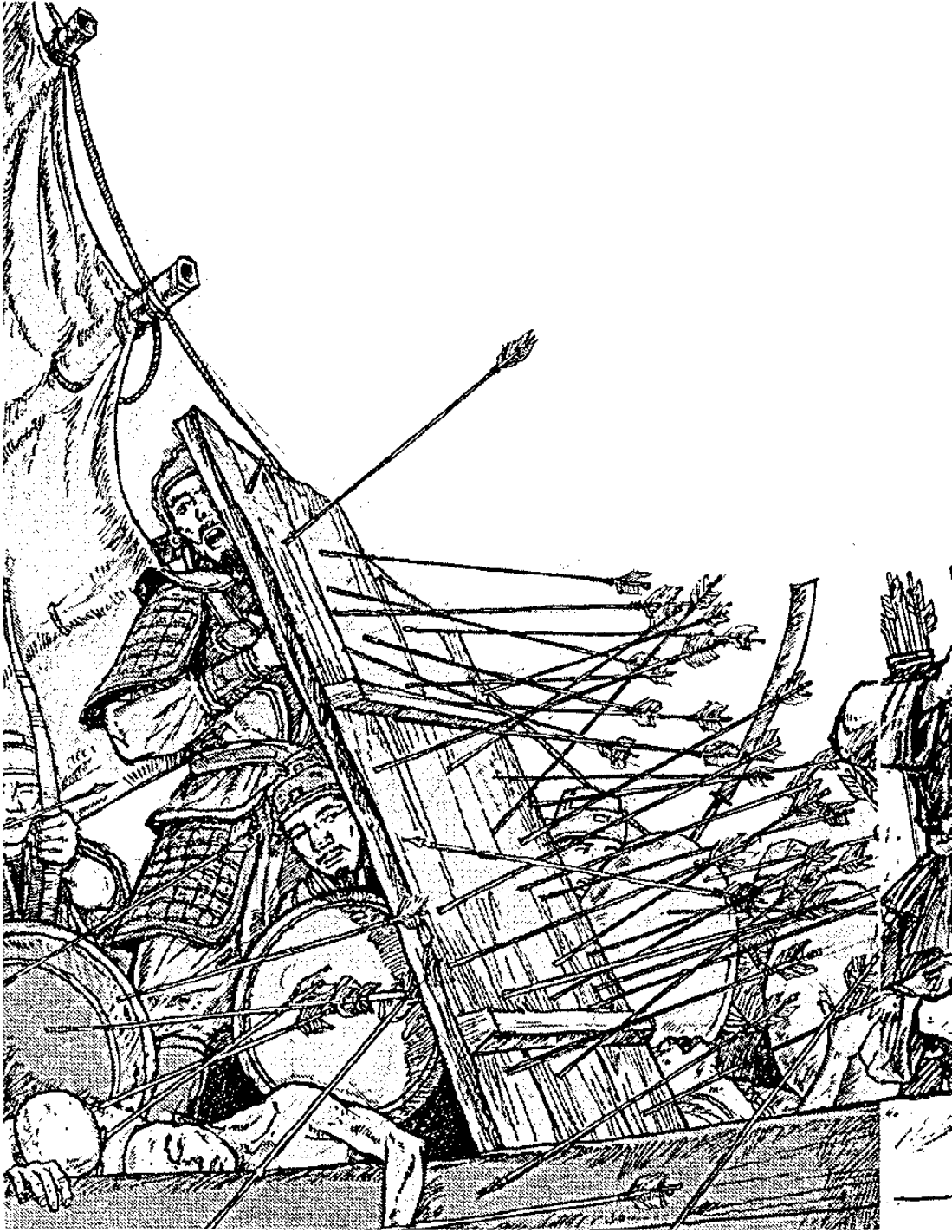


Nhưng đại quân Mông Cổ lại gồm toàn những tay thiện xạ lại giàu kinh nghiệm trận mạc nên khi không tấn công được đối phương, chúng bắn tên loạn xạ vào voi, ngựa của quân Đại Việt khiến những con vật này hoảng sợ, lồng lên. Cuối cùng, thế trận bị vỡ, quân Đại Việt phải rút lui theo đường sông như đã định.



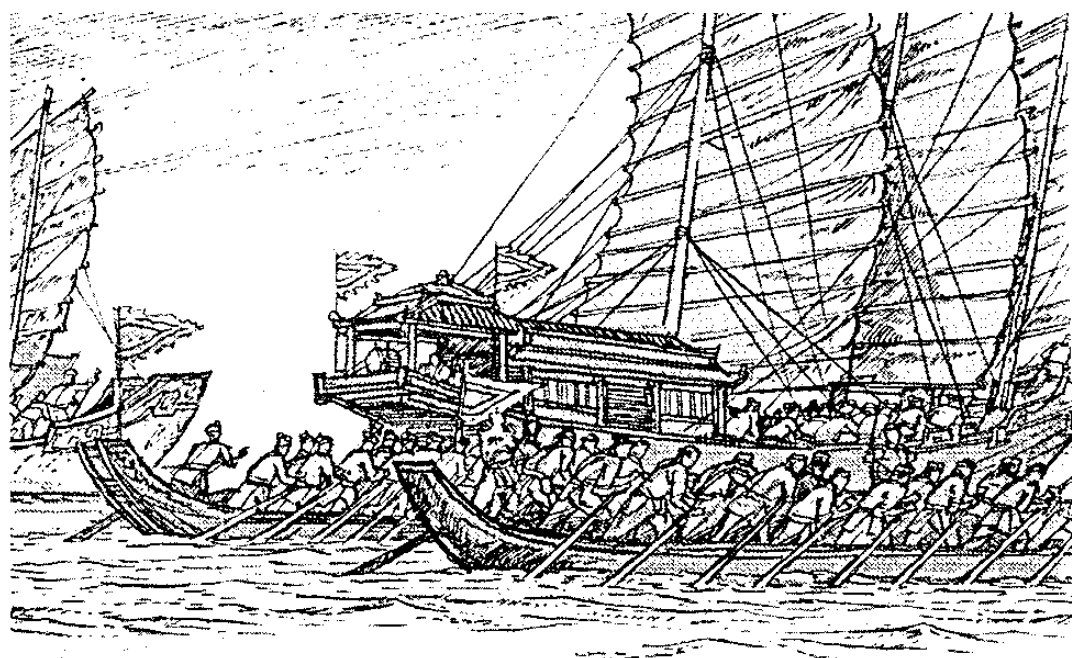
Trong khi đó, Trê Trếch Đu đã kéo quân đến gần bến giấu thuyền của quân Đại Việt, đánh cướp thuyền để hồng bắt sống vua Trần. Toán quân bảo vệ thuyền tuy lực lượng ít vẫn xông ra ứng chiến, vừa bảo vệ thuyền, vừa chặn bước tiến của Trê Trếch Đu. Nhờ thế, vua Trần thoát nạn lên thuyền xuôi dòng về phía Nam.

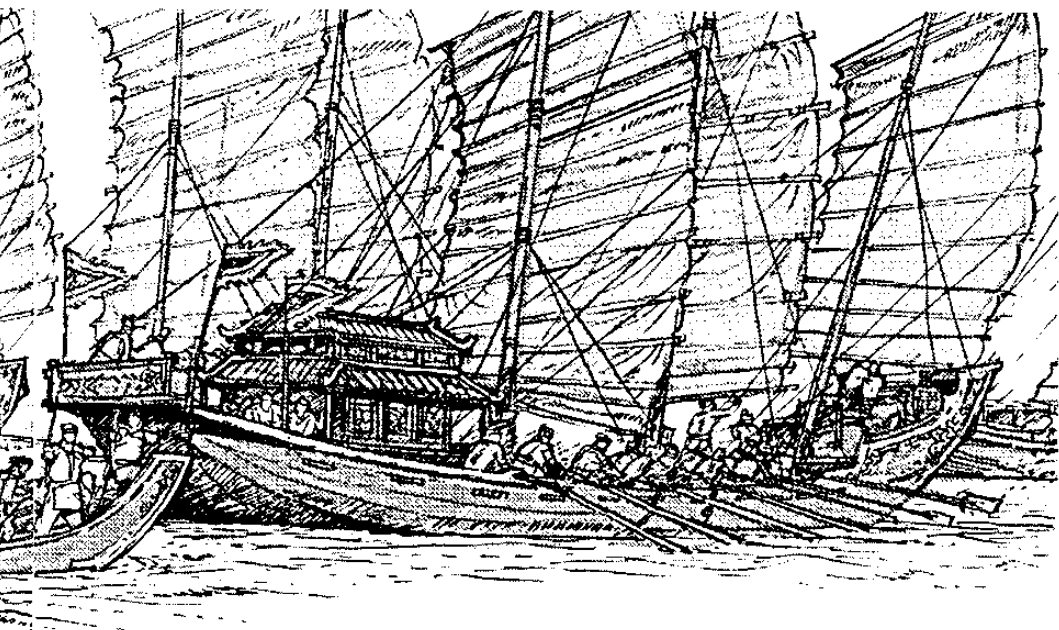




Kỵ binh Mông Cổ truy kích, bám theo thuyền của quân Trần đang xuôi dòng. Chúng vừa phóng ngựa dọc theo bờ, vừa ra sức bắn tên như mưa hồng giết chết vua Trần Thái Tông. Lê Tần nhanh trí, vớ tấm ván thuyền che cho nhà vua. Đến khi chiến thuyền vượt ra khỏi tầm bắn, tấm ván chỉ chít tên cắm như lông chim.







Chưa bắt được vua Trần, quân của Trê Trếch Đu cố truy đuổi mãi. Nhưng thuyền vua nhờ xuôi dòng và quân sĩ hết lòng chèo chống nên đi rất nhanh, chúng đành phải quay về. Thấy không bắt được vua Trần, Ngột Lương Hợp Thai tức giận cho gọi tướng tiên phong hỏi tội. Trê Trếch Đu hoảng sợ, uống thuốc độc tự vẫn.





Trong khi ấy, tại bản doanh nhà Trần, một số tướng muốn điều động hết lực lượng từ Thăng Long lên để đánh một trận sống mái với giặc. Nhưng Lê Tần, vốn là người nhìn xa trông rộng, đã ra sức can ngăn. Ông tâu cùng nhà vua: “Nếu bây giờ mà ta dốc hết lực lượng ra cố đánh thì chẳng khác nào một con bạc vét hết đồng tiền cuối cùng quăng vào chiếu bạc, tai họa cháy túi là tất nhiên”.

Nghe lời khuyên, vua Thái Tông cho rút quân, bảo toàn lực lượng và tính kế lâu dài. Đến cầu Phù Lỗ (trên sông Cà Lồ, gần cầu Phù Lỗ ngày nay), vua cho quân phá cầu và lập phòng tuyến ở bờ nam để kìm chân quân Mông Cổ cho đại quân rút lui an toàn. Việc vừa xong thì kỵ binh giặc cũng vừa ập đến.



Tuy không có cầu cũng không có thuyền bè, nhưng vốn là những đoàn quân thiện chiến, giàu kinh nghiệm, kỵ binh Mông Cổ vẫn tìm được cách qua sông. Chúng cho một toán đi men theo bờ sông dò đường dùng cung tên bắn xuống nước. Nếu chỗ nào cạn thì mũi tên sẽ cắm xuống đất mà không nổi lên. Cứ như thế, chúng cho ngựa men theo những chỗ nông mà qua sông, tiếp tục truy kích quân Đại Việt.



Phú Lương hầu - một viên tướng trong hoàng tộc nhà Trần - dẫn quân chặn địch. Ông hy sinh nhưng quân Đại Việt đã rút lui an toàn. Đại quân về đóng tại bến Đông Bộ Đầu ở phía đông thành Thăng Long^(*), sau đó nhà vua cho quân rút về đóng ở sông Thiên Mạc^(**), cách Thăng Long khoảng 20 dặm về phía Nam.

* *Nay là dốc Hàng Than, phía trên cầu Long Biên, Hà Nội.*

** *Nay thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên.*



Dân chúng cũng được huy động rút khỏi Thăng Long. Giữa lúc tình hình khẩn cấp, bà Linh Từ - vợ của Thái sư Trần Thủ Độ - đã đứng ra thu xếp cho hoàng gia cùng vợ con các tướng rút lui bình yên. Bà còn lo toan mọi việc hậu cần từ gạo, muối, chăn, mền và ngay cả vũ khí nhẹ cũng được đem theo hết sức chu đáo. Nhờ đó, vua và các tướng yên tâm chuẩn bị chống giặc.



Quân Mông Cổ kéo vào thành
Thăng Long nhưng vì người dân
đã theo lệnh triều đình mà lánh về
vùng quê nên Thăng Long chỉ còn
là tòa thành vắng lặng, vườn không
nhà trống. Quân Mông Cổ không
thể cướp bóc được gì nhiều.





Sực nhớ tới các đoàn sứ giả đã phái đi trước đây, Ngột Lương Hạp Thai cho quân lùng sục mãi mới tìm thấy chúng trong ngục thất. Tất cả đều bị trói nằm lăn lóc. Có một tên sợ quá đã chết. Ngột Lương Hạp Thai vô cùng tức giận, cho người đi cướp bóc khắp nơi để trả thù.

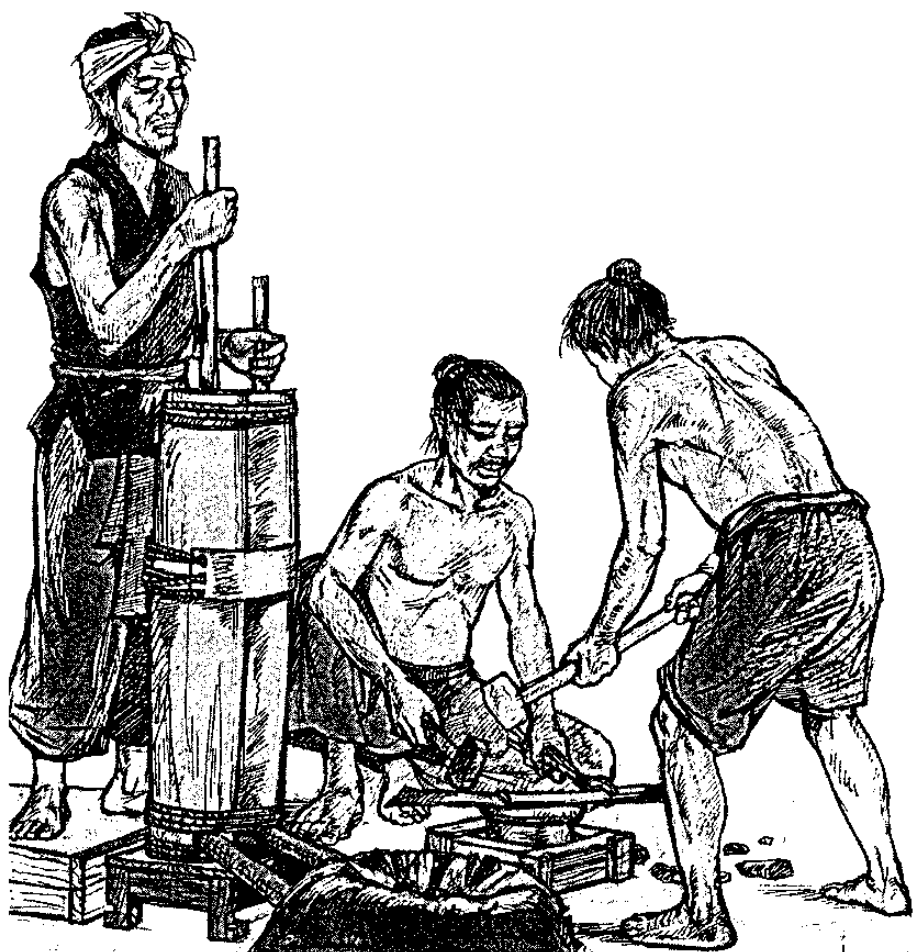
Trong khi ấy, vua Trần Thái Tông đang tìm mọi cách đẩy lui quân xâm lăng. Nhà vua đi thuyền đến gặp người em ruột là Thái úy Trần Nhật Hạo để vấn kế. Trước thế giặc quá lớn, Trần Nhật Hạo khiếp sợ đến nỗi không nói được mà cũng không đứng dậy được. Ông ta run run lấy ngón tay chấm xuống nước rồi viết lên mạn thuyền hai chữ “nhập Tống”, ý khuyên vua nên chạy qua Trung Quốc để dựa vào nước Tống.



Ngao ngán trước tình thần bạc nhược của người em, vua Trần Thái Tông đi đến gặp Thái sư Trần Thủ Độ. Trái hẳn với Trần Nhật Hạo, Trần Thủ Độ khẳng khái tâu: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo gì khác”. Nói đoạn, ông cùng nhà vua bàn định kế hoạch đánh giặc. Việc trước tiên là lo lương thảo, việc thứ hai là lo binh khí.



Về lương thảo đã có toàn dân đoàn kết góp gạo nuôi quân. Còn binh khí thì bà Linh Từ đã vận động dân chúng thu nhặt những binh khí bị rơi vãi khi rút lui, rồi khẩn trương rèn giáo mác, vót tên thêm cho quân đội. Bà còn tự mình đi gom góp vũ khí ở các nhà giàu có. Nhờ quân dân chung tay, góp sức mà chẳng mấy chốc, quân Đại Việt đã lấy lại sức mạnh.



Trong khi, quân Đại Việt đang ra sức chuẩn bị phản công thì quân Mông Cổ lại tự suy yếu. Lương thực mang theo đã cạn mà cảnh vườn không nhà trống ở Thăng Long lại khiến chúng không cướp bóc được gì nhiều nên thường xuyên bị đói. Chúng chỉ nghĩ đến việc kiếm lương thảo chứ không nghĩ đến chuyện truy kích quân Đại Việt. Tết Nguyên đán đã cận kề càng khiến tinh thần quân Mông Cổ xuống thấp hơn bao giờ hết.



Thấy thời cơ đã đến, vào ngày 24 tháng Chạp (29-1-1258), vua Trần Thái Tông ra lệnh tổng phản công. Vua Thái Tông cùng thái tử Hoảng (sau này là vua Trần Thánh Tông) ngự trên lầu thuyền, chỉ huy đoàn thủy quân từ Thiên Mạc ngược dòng sông Hồng rầm rộ tiến về Thăng Long.



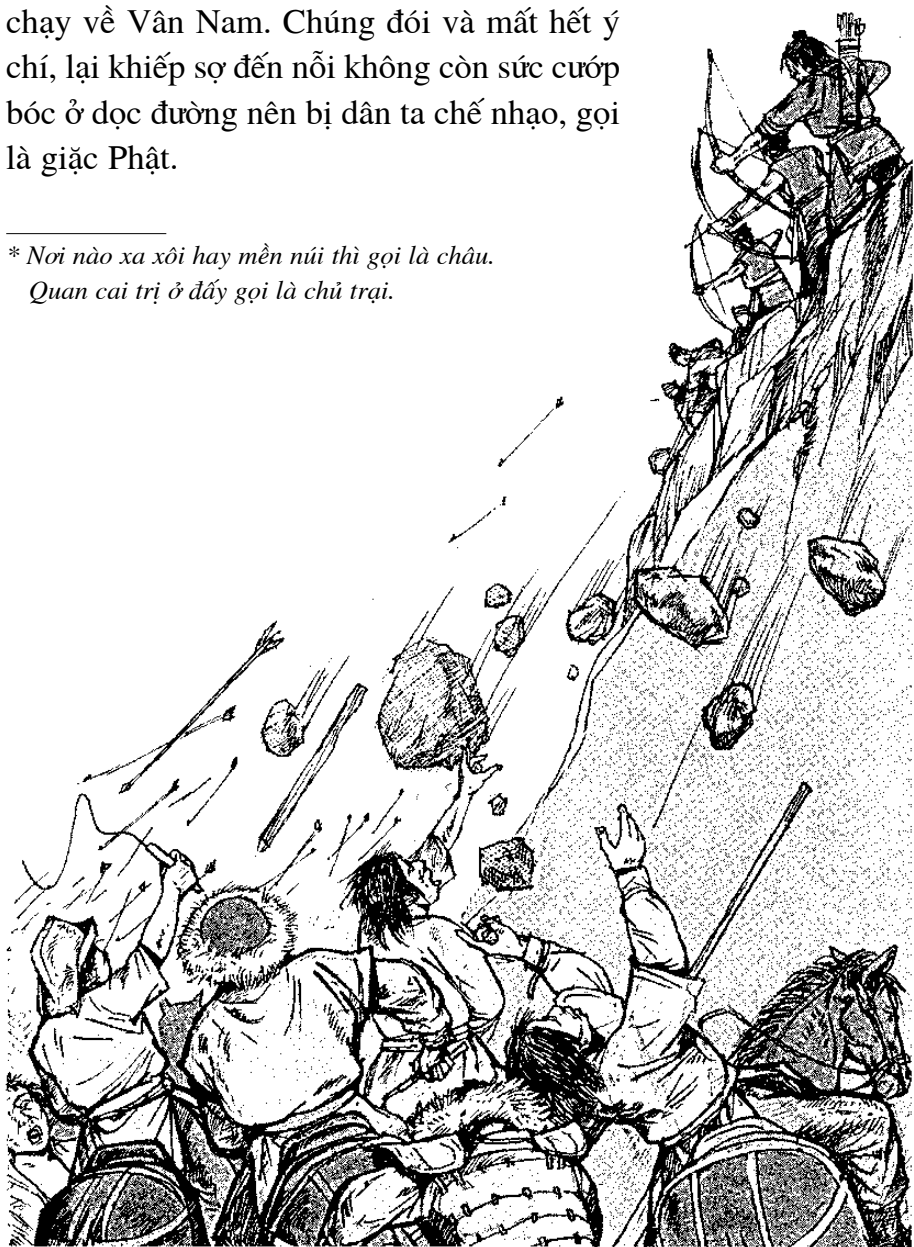


Đoàn thủy quân đối trận với quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu. Trận quyết chiến chỉ xảy ra trong chốc lát. Quân ta khí thế đang hăng, càng đánh càng dũng mãnh khiến quân Mông Cổ khiếp sợ mà tháo chạy.



Quân Mông Cổ chạy đến châu^(*) Quy Hóa (tương đương với miền Yên Bái - Lào Cai hiện nay), chủ trại Quy Hóa là Hà Bổng đã cùng dân binh phục sẵn xông ra đánh vào sườn giặc, đoạt lại những cửa cái mà chúng đã cướp bóc được. Quân Mông Cổ đại bại, cố chạy về Vân Nam. Chúng đói và mất hết ý chí, lại khiếp sợ đến nỗi không còn sức cướp bóc ở dọc đường nên bị dân ta chế nhạo, gọi là giặc Phạt.

* Nơi nào xa xôi hay miền núi thì gọi là châu.
Quan cai trị ở đấy gọi là chủ trại.

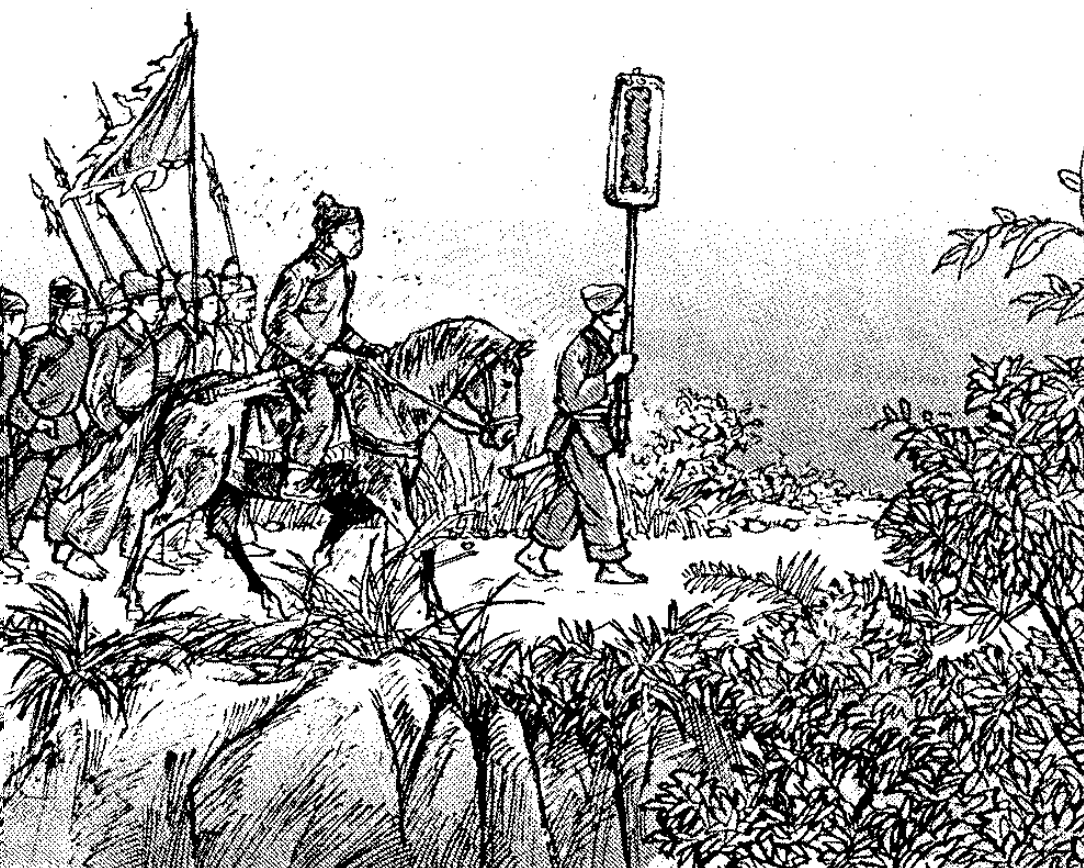


Quân Đại Việt trở về Thăng Long trong niềm vui chiến thắng. Trước đây, ấn mật dụng của nhà vua bị mất, có người nhặt được, nay đem dâng lại. Người này nhặt được chiếc ấn từ lâu nhưng sợ quân Mông Cổ biết được mà cướp mất nên đã giấu rất kỹ, giờ mới trao tận tay cho quan Chuởng ấn. Cùng lúc đó, quan Chuởng Ấn cũng tìm thấy ấn báu trên nóc điện Đại Minh khiến triều đình rất vui mừng. Ngày mồng một Tết năm Mậu Ngọ, nhà vua cho tập hợp trăm quan định công ban thưởng. Chủ trại châu Quy Hóa được phong tước hầu. Lê Tần được nhà vua đặt tên mới là Lê Phụ Trần (người họ Lê phò tá nhà Trần). Những người khác cũng đều được tưởng thưởng tùy theo công trạng.





Quân Mông Cổ tuy thua trận nhưng vẫn không từ bỏ ý đồ xâm lược Đại Việt. Chúng sai sứ sang đòi vua Trần hàng năm phải tiến cống của cải. Biết mình là một nước nhỏ, vua Trần Thái Tông đã có chính sách mềm dẻo để tránh họa xâm lăng. Nhà vua cử một sứ đoàn do Lê Phụ Trần đứng đầu đem lễ vật sang cống Mông Cổ. Hai bên định lệ là cứ ba năm thì Đại Việt sang cống một lần.





Việc đối ngoại tạm ổn, lại thấy Thái tử Hoảng cũng đã trưởng thành, vua Thái Tông quyết định nhường ngôi cho con và lên làm Thái thượng hoàng. Vào ngày 24 tháng 2 âm lịch (1258), Thái tử lên nối ngôi, tức vua Trần Thánh Tông. Việc truyền ngôi dưới thời Trần là để tránh chuyện tranh giành ngôi báu, đồng thời giúp vua mới có thời gian học việc cai trị. Vì thế, thượng hoàng vẫn trông coi chính sự. Thượng hoàng cho đổi làng Tức Mặc (quê hương các vua Trần ở Nam Định) thành phủ Thiên Trường và lập cung Trùng Quang để về sống ở đấy.



Sử sách ghi lại rằng vua Trần Thánh Tông là người nhân từ, biết tôn trọng hiền sĩ. Đặc biệt, nhà vua không xa cách với anh em, bà con. Các anh em, bà con có thể tự do vào cung chơi đùa, thơ từ xướng họa và cùng ăn, cùng ngủ với vua. Chỉ khi nào giải quyết việc nước thì mới phân định rõ ràng vua và tôi. Không những vậy, vua Thánh Tông còn dặn con cháu đời sau phải noi theo lối đó mà cư xử với mọi người trong hoàng tộc. Vì lẽ đó, đời Trần, quan hệ tộc thuộc hết sức gắn bó, thân tình.



Suốt 21 năm vua Thánh Tông trị vì, nhờ chính sách mềm dẻo với quân Mông Cổ mà đất nước không có chiến tranh, nhân dân no ấm. Mặc vậy, quân Mông Cổ vẫn luôn hạch sách, sai sứ sang đổ lỗi vì Đại Việt giam giữ sứ giả nên mới có chiến tranh và đòi nhà vua phải thân hành sang châu nếu không sẽ cho quân sang đánh lần nữa. Tuy mềm mỏng nhưng vua Thánh Tông viện đủ lý do để không sang châu, thậm chí không thềm lạy chiếu chỉ của hoàng đế Mông Cổ.



Mặc dù rất muốn thôn tính Đại Việt nhưng lúc ấy nội bộ Mông Cổ có sự xáo trộn. Năm 1259, Mông Kha đánh nhau với quân Tống và bị giết chết trên chiến trường. Ngôi Hãn bỏ trống khiến hai người em của Mông Kha là Hốt Tất Liệt và A Lý Bất Ca (Arig Bôke) tranh giành lẫn nhau. Hốt Tất Liệt tự xưng là hoàng đế Mông Cổ rồi đem quân đánh nhau với em trai, gây ra cảnh nòi da xáo thịt.





Do Mông Cổ đang nội chiến nên Hốt Tất Liệt hứa hẹn sẽ không gây hấn với Đại Việt nhưng bắt vua Trần phải nộp cống vàng bạc, ngọc quý, ngà voi, trầm hương, sừng tê, đồi mồi, vải trắng, chén sứ,... ngoài ra còn phải cống cả nho sĩ, thầy thuốc có tài, người giỏi âm dương bói toán, các loại thợ lành nghề,... mỗi hạng mục ba người. Thậm chí còn đòi nộp cả thương nhân người Hồi Hột (Uyghur tức người Duy Ngô Nhĩ ở phía nam Tân Cương, Trung Quốc) đang sống và buôn bán ở Đại Việt.

Vua Trần Thánh Tông đành cho gom góp các hạng mục mà quân Mông Cổ yêu cầu và cho người đem sang. Riêng việc cống người thì nhà vua cương quyết không tuân theo. Hốt Tất Liệt không làm gì được nhưng lại gửi sang một viên quan Mông Cổ là Đạt Lỗ Hoa Xích (Darughachi) để giám sát tất cả các công việc của Đại Việt. Để Mông Cổ không có cơ gây hấn, vua Thánh Tông đành phải chấp nhận nhưng cho người giám sát chặt chẽ từng bước đi của viên quan hống hách này khiến hấn không làm được việc gì.



Tuy bề ngoài thần phục Mông Cổ nhưng vua Trần Thánh Tông vẫn chú trọng chuẩn bị quân mã, thuyền bè, khí giới. Nhiều đợt tuyển quân được tiến hành. Quân đội được phân ra làm *quân* và *đô*, mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người. Nhiều cuộc tập trận được diễn ra. Ngoài ra, vua còn liên tục sai các tướng tài đi tuần tra vùng biên giới.



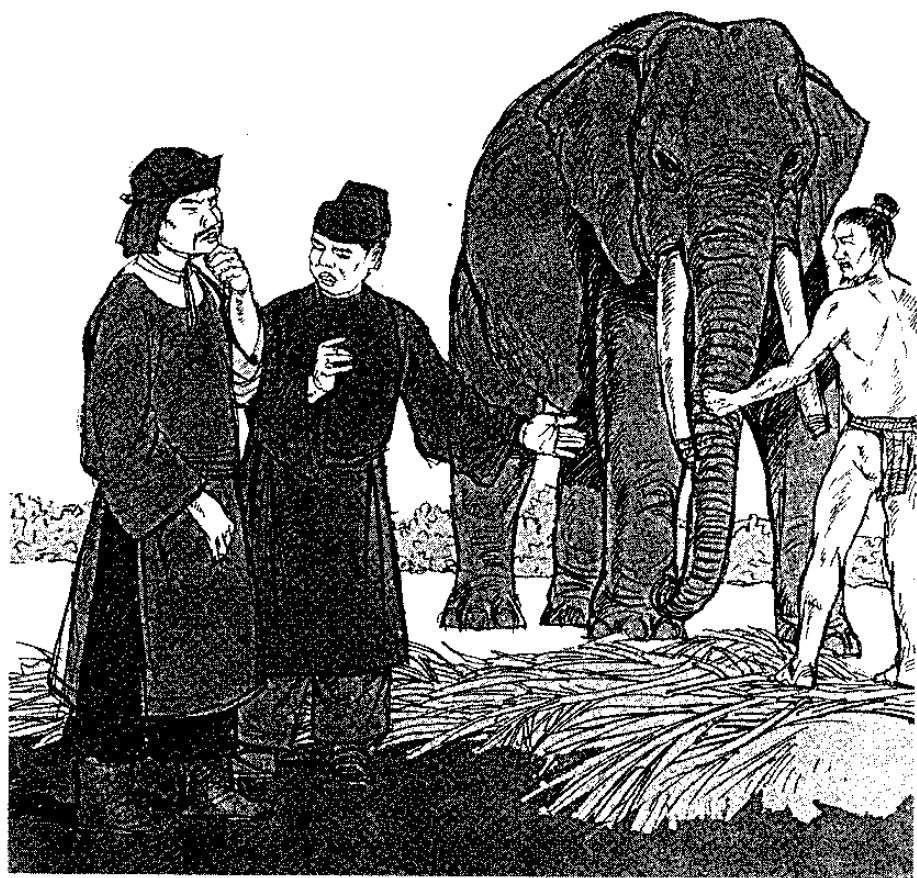
Thái sư Trần Thủ Độ lúc này tuy đã lớn tuổi nhưng không quản mưa gió, bệnh tật vẫn chỉ huy quân sĩ tuần phòng ở biên giới Lạng Sơn vào mùa thu năm 1263. Qua mùa xuân năm sau (1264), Trần Thủ Độ lâm bệnh nặng và từ trần. Thượng hoàng Thái Tông, vua Thánh Tông cùng triều đình vô cùng thương tiếc. Người tướng già ấy đã đặt nền móng cho nhà Trần, góp nhiều công sức trong việc ổn định và chấn hưng đất nước.



Sau khi dẹp yên nội loạn và chính thức làm hoàng đế Mông Cổ, năm 1267, Hốt Tất Liệt lại đòi vua Trần phải thực hiện sáu việc: phải qua Mông Cổ châu chầu chúa Mông Cổ; phải gửi con hoặc em sang làm con tin; phải nộp sổ kiểm kê dân số; phải cho người đi quân dịch cho Mông Cổ; phải nộp thuế; phải để cho viên quan Đạt Lỗ Hoa Xích quyền thống trị Đại Việt. Nhưng vua Thánh Tông lần lữa suốt 10 năm mà không thực hiện yêu sách trên. Vì bận chiến tranh với nhà Tống nên Hốt Tất Liệt cũng đành bỏ qua.



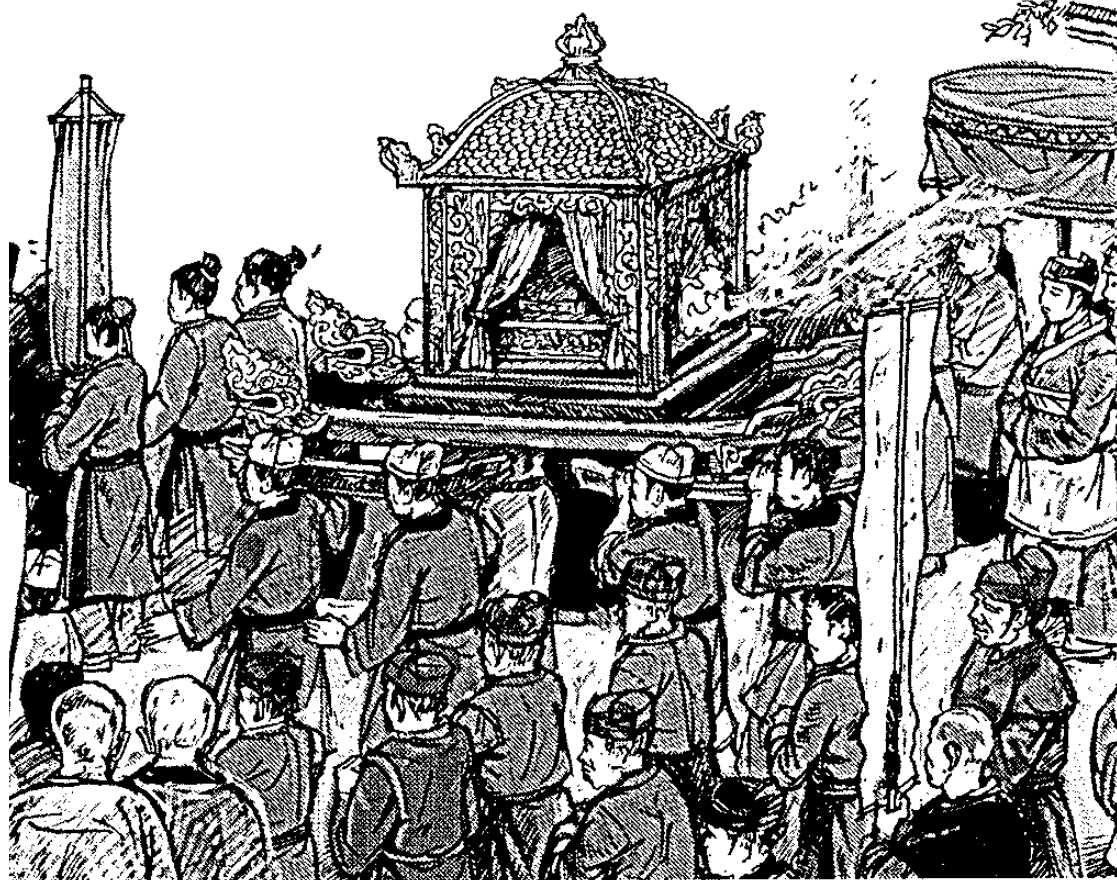
Năm 1270, y đòi Đại Việt phải cống voi. Vua viện cớ là voi quá to lớn và chậm chạp, năm sau sẽ tiến cống. Đến hẹn, Hốt Tất Liệt cho người sang đòi. Nhà vua lấy cớ là voi quấy luyến chủ, không chịu đi. Năm 1271, sau khi chiếm được nước Tống, Hốt Tất Liệt đổi tên nước là Đại Nguyên và gửi chiếu bắt vua Trần sang Bắc Kinh châu. Vua Thánh Tông lấy cớ bị bệnh mà không đi. Hốt Tất Liệt lại cho người bắt sang tìm cột đồng Mã Viện để làm nhục Đại Việt nhưng vua Trần lại trả lời rằng lâu ngày, cột mất, tìm không có.



Năm 1275, vua Thánh Tông cho sứ sang nhà Nguyên xin miễn chức Đạt Lỗ Hoa Xích, thay vào đó là một sứ thần. Nhà Nguyên không chịu, cứ bắt Đại Việt phải tuân thủ sáu điều như đã định. Vua Thánh Tông cũng không nhượng bộ.



Năm 1277, Thượng hoàng Thái Tông mất ở phủ Thiên Trường, thọ 60 tuổi, làm vua 33 năm, làm thượng hoàng 19 năm. Vốn sùng đạo Phật, Thượng hoàng thường du ngoạn các chùa nổi tiếng như Quỳnh Lâm, Hoa Yên (Yên Tử) và dành nhiều thì giờ để nghiên cứu Phật học. Thượng hoàng đã sáng tác một số tác phẩm quan trọng như “*Kiến trung thường lệ*”, “*Quốc triều thông chế*” và nhất là cuốn “*Khóa hư lục*” vẫn còn lưu truyền đến ngày nay. Ngoài ra thượng hoàng còn cho xây chùa Phổ Minh ở phủ Thiên Trường (Nam Định ngày nay) - một ngôi chùa lớn vào thời ấy.







Năm 1278, vua Thánh Tông nhường ngôi cho con để làm thượng hoàng. Thái tử Khâm lên ngôi tức vua Trần Nhân Tông. Tương truyền lúc vua còn nhỏ chỉ ham đọc sách, nhất là sách Phật nên muốn được nhường ngôi Thái tử cho em. Không được vua cha chấp thuận, thái tử Khâm trốn lên Yên Tử định đi tu. Sau khi lên ngôi, vua dù vẫn ăn chay, tụng kinh niệm Phật nhưng cũng rất chú trọng việc nội trị. Dưới đời vua Nhân Tông, văn hóa dân tộc được coi trọng. Lần đầu tiên, chữ Nôm (cải biến từ chữ Hán, được coi là chữ riêng của dân tộc ta đến khi chữ quốc ngữ phổ biến) đã được dùng trong thi phú.



Năm 1279, nhà Nguyên diệt xong nhà Tống, muốn xua quân đánh xuống Đại Việt. Nghe tin vua Nhân Tông lên ngôi, nhà Nguyên sai sứ là Sài Thung (có sách gọi là Sài Xuân) sang hạch hỏi. Sài Thung ngênh ngang đến kinh đô Thăng Long trao chiếu thư trách cứ vua Nhân Tông dám tự lên ngôi mà không xin phép nhà Nguyên và buộc nhà vua phải sang châu hoặc phải cho con, em sang làm con tin.



Y còn đe dọa: “Nếu ngươi không yên, cố ý kháng cự mệnh trẫm thì cứ sửa đắp thành lũy, sắm sửa giáp binh, sẵn sàng mà đợi”. Vua Nhân Tông vẫn mềm mỏng bảo với Sài Thung rằng mình là người sinh ra trong cung cấm, không quen nắng gió, không đi xa được, nếu đi thì sợ chết ở dọc đường. Sài Thung bắt bẻ: “Vua Tống chỉ mới mười tuổi và cũng sinh ra trong cung nhưng vẫn sang châu vua Nguyên được. Nếu không thì phải cho con hoặc em đi làm con tin”. Vua Trần Nhân Tông vẫn từ chối, nói rằng những người ấy nếu có sang được đến nơi cũng không thể sống nổi vì không hợp phong thổ.



Không thuyết phục được vua Trần, Sài Thung bỏ về. Để xoa dịu, vua Nhân Tông sai sứ đi theo, dâng cho Hốt Tất Liệt một số sản vật quý của Đại Việt, trong đó có hai con voi mà y đã từng đòi hỏi. Vua Nhân Tông còn gửi thư cho Hốt Tất Liệt, xin miễn vào châu. Sài Thung không cho sứ bộ Đại Việt đến Bắc Kinh mà bắt phải trú lại một tỉnh ở phía nam để đợi lệnh.





Sau đó, Hốt Tất Liệt ra lệnh cho sứ bộ đến Bắc Kinh và giam lỏng tại đây rồi lại phái Sài Thung đến Đại Việt một chuyến nữa với yêu sách cống người vàng, hiền sĩ, thợ thuyền. Trước yêu sách của nhà Nguyên, vua Trần Nhân Tông một mặt lo chuẩn bị binh mã, một mặt cũng nhượng bộ đôi phần mà cho người chú họ là Trần Di Ái thay mình để qua châu chúa Nguyên. Năm 1281, Trần Di Ái cùng một đoàn tùy tùng lĩnh mệnh lên đường.

Hốt Tất Liệt ra sức chiêu dụ Trần Di Ái. Y lập một triều đình tay sai người Việt từ phái đoàn của Di Ái và phong cho Di Ái làm An Nam Quốc vương. Những người đi theo cũng được phong tước cao, như Lê Mục được phong làm Hàn lâm Học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư. Những chức này, nếu ở Đại Việt thì tất cả đều khó lòng với tới được, bởi vậy Di Ái cùng các quan cúi đầu chấp thuận.



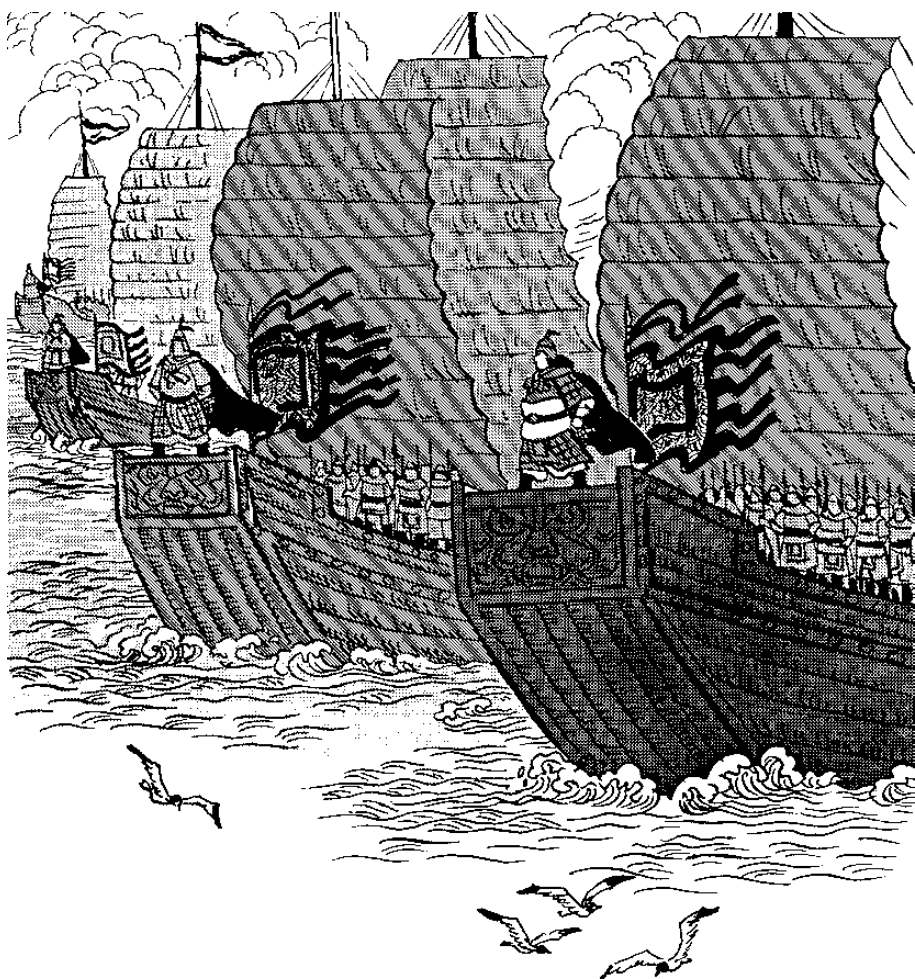
Có bộ máy tay sai bù nhìn ấy, Hốt Tất Liệt tưởng như đã nắm Đại Việt trong tay. Y gửi chiếu thư cho vua Trần Nhân Tông với lời lẽ đắt ý: “Người đã cáo bệnh không vào châu, nay cho người được nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng, ta lập chú người là Di Ái thay người làm vua nước An Nam, cai trị dân chúng người...”(*)

** Các đoạn trong ngoặc kép trích theo Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm trong Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XII, Hà Nội, 1975, T.107-111.*



Liên đó, chúa Nguyễn sai Sài Thung và một nghìn quân Nguyễn đưa Trần Di Ái về Đại Việt để “lên ngôi”. Đoàn quân của Trần Di Ái và Sài Thung đến gần biên giới thì vua Trần Nhân Tông đã biết tin. Nhà vua cho quân đón đánh ở ải Nam Quan. Di Ái sợ quá, định bỏ trốn nhưng không thoát. Hắn bị bắt, bị lột hết chức tước và giáng xuống làm lính. Còn Sài Thung thì bị tên bắn chột một mắt, phải quay về. Ý đồ dựa vào Di Ái để cai trị Đại Việt của nhà Nguyễn tan thành mây khói.





Đầu năm 1283, với âm mưu tạo hai gọng kìm để dễ bề xâm lấn Đại Việt, Hốt Tất Liệt sai một đạo thủy quân do Toa Đô (Sogetu) cầm đầu, vượt biển tấn công Chiêm Thành, hy vọng thôn tính nước này để làm bàn đạp đánh vào Đại Việt từ phía Nam, phối hợp với đại quân của chúng kéo từ Trung Quốc xuống. Nhưng cuộc xâm lăng đã gặp thất bại trước sự chiến đấu kiên cường của người Chiêm. Tuy vậy, Toa Đô vẫn được lệnh đem quân đóng ở phía Bắc của Chiêm Thành để chờ thời cơ.

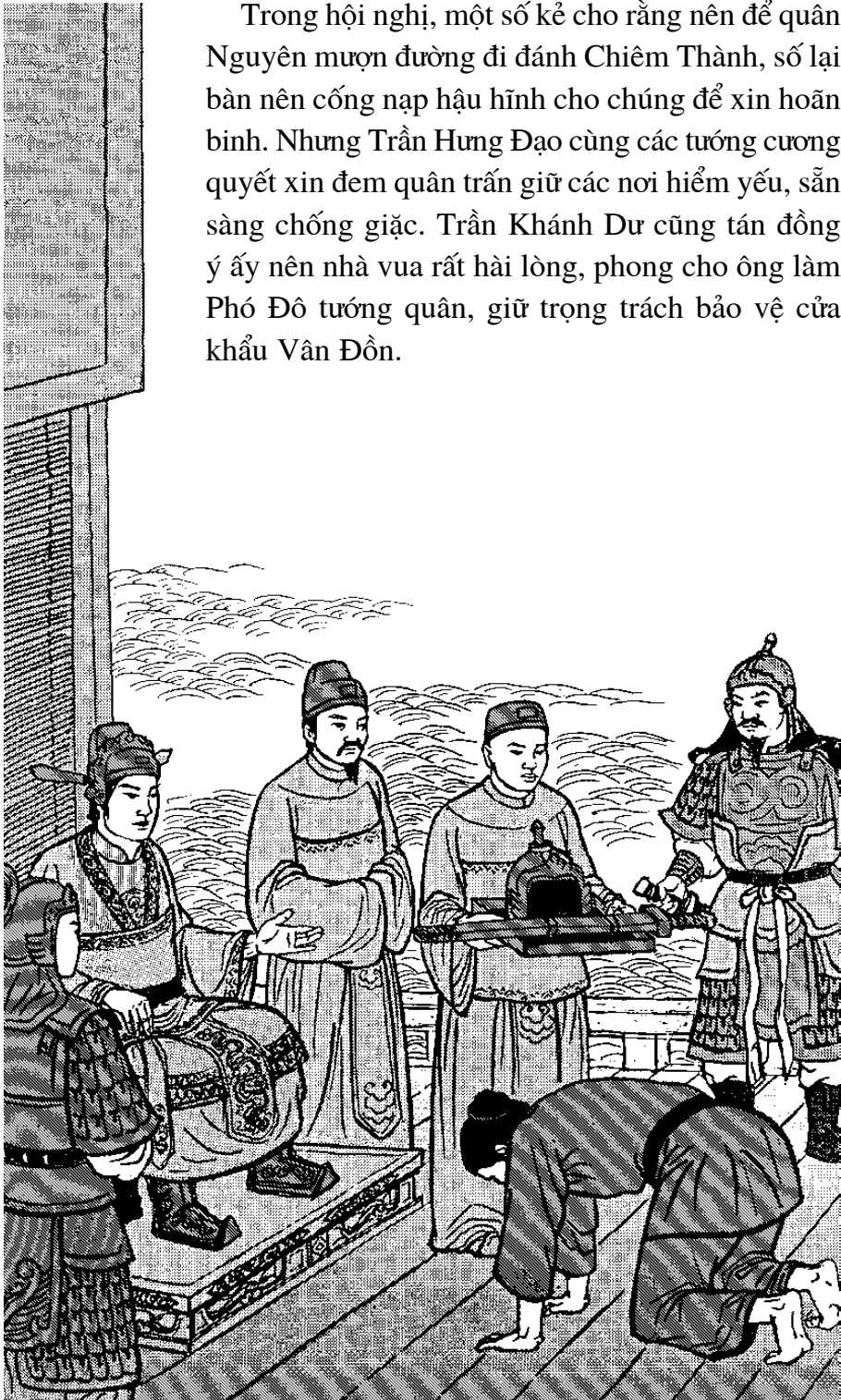
Năm sau, để chuẩn bị đánh Đại Việt, Hốt Tất Liệt phong cho con là thái tử Thoát Hoan (Toghan) tước hiệu Trấn Nam vương, có nghĩa là vua trấn giữ phương Nam. Lại cho những tên tướng dày dạn kinh nghiệm trận mạc, đã từng đánh thắng nhà Tống như Lý Hằng, A Lý đi theo trợ giúp. Chúng cho thu gom một lượng lương thảo rất lớn và bắt người dân Trung Quốc phải làm sai dịch vận chuyển theo đoàn quân. Nhiều người không chịu được đã tìm cách bỏ trốn. Tất cả những sự chuẩn bị đó của nhà Nguyên đều được thám mã Đại Việt báo về cho triều đình.





Ngay từ cuối năm 1282, để chuẩn bị cho Toa Đô đi đánh Chiêm Thành, chúa Nguyên đã sai người sang đòi Đại Việt phải cho mượn đường và giúp đỡ lương thực. Biết rõ âm mưu của chúng, vua Trần đã cho tổ chức hội nghị quân sự tại bến Bình Than trên sông Lục Đầu (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay) để thăm dò quyết tâm và kế sách chống giặc của vương hầu và quan lại trong triều. Khi hội nghị đang diễn ra thì có Trần Khánh Dư - vốn là một tướng tài trong hoàng tộc nhưng vì phạm tội mà bị cắt chức, đuổi về quê - tìm đến và được vua Nhân Tông tha tội, phục hồi chức tước rồi cho cùng nghị sự.

Trong hội nghị, một số kẻ cho rằng nên để quân Nguyên mượn đường đi đánh Chiêm Thành, số lại bàn nên cống nạp hậu hĩnh cho chúng để xin hoãn binh. Nhưng Trần Hưng Đạo cùng các tướng cương quyết xin đem quân trấn giữ các nơi hiểm yếu, sẵn sàng chống giặc. Trần Khánh Dư cũng tán đồng ý ấy nên nhà vua rất hài lòng, phong cho ông làm Phó Đô tướng quân, giữ trọng trách bảo vệ cửa khẩu Vân Đồn.





Trong hội nghị Bình Than, có một viên tướng không được mời dự họp. Đó là Trần Quốc Toản, dù được theo tới Bình Than, nhưng vì mới 16 tuổi nên phải đứng ngoài. Trần Quốc Toản lấy làm uất ức, tay bóp nát quả cam vua ban thưởng mà không hay. Khi tan hội, các vương hầu ra về sắm sửa binh thuyền để cự địch, Trần Quốc Toản cũng về tụ họp gia đình lập nên một đạo quân hơn ngàn người chiến đấu dưới lá cờ thêu sáu chữ “Phá cường địch, báo hoàng ân” (Phá giặc mạnh, báo ơn vua).

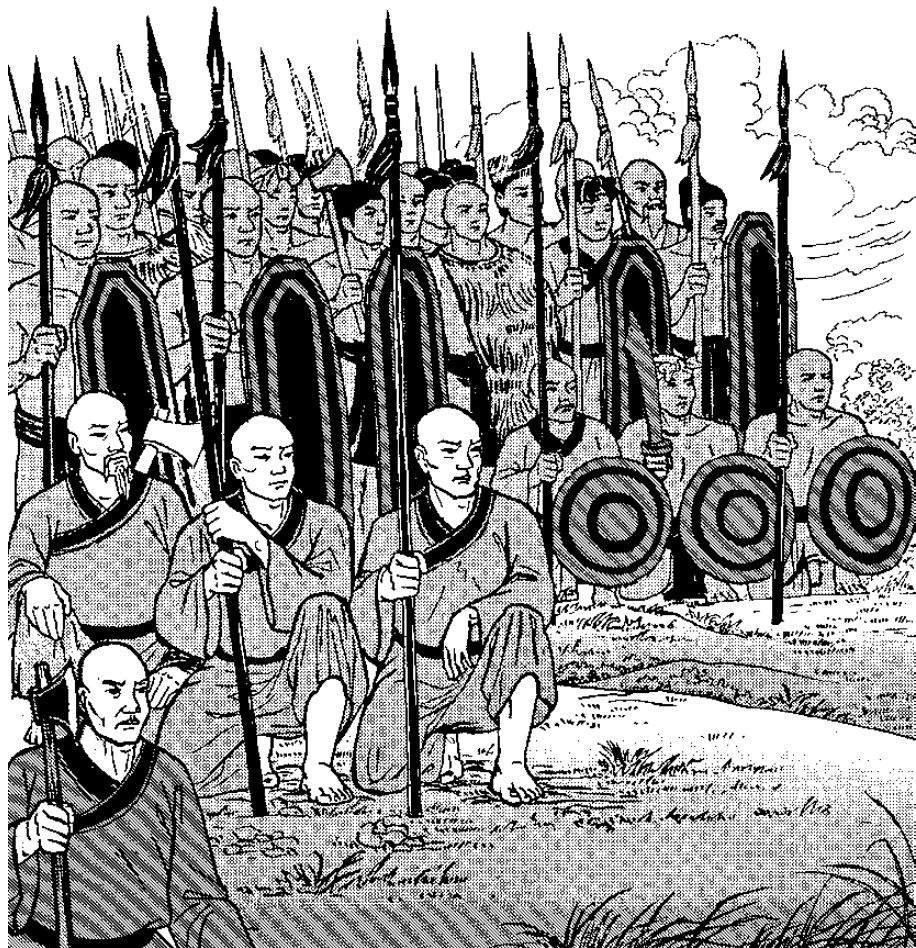
Sau đó, vua Nhân Tông phong cho Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn làm Quốc công Tiết chế, nhận trọng trách thống lĩnh toàn quân; Chiêu Minh vương Trần Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư, cùng hợp lực với Trần Quốc Tuấn chỉ huy ba quân chống xâm lăng. Trần Quang Khải (1241-1294) là con thứ ba của vua Thái Tông, là em cùng mẹ với Thượng hoàng Thánh Tông và là chú ruột của vua Nhân Tông. Ông là người thông minh, học rộng, văn võ toàn tài lại nổi tiếng thanh liêm, được triều đình nể trọng.



Trước đây, Quốc Tuấn và Quang Khải không hòa thuận với nhau do hiềm khích giữa hai chi họ. Nhưng khi giặc sắp xâm lăng, hai ông đều đặt quốc gia lên trên. Một lần, Quốc Tuấn về kinh đô, Quang Khải đã xuống thuyền của Quốc Tuấn đánh cờ, uống rượu cả ngày. Biết trời lạnh, Quang Khải ngại tắm, Quốc Tuấn bèn sai nấu nước thơm và tự tay dội nước cho Quang Khải. Ông đùa bảo: “Hôm nay được tắm cho Thượng tướng”. Quang Khải cũng đùa lại: “Hôm nay được ngài Quốc công tắm hầu”. Việc hai bên cư xử thân tình khiến tướng sĩ thêm tin tưởng, thêm đoàn kết.



Để khích lệ tinh thần ba quân, Trần Hưng Đạo viết bài “Hịch tướng sĩ” nổi tiếng. Trong bài hịch có đoạn tha thiết: “... Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu trăm thân này phơi ngoài nội cỏ nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng...” Lời hịch truyền ra, ai ai cũng hực hực một khí thế diệt giặc, họ xăm hai chữ “sát Thát” (giết quân Nguyên) lên cánh tay thể hiện quyết tâm của mình. Sau đó, Trần Hưng Đạo dẫn đại quân lên trấn giữ cửa Nội Bàng chủ động đợi giặc đến mà đánh.

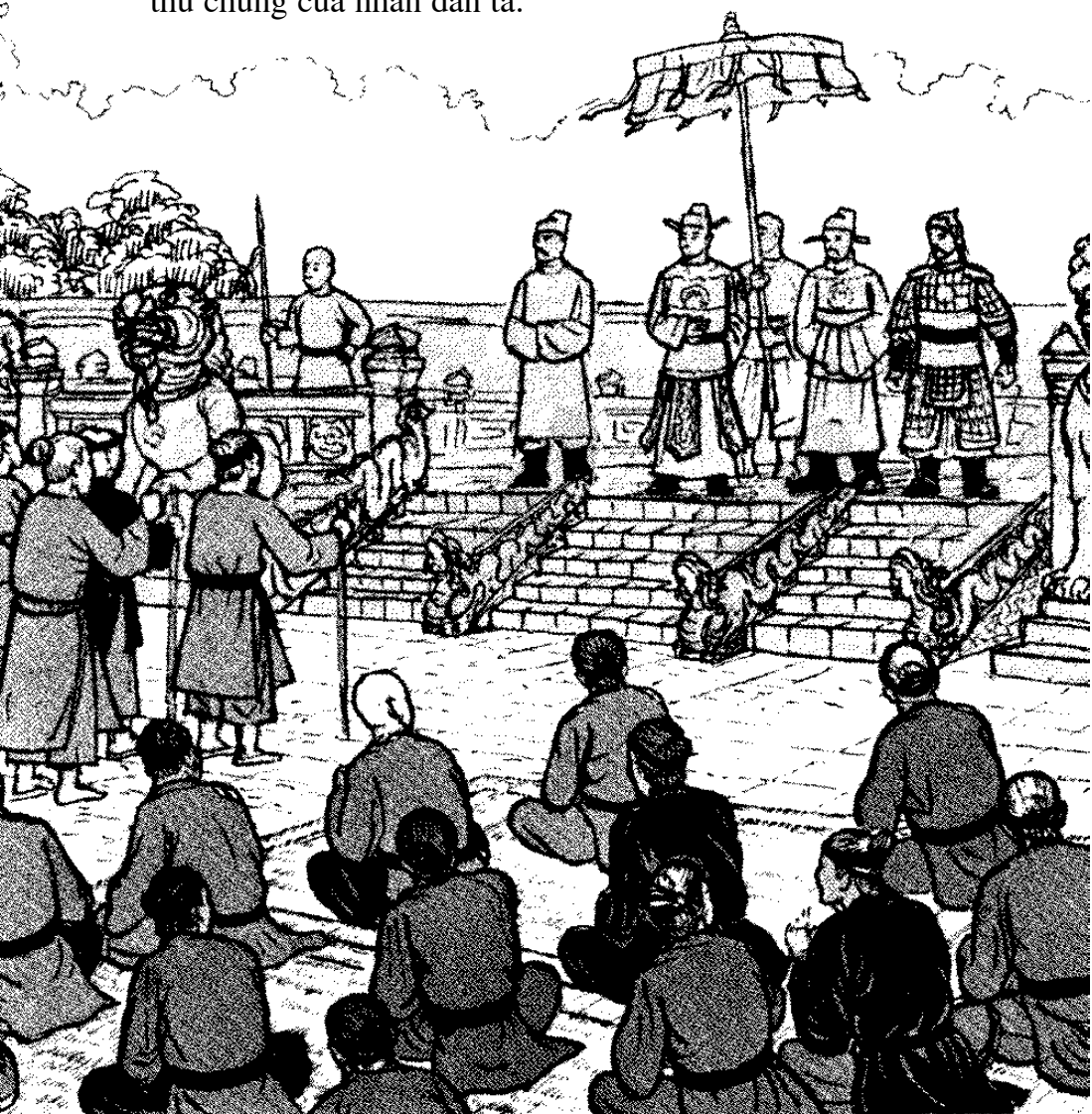


Lúc này, 50 vạn quân Nguyên chia làm hai cánh, một cánh đi theo đường Vân Nam đã áp sát biên giới phía Tây Đại Việt. Còn đại quân do Thoát Hoan thống lĩnh, ùn ùn tiến đến gần biên giới Lạng Sơn. Thoát Hoan lại giở trò cũ, cho người đưa thư sang vua Trần nói rằng y không có ý đánh Đại Việt, chỉ mượn đường đi đánh Chiêm Thành. Biết trước mưu đồ thâm hiểm của giặc, vua Nhân Tông đã viết thư từ chối. Giặc lại cho Tả Thừa tướng A Lý sang đưa thư hăm dọa cho Trần Hưng Đạo nhưng ông cũng không tiếp, cho người ra đuổi A Lý về.





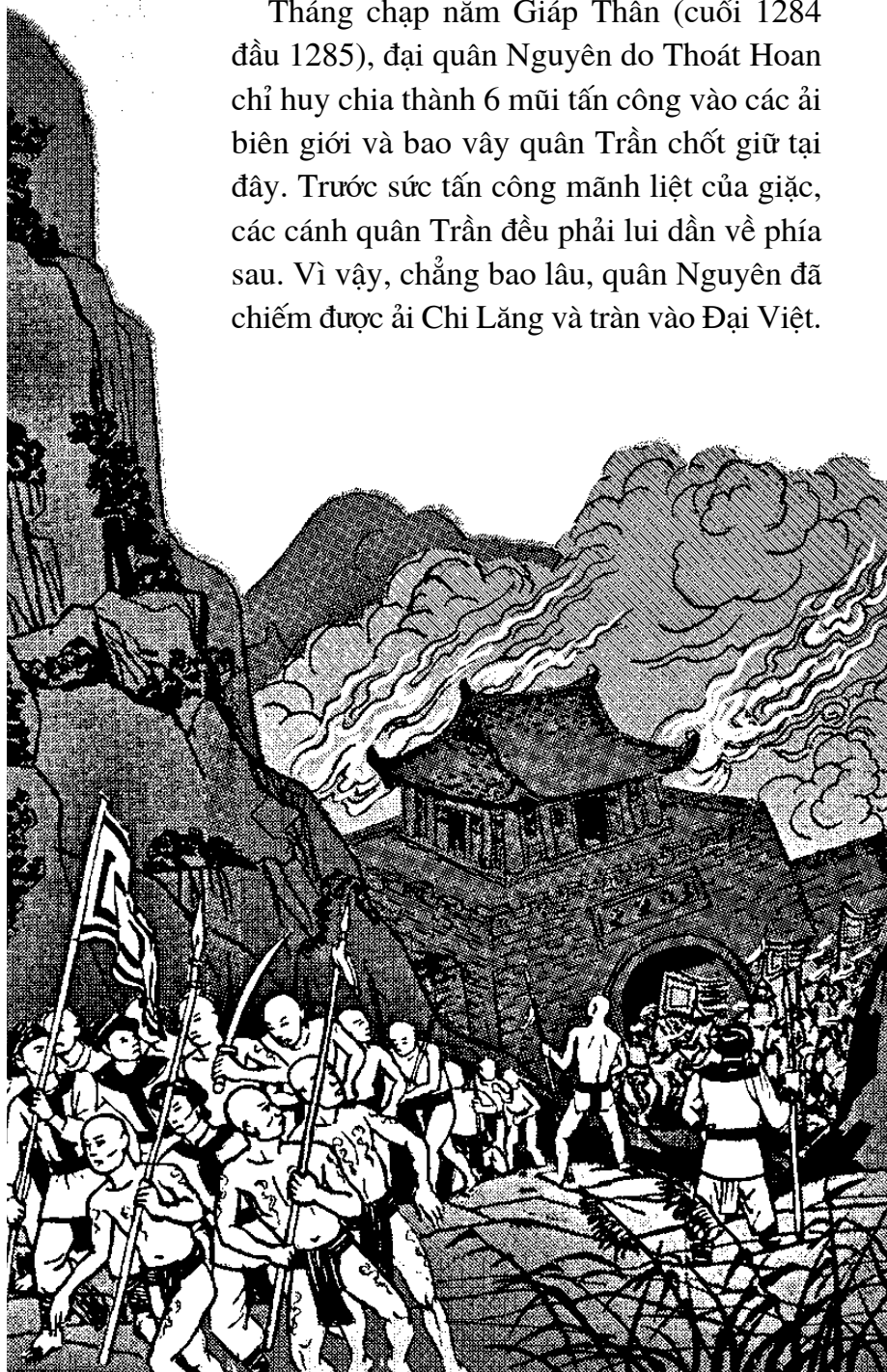
Để thăm dò quyết tâm của dân chúng, tháng 12 năm Giáp Thân (1284), Thượng hoàng Thánh Tông cho mời các bô lão trong cả nước đến điện Diên Hồng. Đứng trước các vị bô lão, thượng hoàng hỏi: “Nên hòa hay nên chiến?”. Lập tức cả ngàn tiếng nói cùng hòa làm một trong khí thế bùng bùng: “Quyết chiến, quyết chiến”. Lòng can đảm và ý chí quật cường của các bô lão làm nức lòng triều đình cùng dân chúng. Hội nghị Diên Hồng mãi là tấm gương sáng về lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần đoàn kết chống kẻ thù chung của nhân dân ta.



Sau đó, vua Trần cho yết bảng kêu gọi nhân dân hợp lực với triều đình: “Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh; nếu sức địch không nổi thì cho lẫn trốn vào rừng núi, không được đầu hàng”. Cả nước bừng bừng quyết tâm đánh giặc, cùng nhau đóng góp theo sức của mình. Nhà giàu thì quyên góp tiền bạc, lương thực để nuôi quân; người bình dân thì góp công xay lúa giã gạo, rèn đúc khí giới.



Tháng chạp năm Giáp Thân (cuối 1284 đầu 1285), đại quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy chia thành 6 mũi tấn công vào các ải biên giới và bao vây quân Trần chốt giữ tại đây. Trước sức tấn công mãnh liệt của giặc, các cánh quân Trần đều phải lui dần về phía sau. Vì vậy, chẳng bao lâu, quân Nguyên đã chiếm được ải Chi Lăng và tràn vào Đại Việt.



Đoàn thuyền chiến của Trần Hưng Đạo ở Nội Bàng phải rút về giữ châu Lạng Giang (Bắc Giang). Biết giặc mới sang còn đang mạnh, đối đầu với chúng lúc này sẽ bất lợi, ông lại cho quân rút dần về Vạn Kiếp (vùng Vạn Yên, Chí Linh, Hải Dương). Đây là thái ấp của ông và cũng là một trong những chốt phòng thủ quan trọng của nhà Trần. Hay tin đó, vua Nhân Tông - đang chỉ huy khoảng một nghìn chiến thuyền ở Thăng Long sẵn sàng tiếp ứng - vội lấy thuyền nhỏ đi gấp ra vùng chiến địa.



Đến Hải Đông^(*), nhà vua cho mời ngay Trần Hưng Đạo đến hỏi: “- Thế giặc to như vậy, hay là trẫm đầu hàng để cứu muôn dân khỏi cảnh chiến tranh?”. Trần Hưng Đạo khẳng khái tâu: “- Xin bệ hạ chém đầu thần rồi hãy hàng”. Yên lòng trước sự quả cảm của người chú họ cũng là vị tướng tài ba, vua tôi cùng nhau bàn bạc thế trận và việc chinh đốn quân lực.

** Khu vực biển gồm Hải Phòng, Hải Dương và Quảng Ninh hiện nay.*

Ngoài ra còn có Hải Tây là vùng biển Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ.

Đây là cách phân chia hành chính thời Trần.



Bấy giờ nhiều cánh quân nhà Trần kéo về Vạn Kiếp hội tụ, lập trại san sát, có đến hơn 20 ngàn quân và có hơn 1000 thuyền chiến đóng cách đấy không xa. Nhà vua đi duyệt binh, thấy sức mạnh của quân đội, lòng cảm động thốt lên:

*Cối Kê việc cũ người nên nhớ,
Hoan Diễn kia còn chực vạn quân.*

(Ý nói Câu Tiễn thời chiến quốc ở Trung Quốc, chỉ còn một nghìn quân nhưng vẫn đánh thắng giặc, hướng gì nay ở Hoan Diễn, tức vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, quân ta có đến hơn chục vạn người).



Trong khi ấy Thoát Hoan cũng đang tiến quân đến gần Vạn Kiếp. Biết lực lượng nhà Trần còn rất đông, lại mạnh về thủy chiến nên hắn cũng lập một đội thuyền chiến gồm 60 chiếc vừa thu được với khoảng 1300 tên lính và giao cho Ô Mã Nhi - một viên tướng lão luyện về thủy chiến - chỉ huy.



Tháng giêng năm Ất Dậu (1285), quân Nguyên tổng tấn công vào Vạn Kiếp. Quân Trần chống cự mãnh liệt suốt 3 ngày, chém chết một tên tướng Nguyên. Thấy các chốt trên bộ khó chống đỡ được lâu, Trần Hưng Đạo cho rút quân xuống thuyền, xuôi theo sông Hồng. Vua Nhân Tông cũng đem binh thuyền đến cửa sông Đuống trợ chiến. Sau, để bảo toàn lực lượng, nhà vua cùng Trần Hưng Đạo lui về lập phòng tuyến ở bờ nam sông Hồng, bảo vệ kinh thành Thăng Long.



Chiếm được Vạn Kiếp, quân Nguyên tiếp tục tiến về Thăng Long. Dọc đường, chúng cho quân đốt phá làng mạc, cướp bóc lương thực, của cải. Bất được ai thích chữ sát Thát trên tay chúng đều giết chết. Đến sông Đuống, biết quân Trần đã lập một phòng tuyến vững chắc với rất nhiều thuyền chiến hỗ trợ, Thoát Hoan cho quân dừng lại lập trại, dò xét động tĩnh.





Khi đó, vua Nhân Tông muốn cử người qua trại giặc do thám, đang phân vân chưa biết chọn ai thì văn quan Đỗ Khắc Chung bước ra xin nhận lãnh nhiệm vụ. Tháng giêng năm Ất Dậu (1285), cầm lá thư của nhà vua gửi tướng giặc giả xin hòa, Đỗ Khắc Chung đường hoàng sang trại giặc.

Ô Mã Nhi xem thư xong, lên giọng hạch hỏi:

- Vua nước ngươi vô lễ, sai người thích hai chữ sát Thát, tỏ ý khinh thường quân thiên triều, còn hòa cái gì?

Khắc Chung vén tay áo cho Ô Mã Nhi xem và nói:

- Đây là lòng công phần mà quân lính tự thích vào hai chữ ấy chứ quốc vương không biết được. Nếu là lệnh bề trên, tôi là người hầu gần, sao lại không có?





Cứ như thế, Khắc Chung tùy nghi mà ứng đối, câu nào ra câu ấy khiến cho tướng giặc không thể bắt bẻ vào đâu được. Sau đó, ông đường hoàng ra về. Khi ông đi rồi, Ô Mã Nhi nói với các thuộc tướng: “- Chúng nó đương bị uy hiếp mà lời lẽ vẫn tự nhiên, không hạ chủ mình xuống mà cũng không nịnh ta. Nước này có những người như thế, chưa dễ đã chiếm được”. Nói rồi chợt hối hận, y sai người đuổi giết Đỗ Khắc Chung nhưng không kịp, Khắc Chung đã về doanh trại Đại Việt an toàn.

Nghe Khắc Chung tâu lại, biết thế giặc còn mạnh, Trần Nhân Tông quyết định rút đại quân khỏi Thăng Long. Để có thời gian rút lui, nhà vua sai hai đại quan là Trần Thang và Nguyễn Huệ tiếp tục đến trại Thoát Hoan cầu hòa. Nhưng lần này, hấn sai bắt giam cả hai và đòi vua Trần Nhân Tông phải thân hành đến để bàn định, nếu không hấn sẽ lập tức tấn công vào thành. Vua tôi nhà Trần vô cùng lo lắng vì nếu không cầm chân được giặc thì triều đình khó lòng rút lui được an toàn mà quân đội cũng không tránh khỏi tổn thất.



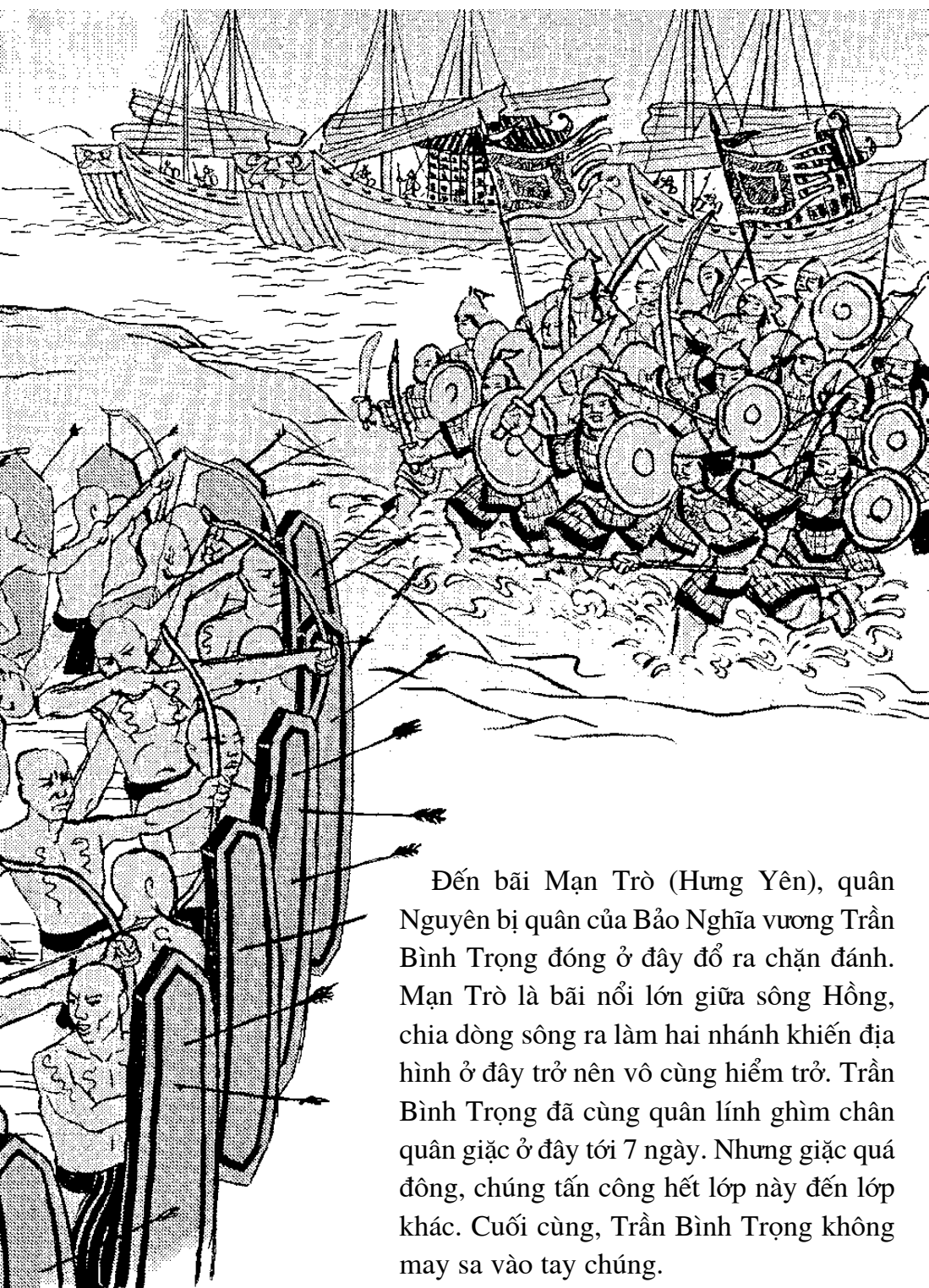
Chợt thượng hoàng Thái Tông nhớ đến Công chúa An Tư - một người con gái tài sắc vẹn toàn. Trước nạn nước cấp bách, để quân giặc tin vào chuyện giả hòa, thượng hoàng buộc lòng phải nhờ đến An Tư. Nàng gạt nước mắt cùng đoàn tùy tùng vào chốn ba quân xa lạ. Nàng công chúa lá ngọc cành vàng ấy sống thế nào cạnh tên tướng xâm lược tàn bạo? Sử sách chẳng cho biết, chỉ biết rằng người con gái út của Thượng hoàng Thái Tông đã vì nước quên thân, đóng góp phần riêng của mình trong trang sử vẻ vang chống ngoại xâm thời Trần.





Trong khi An Tư được đưa đến trại Thoát Hoan thì nhà Trần nhanh chóng rút quân. Hưng Đạo vương hộ tống nhà vua cùng triều đình lên thuyền, xuôi sông Hồng về phủ Thiên Trường (Nam Định). Hôm sau, Thoát Hoan mới biết tin nhà Trần rút quân, hấn bèn xua quân chiếm thành Thăng Long. Nhưng bấy giờ, trong thành đâu đâu cũng “vườn không nhà trống” khiến Thoát Hoan giận lắm, hấn sai cả quân thủy, quân bộ tức tốc đuổi theo vua Trần.



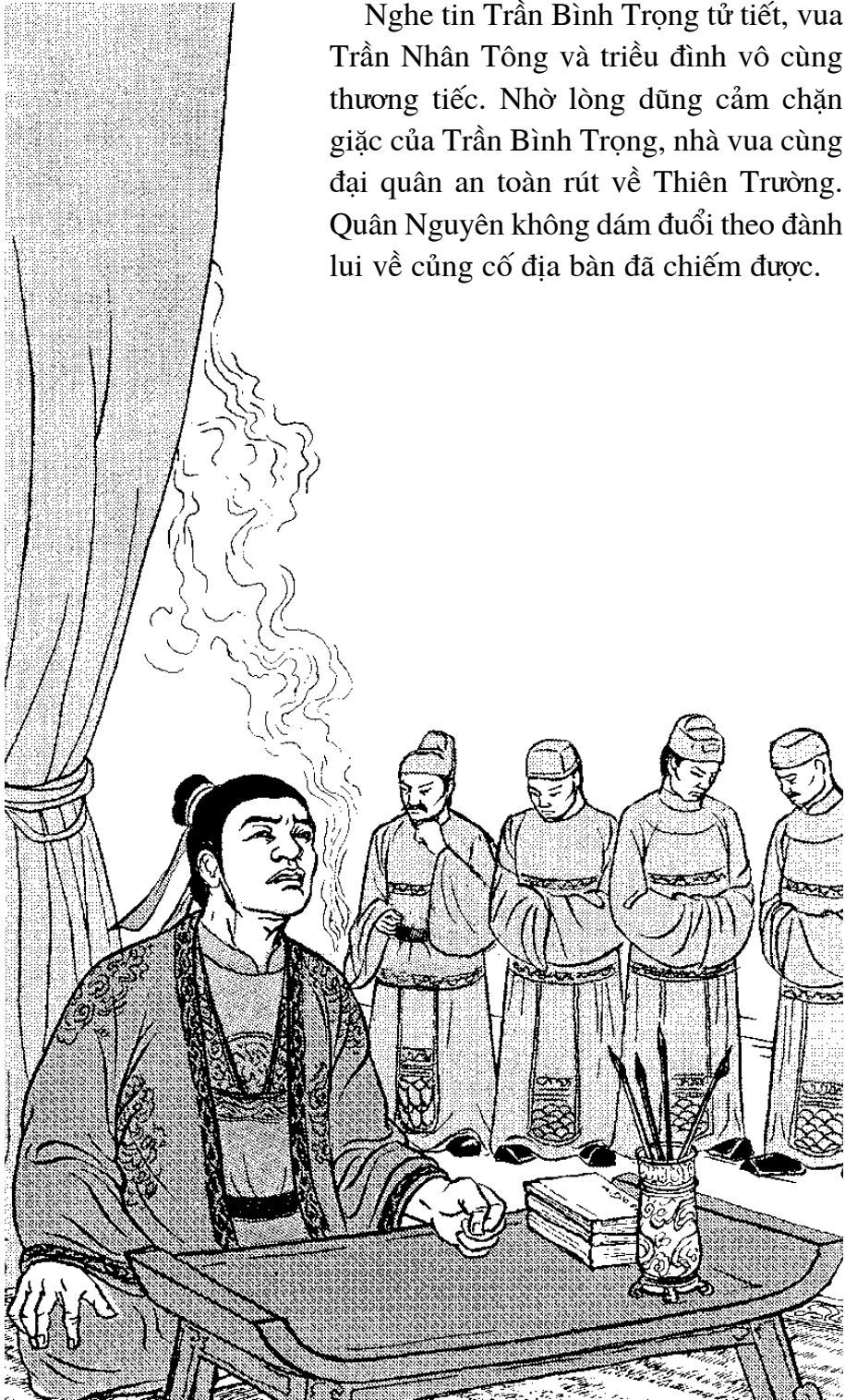


Đến bãi Mạn Trò (Hung Yên), quân Nguyên bị quân của Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng đóng ở đây đổ ra chặn đánh. Mạn Trò là bãi nổi lớn giữa sông Hồng, chia dòng sông ra làm hai nhánh khiến địa hình ở đây trở nên vô cùng hiểm trở. Trần Bình Trọng đã cùng quân lính ghìm chân quân giặc ở đây tới 7 ngày. Nhưng giặc quá đông, chúng tấn công hết lớp này đến lớp khác. Cuối cùng, Trần Bình Trọng không may sa vào tay chúng.

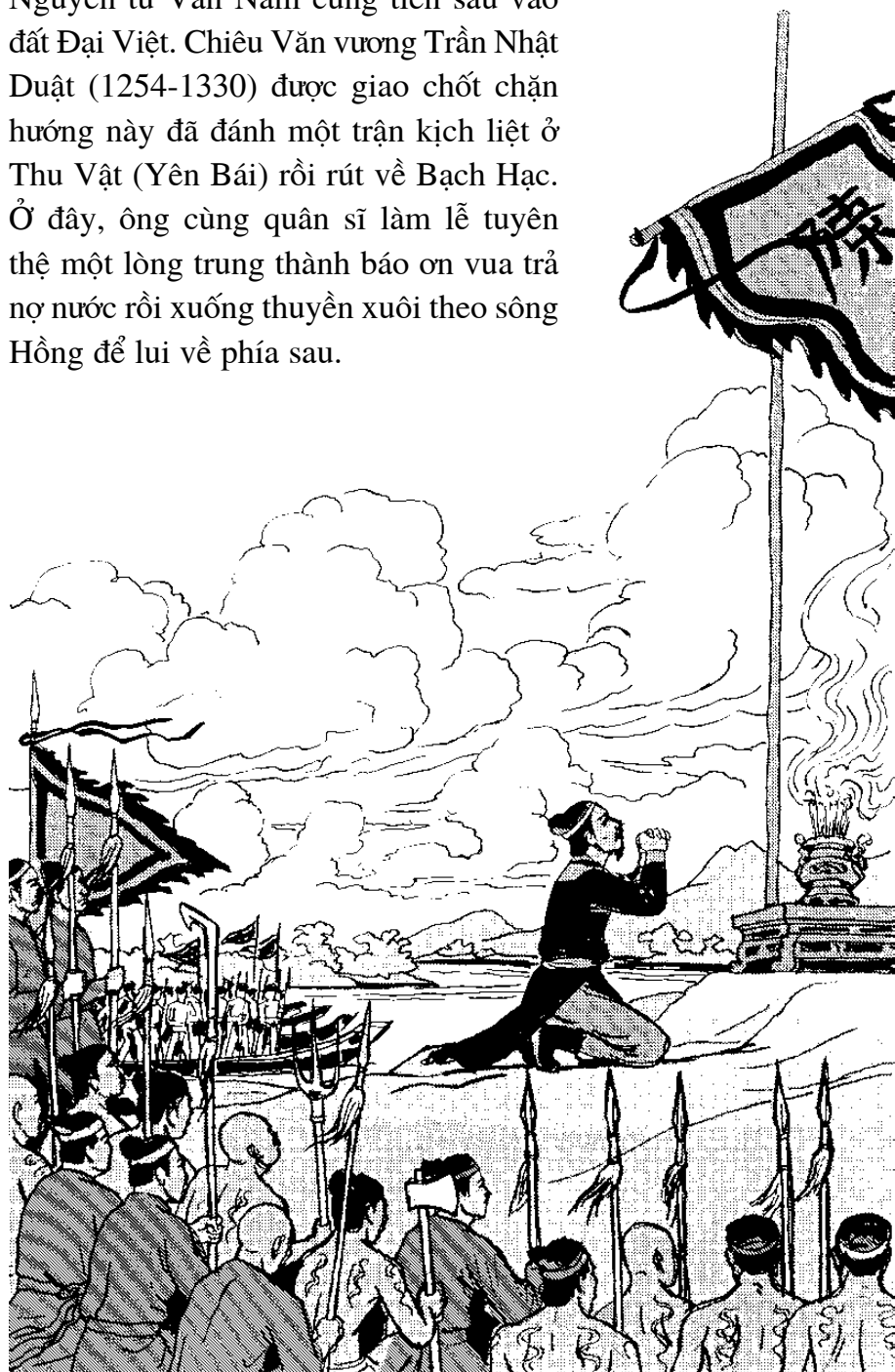


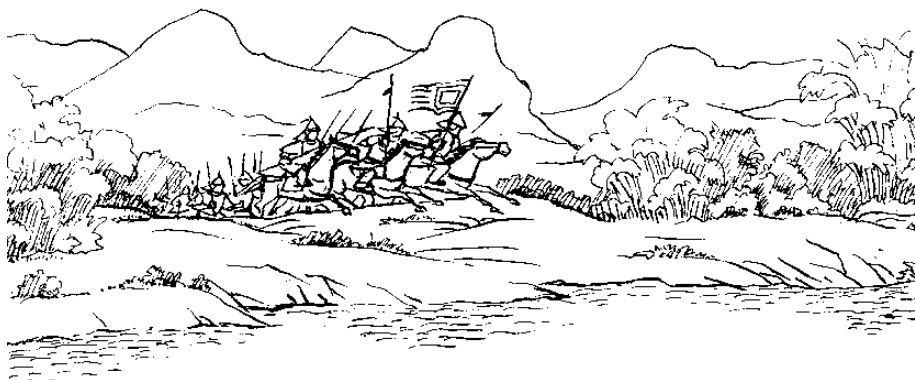
Biết ông là tướng giỏi, Thoát Hoan rất muốn chiêu dụ. Hắn đặt tiệc thiết đãi, nhưng ông không ăn. Hắn lại mon men hỏi dò việc nước, ông không trả lời. Thoát Hoan bèn hứa sẽ phong cho ông làm vua đất Bắc nếu ông chịu dẫn hắn đi bắt vua Trần. Trần Bình Trọng đứng dậy hiên ngang nói: “Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc. Nay đã bị bắt, chỉ có chết mà thôi, việc gì phải hỏi lời thôi!” Rồi ông bị Thoát Hoan hành hình.

Nghe tin Trần Bình Trọng tử tiết, vua Trần Nhân Tông và triều đình vô cùng thương tiếc. Nhờ lòng dũng cảm chặn giặc của Trần Bình Trọng, nhà vua cùng đại quân an toàn rút về Thiên Trường. Quân Nguyên không dám đuổi theo đành lui về củng cố địa bàn đã chiếm được.



Trong khi đại quân của Thoát Hoan chiếm được Thăng Long thì cánh quân Nguyên từ Vân Nam cũng tiến sâu vào đất Đại Việt. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật (1254-1330) được giao chốt chặn hướng này đã đánh một trận kịch liệt ở Thu Vật (Yên Bái) rồi rút về Bạch Hạc. Ở đây, ông cùng quân sĩ làm lễ tuyên thệ một lòng trung thành báo ơn vua trả nợ nước rồi xuống thuyền xuôi theo sông Hồng để lui về phía sau.





Trần Nhật Duật là em ruột thượng hoàng, là một dũng tướng đầy mưu lược, lại nói được nhiều thứ tiếng như Trung Hoa, Mông Cổ, Chiêm Thành và một số tiếng của các dân tộc thiểu số. Thấy quân Nguyên đuổi theo về cầm chừng, ông đoán: “Nếu đuổi thật thì phải chạy nhanh. Còn chạy từ từ ắt hẳn có quân chặn phía trước”. Nghĩ vậy, ông liền cho người đi thám sát. Quả đúng là có mai phục phía trước. Ông bèn cho rút quân lên bờ, nhờ đó mà thoát nạn để về hội quân ở Thiên Trường.





Lúc này, cánh quân thủy của Toa Đô đóng ở phía nam Đại Việt từ năm trước cũng đã kéo ra Nghệ An để phối hợp với đại quân của Thoát Hoan từ phía Bắc đánh xuống. Cả hai đạo quân giặc đang cố tạo thành hai gọng kìm bao vây quân Đại Việt ở Thiên Trường. Trần Quang Khải được cử đi cản đường cánh quân của Toa Đô, nhưng không thành công, phải rút lui.



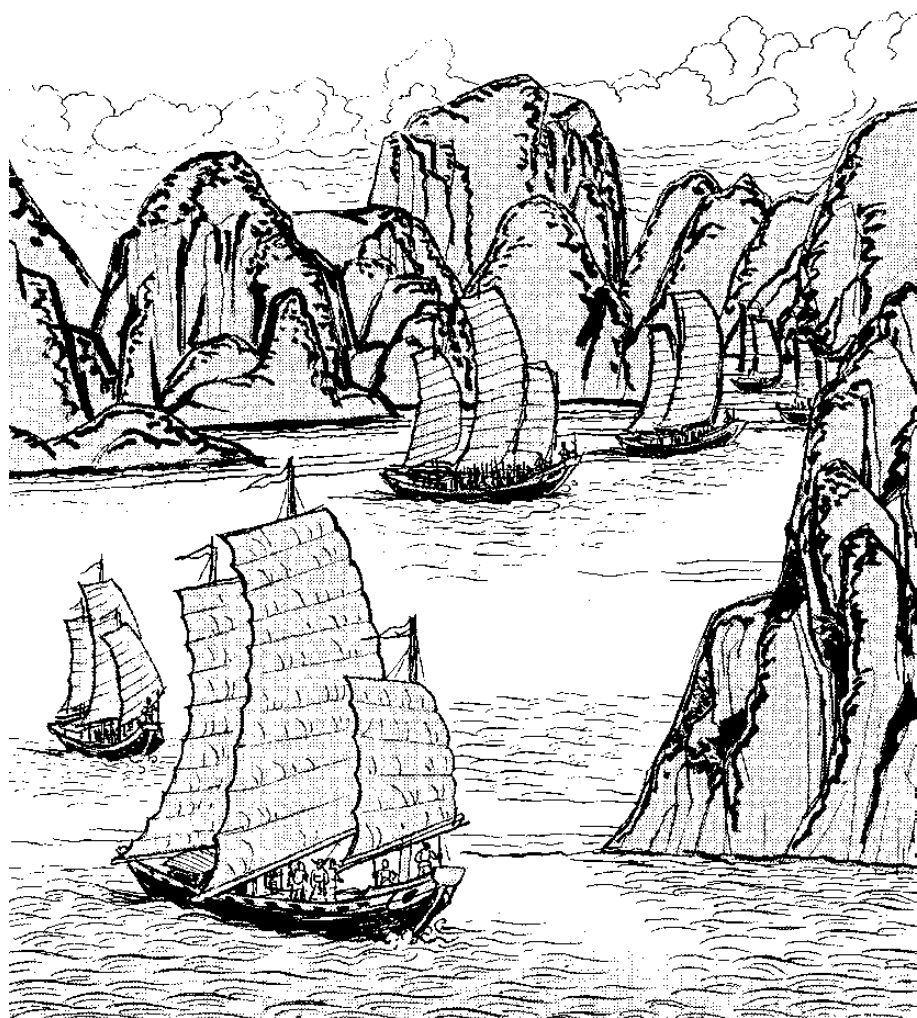


Tình thế ấy buộc Thượng hoàng cùng nhà vua và các quan tướng phải rút khỏi Thiên Trường nhằm thoát khỏi gọng kìm giặc đã giương sẵn. Đây là một việc hết sức khó khăn vì phải làm sao vừa bảo vệ được Thượng hoàng và vua, vừa đưa được đại quân ra nơi an toàn nhưng lại phải hết sức bí mật nếu không sẽ khó tránh được tổn thất. Bàn bạc mãi, cuối cùng, nhà vua chấp thuận kế hoạch lui binh của Trần Hưng Đạo.



Lần rút lui này của vua quan nhà Trần quả thật rất gian nan. Đoàn thuyền đi theo cửa Ba Lạt (Nam Định) ra biển, rồi ngược lên phía bắc, len lỏi qua những vùng nước đầy đá ngầm đến cửa biển Quảng Yên. Sau đó, một cánh lên bộ, tản vào vùng rừng núi Đông Triều - Yên Tử là căn cứ vùng Đông Bắc của Trần Hưng Đạo để khi cần có thể từ hướng này đánh ngược trở lại, phối hợp với các cánh khác.

Một cánh quân khác làm nghi binh, tiếp tục đưa thuyền ngự của Thượng hoàng và vua với đầy đủ cờ xí, nghi trượng, đi ngược lên Trà Cổ (vùng biển gần giáp giới Trung Quốc) để đánh lạc hướng quân Nguyên. Trong khi ấy, một cánh khác nữa lại đưa Thượng hoàng và vua đi thuyền nhỏ men theo vùng biển Đồ Sơn, quay lại cửa Ba Lạt và xuôi theo gió thẳng về Thanh Hóa.



Cùng thời gian ấy, thủy quân Toa Đô đã hội quân với bộ binh của Thoát Hoan ở Trường Yên (Ninh Bình). Thoát Hoan sai Toa Đô đi truy lùng vua quan nhà Trần ở khắp nơi nhưng không gặp khiến quân Nguyên vô cùng hoang mang, bối rối và bị động. Hần vội rút quân về Thăng Long và lập một phòng tuyến dọc bờ sông Hồng, trải dài từ Thăng Long đến Thiên Trường và ra tận biển. Cứ 30 dặm giặc Nguyên lập một quân trạm 300 lính và các trạm liên lạc với nhau bằng ngựa trạm, cứ 60 dặm lại có một trạm ngựa.

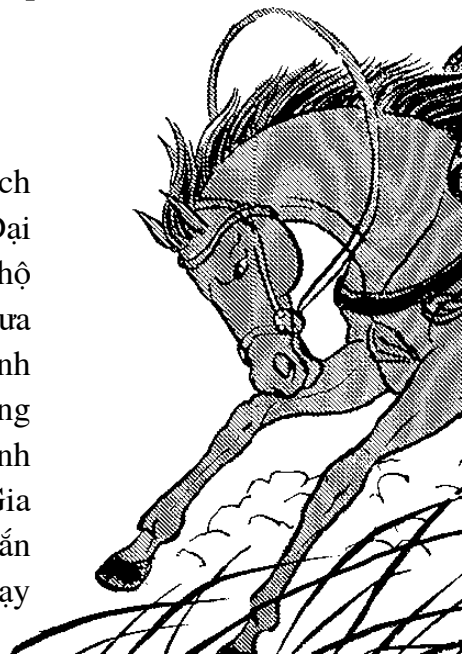




Giữa lúc triều đình và toàn dân một lòng đánh giặc lại có những kẻ trong hoàng tộc quy hàng giặc. Ích Tắc là em của Thượng hoàng Thánh Tông. Thành Thăng Long thất thủ, y đem cả gia quyến ra đầu hàng với tham vọng được lên ngôi báu. Còn có Trần Kiện là cháu nội của vua Trần Thái Tông, vì bất tài, không được trọng dụng nên bất mãn. Hắn cùng với thuộc tướng là Lê Trắc đem một vạn quân ra hàng và còn dẫn đường cho quân Nguyên đánh xuống Thanh Hóa khiến Trần Quang Khải phải lui quân.

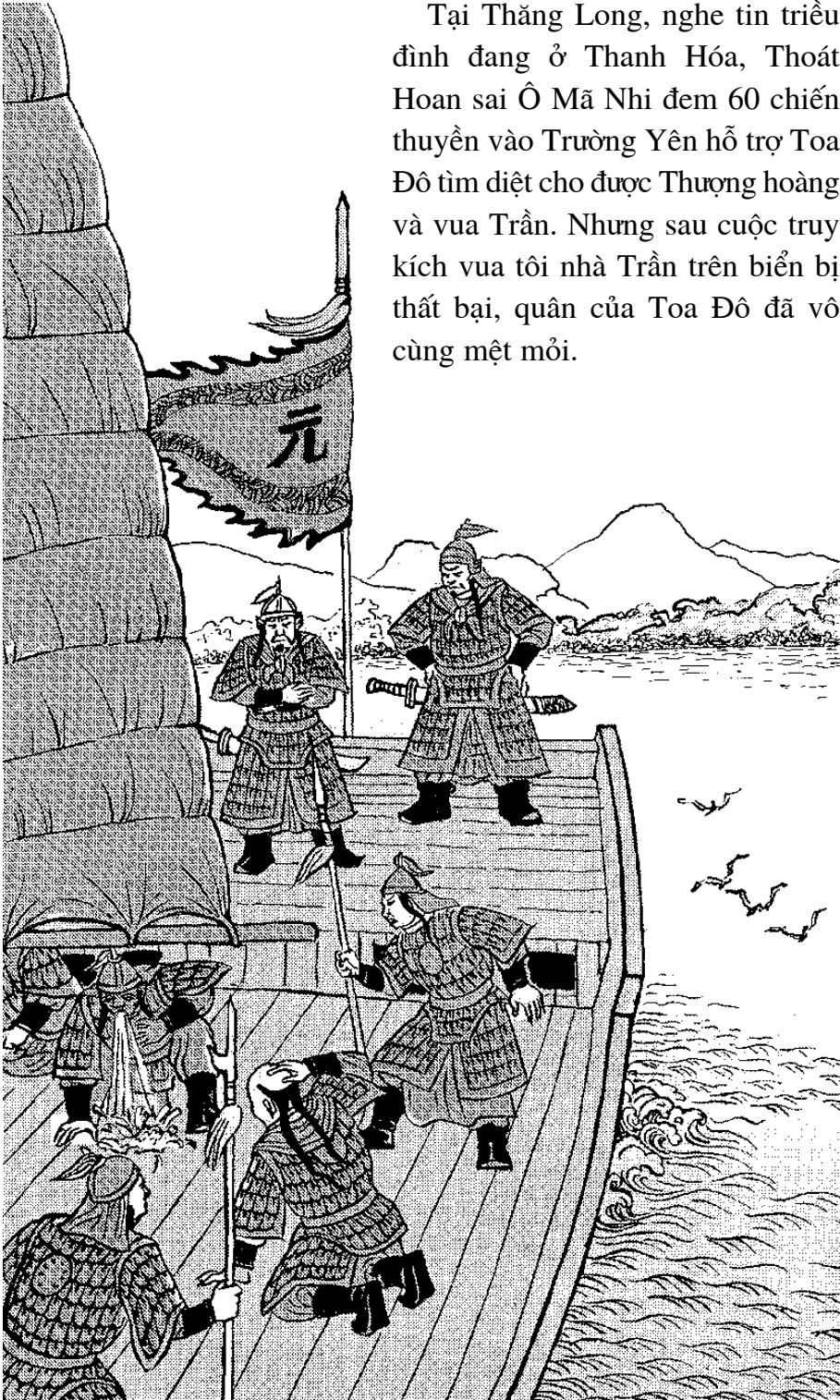


Vì vậy cả hai đều được Toa Đô ưu đãi. Ích Tắc ở lại trong trướng chờ bình định xong Đại Việt sẽ lên ngôi. Còn Trần Kiện được quân hộ vệ đưa về kinh đô Đại Nguyên. Nhưng chưa ra khỏi đất Việt, Trần Kiện đã bị dân binh người Tày ở trại Ma Lục (Chi Lăng, Lạng Sơn) do Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Linh chỉ huy cùng quân triều đình chặn đánh. Gia nô của Trần Hưng Đạo là Nguyễn Địa Lô bắn chết Trần Kiện. Lê Trắc mang xác chủ bỏ chạy rồi vùi sơ sài dưới một chân đèo.

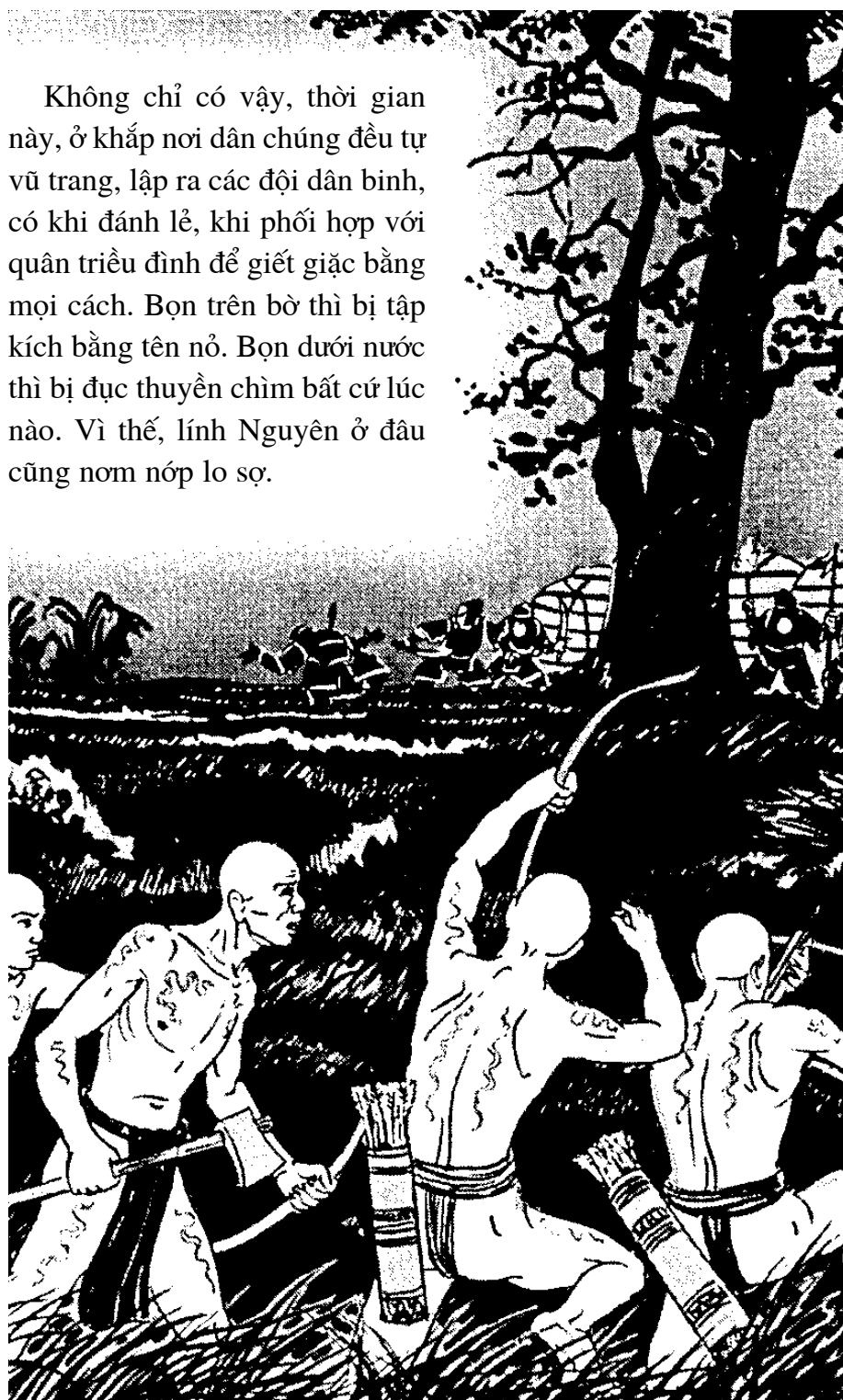




Tại Thăng Long, nghe tin triều đình đang ở Thanh Hóa, Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi đem 60 chiến thuyền vào Trường Yên hỗ trợ Toa Đô tìm diệt cho được Thượng hoàng và vua Trần. Nhưng sau cuộc truy kích vua tôi nhà Trần trên biển bị thất bại, quân của Toa Đô đã vô cùng mệt mỏi.



Không chỉ có vậy, thời gian này, ở khắp nơi dân chúng đều tự vũ trang, lập ra các đội dân binh, có khi đánh lẻ, khi phối hợp với quân triều đình để giết giặc bằng mọi cách. Bọn trên bờ thì bị tập kích bằng tên nỏ. Bọn dưới nước thì bị đục thuyền chìm bất cứ lúc nào. Vì thế, lính Nguyên ở đâu cũng nơm nớp lo sợ.



Lúc này đã bước sang đầu mùa hạ, quân Nguyên bắt đầu khốn đốn vì thiếu lương thực. Số lương thảo chuyên chở từ Đại Nguyên sang đã cạn, số cướp bóc thì chẳng bao nhiêu. Vì thế, chúng thường bị đói. Hơn nữa, vốn là dân xứ lạnh nay lại gặp cái nóng oi bức và mưa rào nhiệt đới nên nhiều tên lăn ra ốm.



Trong khi ấy, quân Đại Việt do vừa bảo toàn được lực lượng vừa được toàn dân tiếp sức nên đã mạnh mẽ và hăng hái hơn hẳn. Thượng hoàng, vua Nhân Tông và Trần Hưng Đạo đã tính đến chuyện phản công. Vua Nhân Tông nhận định do giặc phải đi xa, không hợp khí hậu, lại thiếu quân lương nên vừa đói vừa mệt mà mất khí thế. Đây là thời cơ phản công đuổi giặc.



Trước hết, để chia cắt quân Nguyên, Trần Hưng Đạo và Trần Quang Khải chỉ huy một đoàn chiến thuyền, theo đường biển, vòng qua tầm kiểm soát của quân Toa Đô khi ấy đang đóng ở phía bắc Thanh Hóa, tiến vào sông Hồng, đến sông Luộc, tấn công vào đồn A Lỗ - một chốt tiền tiêu trong phòng tuyến của giặc. Quân Nguyên không chống cự được, phải rút chạy. Các cánh quân Đại Việt thừa thế tiến lên đánh chiếm một số đồn lũy, trạm do Thoát Hoan lập trên sông Hồng.





Cùng lúc ấy, Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái đã đánh thắng quân Nguyên ở Tây Kết. Khi xuất trận, đạo nghĩa binh của Trần Quốc Toản luôn đi trước, khí thế dũng mãnh khiến quân địch khiếp sợ mà tan rã. Sau trận này, Trần Quốc Toản được cử làm Phó tướng cùng Trần Nhật Duật đánh vào cửa Hàm Tử (hai nơi này đều nằm ở địa phận Khoái Châu, Hưng Yên).

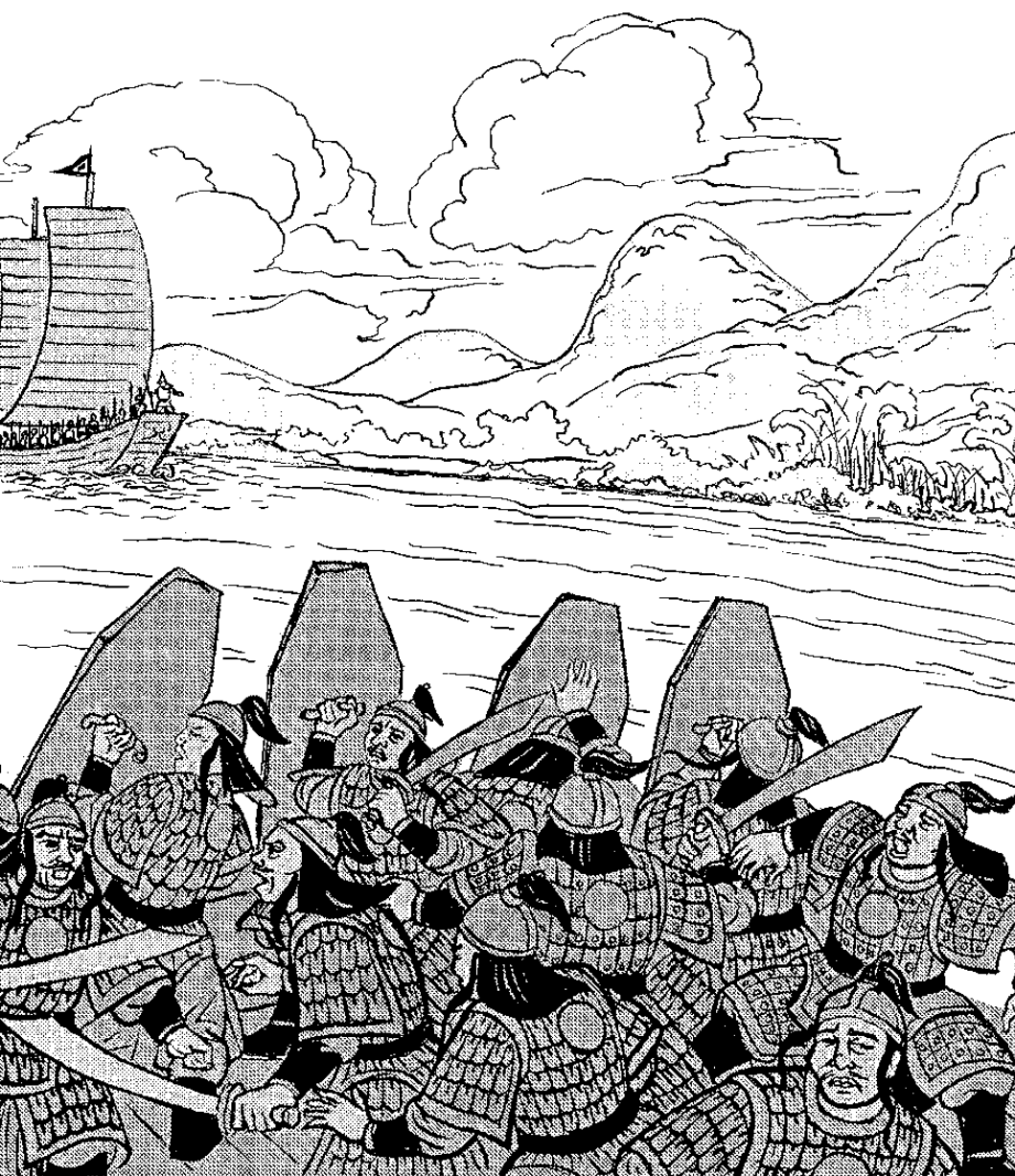




Cửa Hàm Tử là nơi quân Nguyên tập trung nhiều đạo quân thủy bộ. Trần Nhật Duật nhận lệnh phải phá vỡ bằng được căn cứ này của giặc. Điều đặc biệt là trong đạo quân của ông có cả binh lính người Tống (Trung Quốc). Do thất bại trong cuộc chống quân Nguyên ở đất nước mình, họ phải chạy sang Đại Việt để nương náu, tránh sự truy bức của giặc. Trần Nhật Duật vốn thạo tiếng Trung Quốc, lại là người nhã nhặn, ôn hòa nên họ tin cậy và xin gia nhập vào đại quân của ông để cùng đánh kẻ thù chung.



Trong binh lính người Tống, có Triệu Trung rất giỏi bắn tên nên được giao chỉ huy một mũi tiến công. Thấy có quân Tống trong hàng ngũ nhà Trần, quân Nguyên ngỡ rằng quân Đại Việt đã liên minh được với quân nhà Tống nên càng hoảng hốt, hoang mang, không còn đủ sức chiến đấu, nhanh chóng tan vỡ.



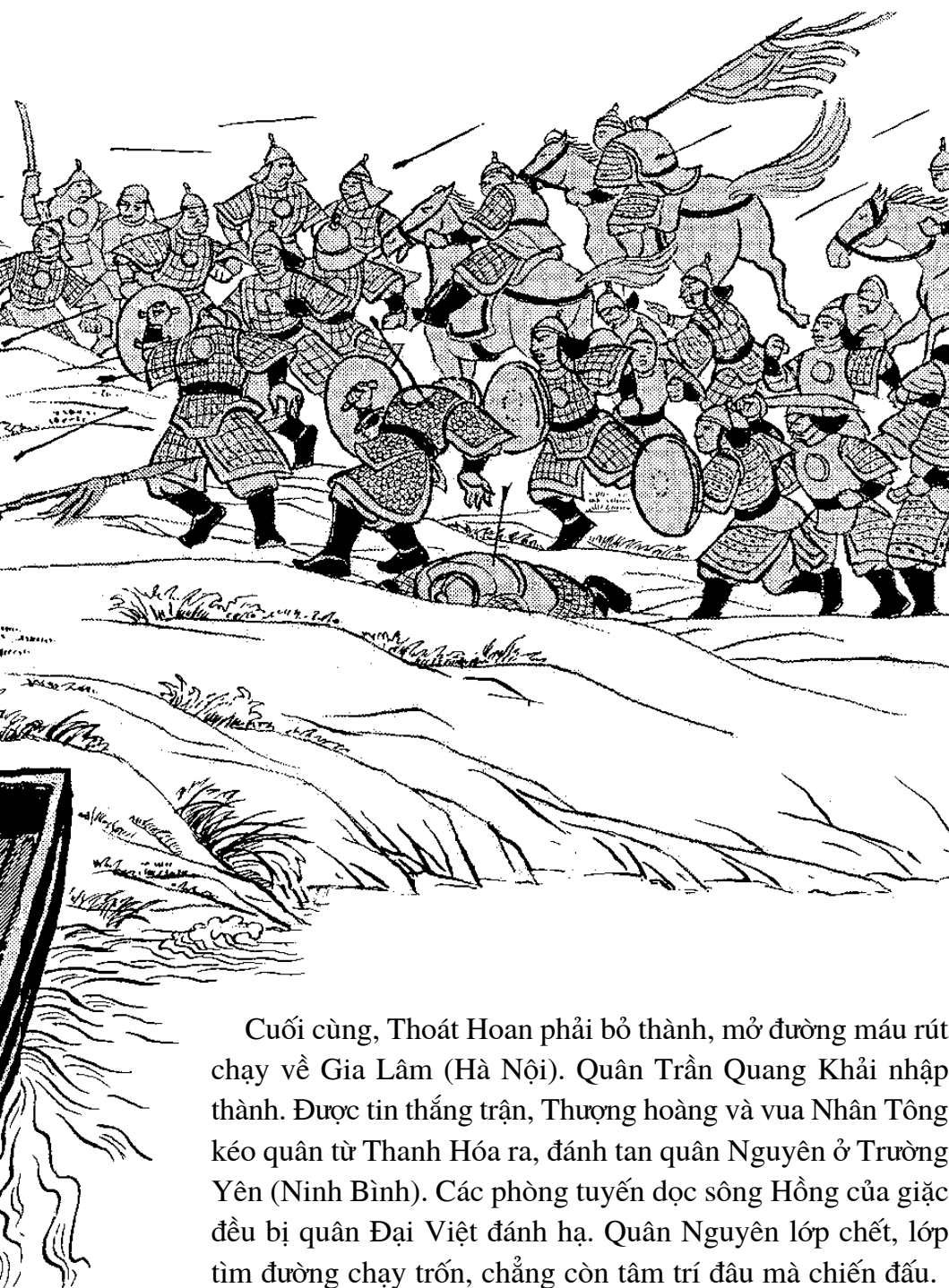


Thắng trận Hàm Tử, Trần Quốc Toàn được triều đình cử đi mang tin báo tiếp cho Trần Hưng Đạo. Tại đây, chàng được cử làm cận tướng cho Thượng tướng Trần Quang Khải để tham dự vào trận đánh Chương Dương. Tin bại trận ở Tây Kết, Hàm Tử khiến quân Nguyên ở đây sợ hãi. Đang lúc hoang mang, chúng lại bị hai cánh quân của Trần Quang Khải và Trần Quốc Toàn bất ngờ đánh úp nên vội bỏ thuyền chạy thẳng vào Thăng Long.

Thừa thắng, Quang Khải cho quân đến chân thành Thăng Long hạ trại, vây thành. Thoát Hoan thân hành đốc quân chống cự. Quân Đại Việt có tổn hao nhưng lập tức được dân binh quanh vùng kéo đến tiếp ứng. Còn quân nhà Nguyên thì không chỉ lương thực cạn kiệt mà khí giới cũng hao hụt không biết lấy đâu bù đắp, tình cảnh rất khốn đốn.







Cuối cùng, Thoát Hoan phải bỏ thành, mở đường máu rút chạy về Gia Lâm (Hà Nội). Quân Trần Quang Khải nhập thành. Được tin thắng trận, Thượng hoàng và vua Nhân Tông kéo quân từ Thanh Hóa ra, đánh tan quân Nguyên ở Trường Yên (Ninh Bình). Các phòng tuyến dọc sông Hồng của giặc đều bị quân Đại Việt đánh hạ. Quân Nguyên lớp chết, lớp tìm đường chạy trốn, chẳng còn tâm trí đâu mà chiến đấu.



Quân Nguyên chạy đến sông Cầu thì gặp nghĩa quân của Trần Quốc Toản. Dưới lá cờ thêu sáu chữ vàng, người dũng tướng thiếu niên tung hoành ngang dọc, không quân hiểm nguy nhưng vì quá ham truy kích giặc, chàng bị một tên lính Nguyên bắn lén. Tin Trần Quốc Toản hy sinh khiến vua và triều đình vô cùng thương tiếc. Vua Nhân Tông đã tự tay viết bài văn tế:

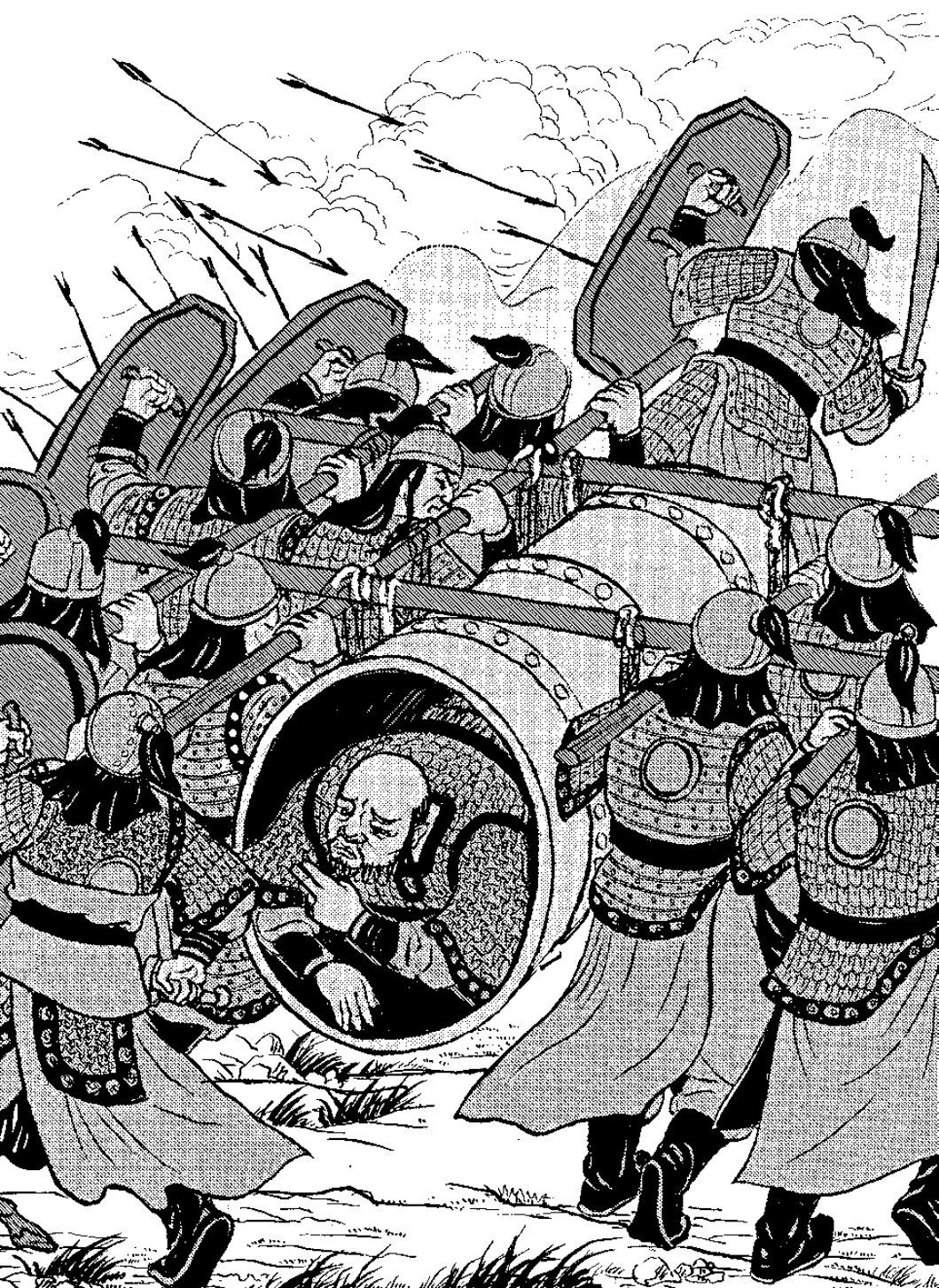
*Cờ đề sáu chữ giải hờn này
Lăn lóc muôn quân vẫn đánh say
Công thắng quân Nguyên đà chắc trước
Từ khi cam nát ở trong tay.*

Biết rằng giặc thua tất phải theo đường cũ rút về nước, Trần Hưng Đạo đã cho Phạm Ngũ Lão đem 3 vạn quân phục sẵn trong đám lau sậy rậm rạp ven sông gần Vạn Kiếp còn ông đích thân dẫn quân đuổi theo Thoát Hoan. Quả nhiên, thấy quân Trần đuổi gấp phía sau, Thoát Hoan cùng phó tướng Lý Hằng cố chạy về Vạn Kiếp mong hội quân với đạo quân đang trấn giữ tại đây. Nhưng chưa kịp đến nơi, quân Nguyên đã bị quân Phạm Ngũ Lão đổ ra đánh, cùng đường chúng nhảy xuống sông, chết đuối vô số.



Trận phục kích này khiến giặc sợ hãi, chỉ biết lo chạy tháo thân. Phó tướng Lý Hằng trúng tên độc, chạy được một đoạn thì chết. Thoát Hoan vô cùng hoảng sợ, không còn nghĩ đến thể diện, vội chui vào ống đồng bắt quân lính khiêng mà chạy. Nhờ thế hắn mới thoát được về nước. Trong đám tàn quân của Thoát Hoan có cả Trần Ích Tắc. Ông vua hệt đàn ông về Nguyên nhận một số ruộng đất do chúa Nguyên ban, chờ cơ hội khác.







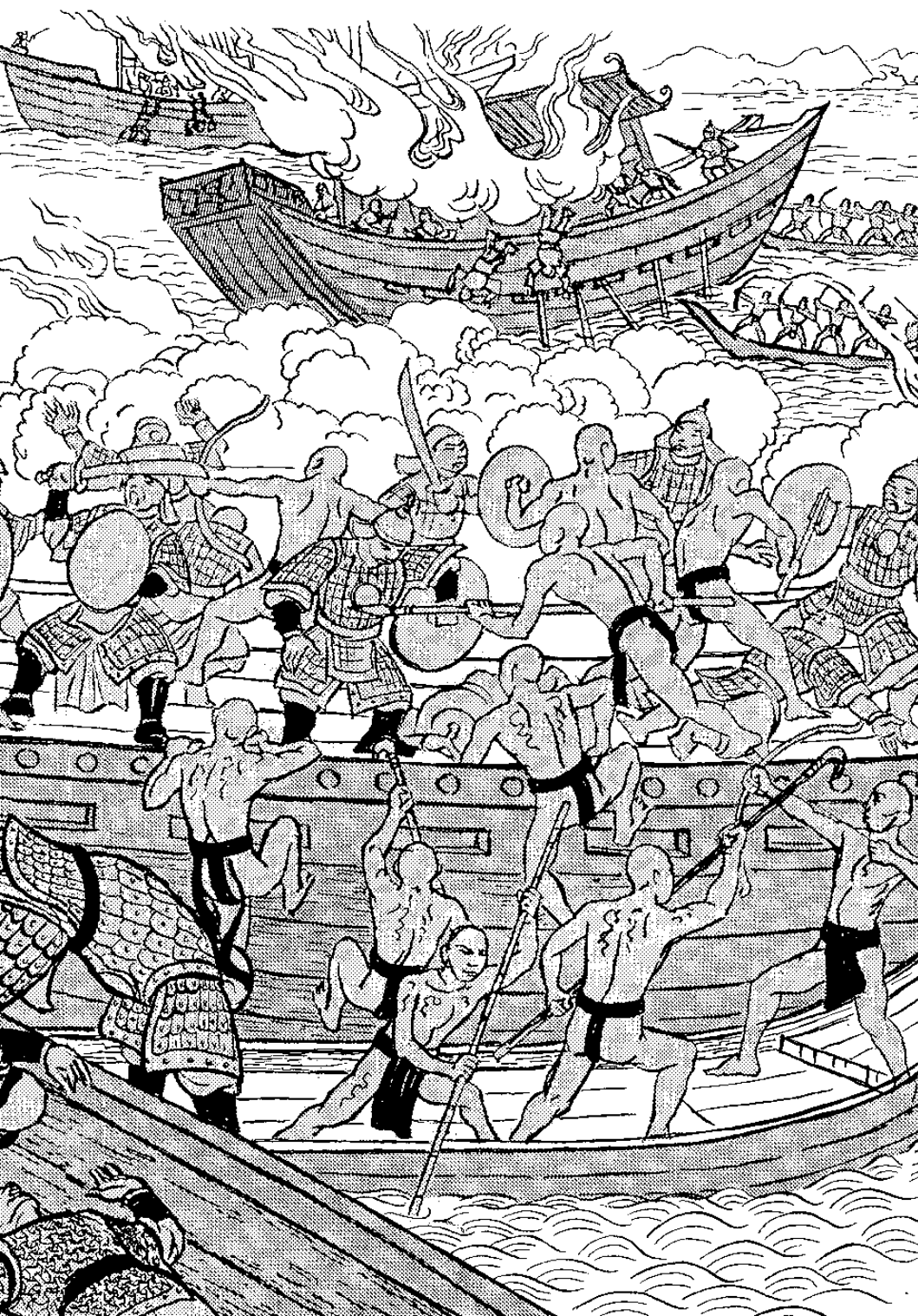
Đám tàn quân lại bị dân binh các lộ dọc đường chặn đánh quyết liệt. Đến huyện Phù Ninh (Phú Thọ), chúng bị đạo quân do Hà Đặc chỉ huy bao vây. Hà Đặc là một thủ lĩnh người dân tộc đầy mưu trí. Trong khi cố giữ chân quân địch, ông thực hiện kế nghi binh, cho lấy tre đan thành những hình nhân rất to lớn, có bận áo quần. Nhìn từ xa trông giống những người khổng lồ.

Ban đêm, Hà Đặc sai quân khiêng những hình nhân ấy đi ra đi vào vờ như đang diễn tập. Hà Đặc còn cho người dùi lủng cây rồi cắm những mũi tên to vào các lỗ đó để giặc tưởng rằng quân Đại Việt có sức mạnh bắn được xuyên cây. Quả nhiên, quân Nguyên sợ quá phải quay lại đường khác tháo chạy.



Trong khi đó, không hề biết Thoát Hoan đã đại bại, Toa Đô và Ô Mã Nhi đem chiến thuyền từ Thanh Hóa để mong hợp binh với đại quân. Vào cuối tháng 5 năm Ất Dậu (1285), thủy binh nhà Nguyên vừa tiến vào Hàm Tử thì bị quân Trần bao vây, chặn đánh. Chúng dồn sức đánh suốt ba ngày vẫn không vượt qua được cửa ải này.



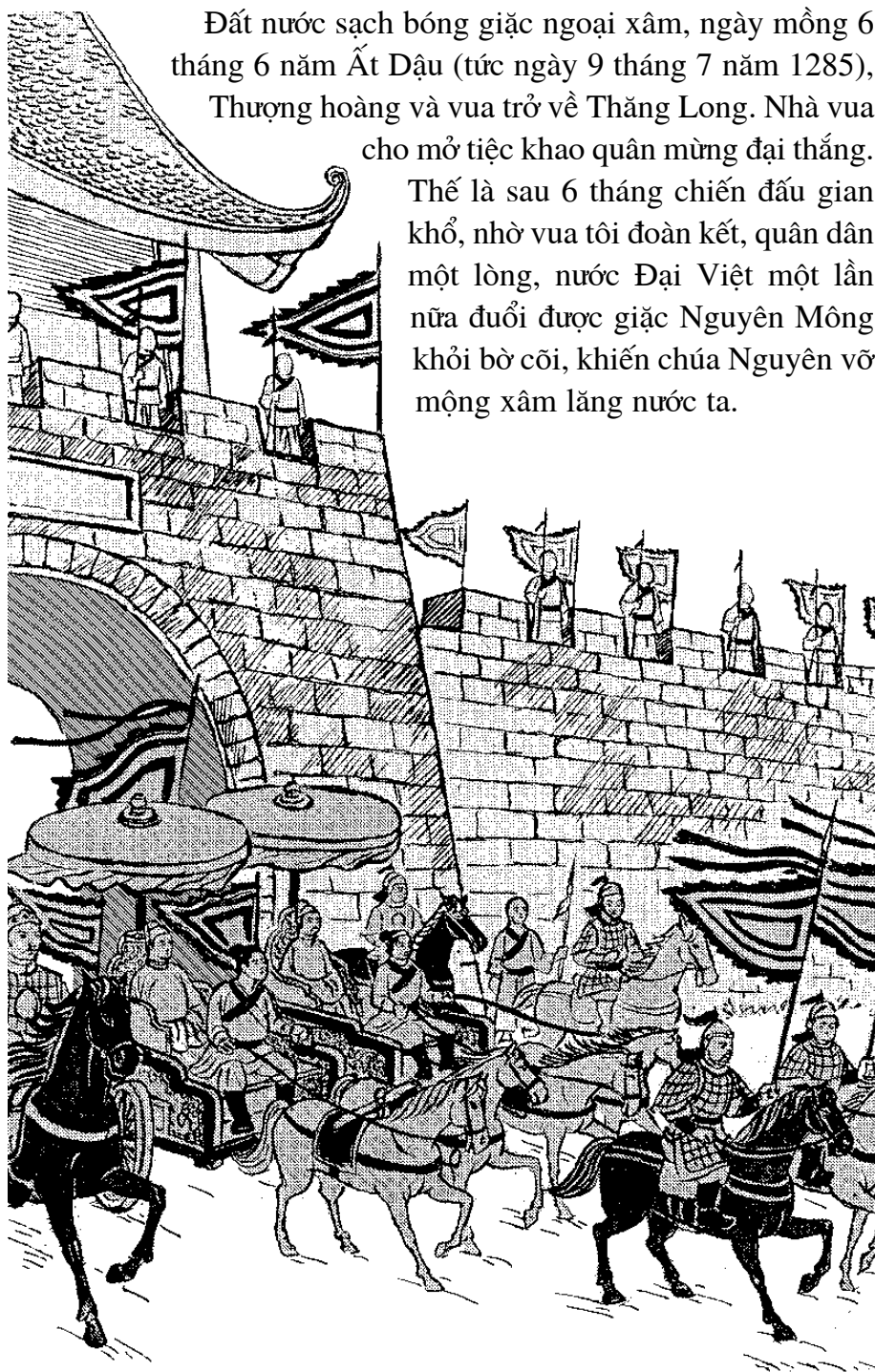


Đã vậy, quân Đại Việt từ nhiều hướng kéo đến tiếp ứng và tiến công quyết liệt. Trận ấy, một đại tướng Nguyên ra hàng còn Toa Đô thì bị chém chết tại chỗ. Nhân lúc quân Trần mải tấn công, Ô Mã Nhi và Lưu Khuê nấp trên một chiếc thuyền nhẹ, đang đêm trốn khỏi vòng vây, ra một nhánh sông nhỏ. Vua Trần đuổi theo, đánh tan quân chặn hậu nhưng không bắt kịp. Sau đó, chúng vượt biển trốn về nước. Như vậy, đoàn quân chủ lực cuối cùng của quân Nguyên đã bị đánh bại hoàn toàn.



Đất nước sạch bóng giặc ngoại xâm, ngày mồng 6 tháng 6 năm Ất Dậu (tức ngày 9 tháng 7 năm 1285), Thượng hoàng và vua trở về Thăng Long. Nhà vua cho mở tiệc khao quân mừng đại thắng.

Thế là sau 6 tháng chiến đấu gian khổ, nhờ vua tôi đoàn kết, quân dân một lòng, nước Đại Việt một lần nữa đuổi được giặc Nguyên Mông khỏi bờ cõi, khiến chúa Nguyên vỡ mộng xâm lăng nước ta.



Sau chiến thắng quân Nguyên lần thứ hai, nhà Trần chú trọng củng cố đất nước. Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông tuyên phong cho những người có công như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản, Trần Bình Trọng, Trần Khánh Dư... Đồng thời nhà vua trị tội những người đã hàng giặc. Riêng Trần Ích Tắc và Trần Kiện chạy sang Nguyên, nhà vua cho gọi một cách giễu cợt là Ả Trần và Mai Kiện.



Tất cả hộ khẩu trong nước được kiểm tra để xác định lại số trai tráng đi lính phòng khi lại xảy ra chiến tranh. Qua năm sau, vua Trần cho tha toàn bộ 50 nghìn tù binh Nguyên nhưng để phòng chúng trở lại đánh Đại Việt, nhà vua cho khắc chữ lên mặt để làm dấu và răn đe kẻ nào lại sang thì bị chém đầu chứ không tha nữa.





Thấy con trai phải chui ống đồng cùng đám tàn quân lếch thếch kéo về, chúa Nguyễn hết sức tức tối. Hấn quyết định đình lại việc xâm lăng Nhật Bản và dồn thuyền chiến sang đánh Đại Việt lần nữa để phục thù. Hấn tiếp tục sai sứ sang Đại Việt dò xét tình hình. Triều đình nhà Trần không muốn gây căng thẳng, đành phải tiếp đón như trước.



Tháng Giêng năm Bính Tuất (1286) Hốt Tất Liệt sai Thoát Hoan thống lĩnh toàn quân, A Lý Hải Nha (Aric Khaya^(*)) được phong làm An Nam Tả Thừa tướng, Ô Mã Nhi (Omar Batur) làm Tham tri cùng một số tướng nổi tiếng như Ái Lỗ (Aruq), Phàn Tiếp, Trình Bằng Phi chuẩn bị dẫn quân xâm chiếm Đại Việt. Lần này Hốt Tất Liệt muốn mang theo một lực lượng thủy quân hùng hậu. Hắn ra lệnh cho tỉnh Hồ Quảng đóng 300 thuyền chiến, hẹn đến tháng 8 phải xong và tập trung ở châu Khâm (Quảng Đông-Trung Quốc). Hắn còn đưa bốn cướp biển vào đội quân thủy với hy vọng bọn này sẽ là những tên lính thủy thiện chiến.

** Tên này mấy tháng sau chết bệnh, phải thay bằng Ái Lỗ Xích (Auruyvci) - một tên tướng thông thạo cả kỵ binh và thủy binh.*

Để có lý do đánh Đại Việt, Hốt Tất Liệt lại phong Trần Ích Tắc làm An Nam Quốc vương, cho nhận phù ấn. Con trưởng của Ích Tắc được nhận chức An phủ sứ lộ Đà Giang, Trần Văn Lộng làm Tuyên phủ sứ lộ Quy Hóa... Sau đó, hần gửi thư sang Đại Việt kể tội vua Trần đã giết Di Ái nên hần phải đem Trần Ích Tắc về thế chỗ.



Tháng 2 năm Đinh Hợi (1287), chúa Nguyên xuống chiếu cho các tỉnh gần biên giới Đại Việt là Giang Tây, Hồ Quảng, Hải Nam... phải mộ quân và sắm sửa lương thực, khí giới. Những vùng này sau nhiều năm phục dịch cho các cuộc xâm lược liên tiếp của quân Nguyên nên dân tình xơ xác, đói khổ. Quan lại ở Hồ Quảng cũng đã phải kêu lên: “Người nghèo phải bỏ con để cầu sống, kẻ giàu cũng phải bán sản nghiệp để ứng dịch. Nỗi khổ như bị treo ngược, mỗi ngày một tăng...”





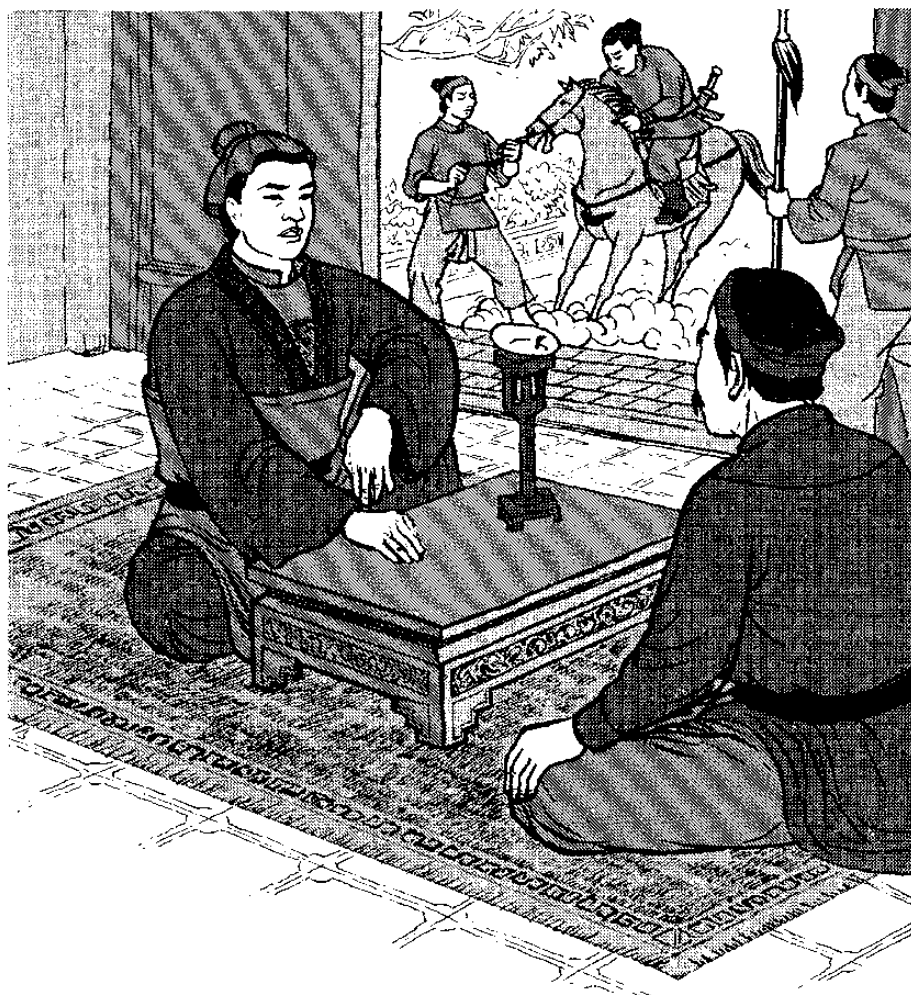
Khác với hai lần trước, lần này để giảm thiểu lương thực nuôi phu khuôn vác, Hốt Tất Liệt chỉ cấp cho vài chục vạn quân bộ một số lương thực ít ỏi, nếu quân bộ thiếu lương thì phải cướp phá thóc gạo của dân, dân Đại Việt. Còn phần lớn lương thực nuôi quân chiếm đóng Đại Việt, hấn cho chở bằng đường thủy. Để yên tâm hơn, hấn cử Trương Văn Hổ, con trai một tên cướp biển người Tống (Trung Quốc) giữ chức Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ, áp tải 70 thuyền lương bám theo đoàn quân thuyền chiến.



Cuối năm Đinh Hợi (1287), quân Nguyên chia làm hai cánh tiến vào nước ta. Một cánh do Ái Lỗ chỉ huy tiến từ Vân Nam vào Đại Việt theo ngả sông Thao. Trong khi đó, đại quân của Thoát Hoan rầm rộ kéo đến Tư Minh - một nơi gần biên giới Đại Việt - rồi sai Trình Bằng Phi dẫn một vạn quân tiến vào nước ta theo ngả phía tây. Số quân còn lại, trong đó có một vạn quân tiên phong của A Bát Xích (Abaci) do đích thân Thoát Hoan chỉ huy tiến vào theo ngả phía đông. Theo sát phía sau quân Nguyên là đám triều đình bù nhìn Trần Ích Tắc.

Đạo thủy quân hùng hậu gồm khoảng một vạn tám nghìn tên với 500 thuyền chiến do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy cùng 70 thuyền lương do Trương Văn Hổ áp tải từ châu Khâm và châu Liêm xuất phát theo đường biển sớm hơn quân bộ khoảng nửa tháng để xâm nhập Đại Việt qua cửa sông Bạch Đằng. So với hai lần tiến quân trước, lần này đạo thủy quân của nhà Nguyên đông và được tuyển chọn kỹ hơn cả.



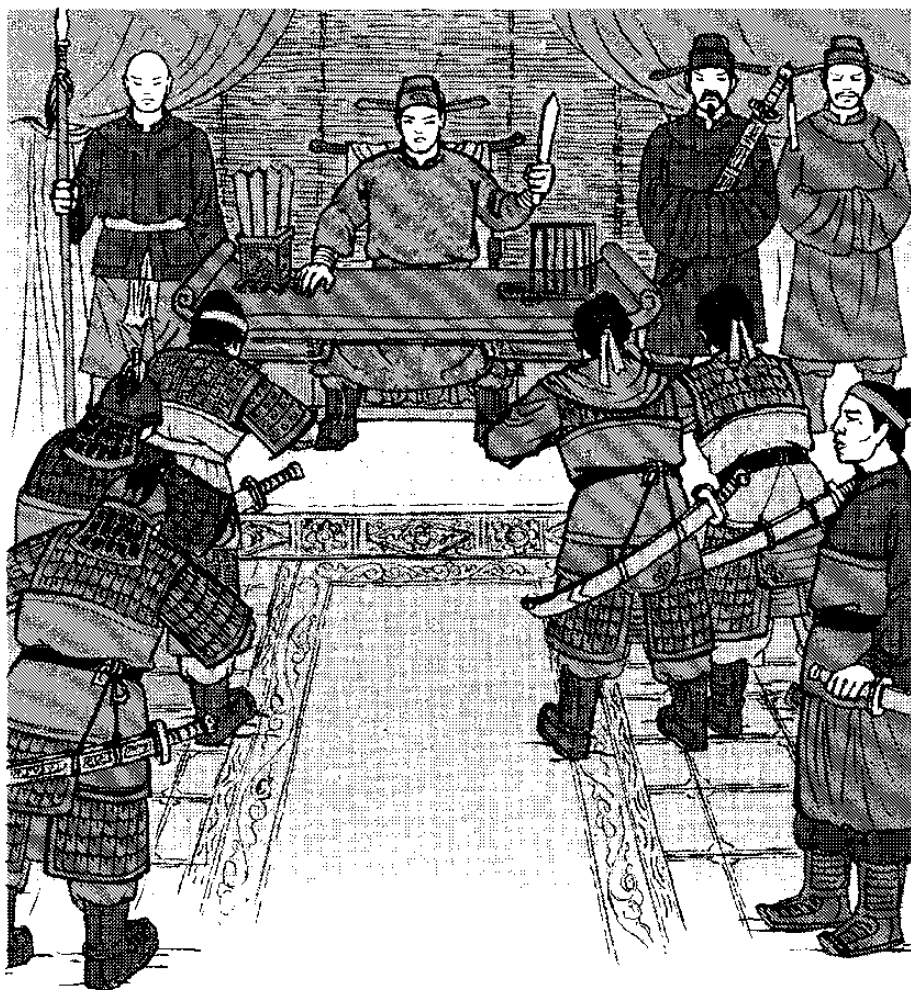


Mọi động tĩnh của quân Nguyên Mông được thám mã thường xuyên báo về. Để đối phó với dã tâm của giặc, nhà Trần từ lâu đã chinh đồn quân mã, chuẩn bị lương thảo, vũ khí... Trước tin tức hai đạo quân thủy bộ cùng hùng hổ tiến vào Đại Việt, vua Nhân Tông hỏi Hưng Đạo vương:

- Thế giặc năm nay thế nào?

Hưng Đạo Vương cân nhắc cẩn thận rồi trả lời:

- Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn.



Tháng 10 năm Đinh Hợi (1287), Hung Đạo vương cho các tướng dẫn quân đi đóng nơi hiểm yếu. Trần Nhật Duật chốt giữ ở phía Bạch Hạc sông Thao, Hung Đạo vương cùng các con chốt giữ phía Bắc Giang, Lạng Sơn. Còn Trần Quang Khải lo phía Nam và bảo vệ hai vua. Việc phòng vệ phía biển giao cho Trần Khánh Dư làm Phó tướng phụ trách Vân Đồn. Đây là một thương cảng quan trọng nơi địa đầu đất nước nhưng cũng là một chốt tiền tiêu xung yếu. Trần Khánh Dư liền cho xây rào gỗ xung quanh những nơi buôn bán và quy định trang phục riêng cho dân chúng, phòng quân do thám của giặc trà trộn.



Khi vào đến nước ta, các cánh quân Nguyên lại hợp quân ở Lộc Bình, một địa hình nằm cạnh vùng Lạng Sơn của Đại Việt. Hôm sau, chúng chia nhiều mũi ào ào tiến qua biên giới. Một vạn tên do Trình Bằng Phi chỉ huy tiến qua ải Chi Lăng đến Thích Trúc. Thích Trúc có nghĩa là tre gai, ải này ở phía Tây Lạng Sơn. Ở đây có hai ngọn núi giao nhau, sườn núi vừa hẹp lại vừa mọc đầy một loại tre có gai nhọn, rất khó vượt qua. Vì vậy địa thế nơi đây rất hiểm yếu.

Ở đây, quân Đại Việt đã bày sẵn trận địa mai phục, giặc bị tên bắn, đá lăn chết rất nhiều. Nhưng cậy quân đông thế mạnh, Trình Bằng Phi vẫn xua quân tiến tới. Phải đánh đến 17 trận liên tiếp, quân Nguyên mới vượt qua được ải này mà tiến vào Đại Việt.





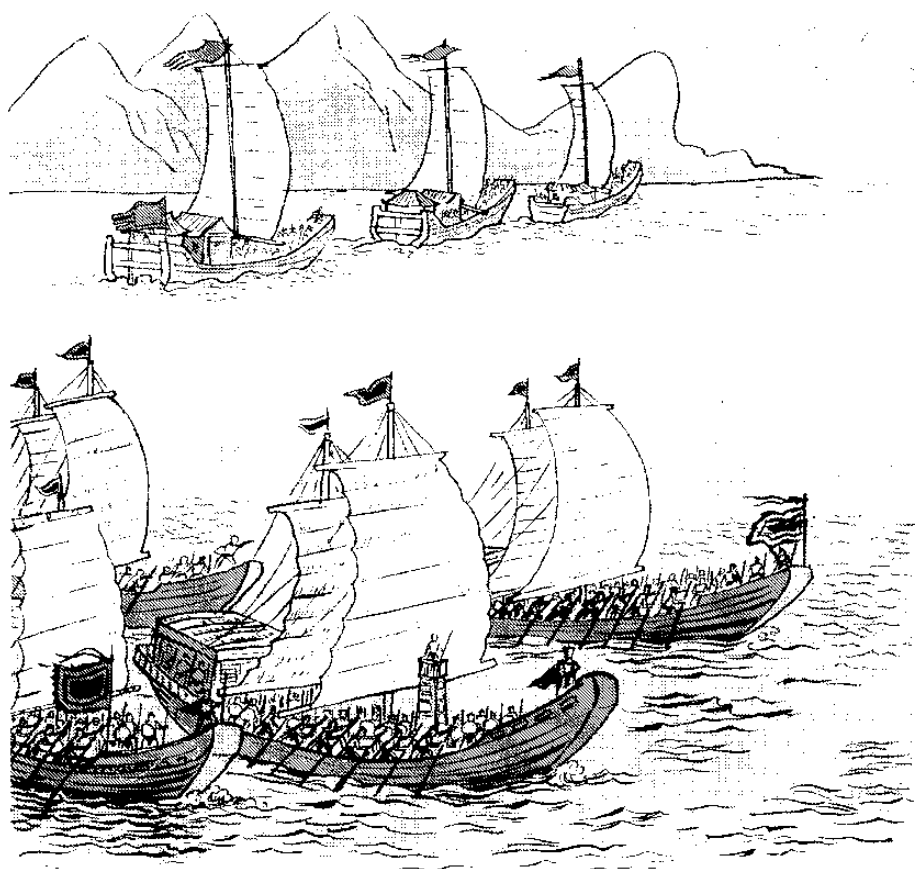
Cùng lúc đó, đại quân của Thoát Hoan do A Bát Xích làm tiên phong cũng tiến qua ải Khả Lợi. Lần này, Hưng Đạo vương không dàn trận đánh nhau như hai lần trước mà chỉ cho quân đánh kìm chân giặc ở một số nơi nhưng rồi lại nhanh chóng rút lui bảo toàn lực lượng. Vì thế, chỉ trong bốn ngày, đại quân của Thoát Hoan đã tiến xuống được Vạn Kiếp.



Cũng vào ngày 23 tháng 11, đạo quân do Ái Lỗ chỉ huy từ hướng Vân Nam, tiến dọc theo bờ sông Thao đến Bạch Hạc (Phú Thọ). Hấn bị quân Đại Việt do Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật chỉ huy chặn đánh quyết liệt ở cửa sông Việt Trì. Lúc này, quân Nguyên rất hùng hổ nên quân Đại Việt không ngăn cản được, phải rút lui. Có hai tướng nhà Trần là Lê Thạch và Hà Anh không may sa vào tay giặc.

Trong khi ấy, đạo thủy quân của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp cũng đã vào cửa Vạn Ninh (thuộc Móng Cái hiện nay). Quân Đại Việt do Nhân Đức hầu Trần Da chỉ huy, phục binh ở mũi Ngọc Sơn. Đây là một mỏm núi nhô ra biển, như một cửa ải tự nhiên, rất thuận tiện cho việc phòng thủ. Đợi tiền quân của giặc vượt qua, quân Trần tập kích vào số thuyền đi sau. Ô Mã Nhi phải quay lại ứng cứu. Sau đó, chúng vây núi đánh phá rồi mới vượt qua được cửa Ngọc Sơn.





Sau đó, đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi ồ ạt tiến vào vùng biển Vân Đồn. Phó tướng Trần Khánh Dư đã chỉ huy thủy quân Đại Việt chặn đánh quân Nguyên ở nhiều nơi nhưng không cản được bước tiến của giặc, lại còn bị tổn thất nặng nề, phải rút lui. Ô Mã Nhi đắc thắng vượt qua cửa An Bang (tức cửa sông Chanh, Quảng Ninh), ngược theo sông Bạch Đằng tiến về Vạn Kiếp để kịp hội quân với Thoát Hoan, bỏ mặc đoàn thuyền lương chở nặng đang chậm chạp phía sau.

Biết tin Trần Khánh Dư không thực hiện được trọng trách đã nhận lãnh trước triều đình, Thượng hoàng Thánh Tông nổi giận, sai quan Trung sứ bắt ông về kinh đô để xử phạt. Trần Khánh Dư phán đoán rằng sau khi Ô Mã Nhi đi qua thì thuyền lương của giặc tất sẽ đến sau nên bảo:

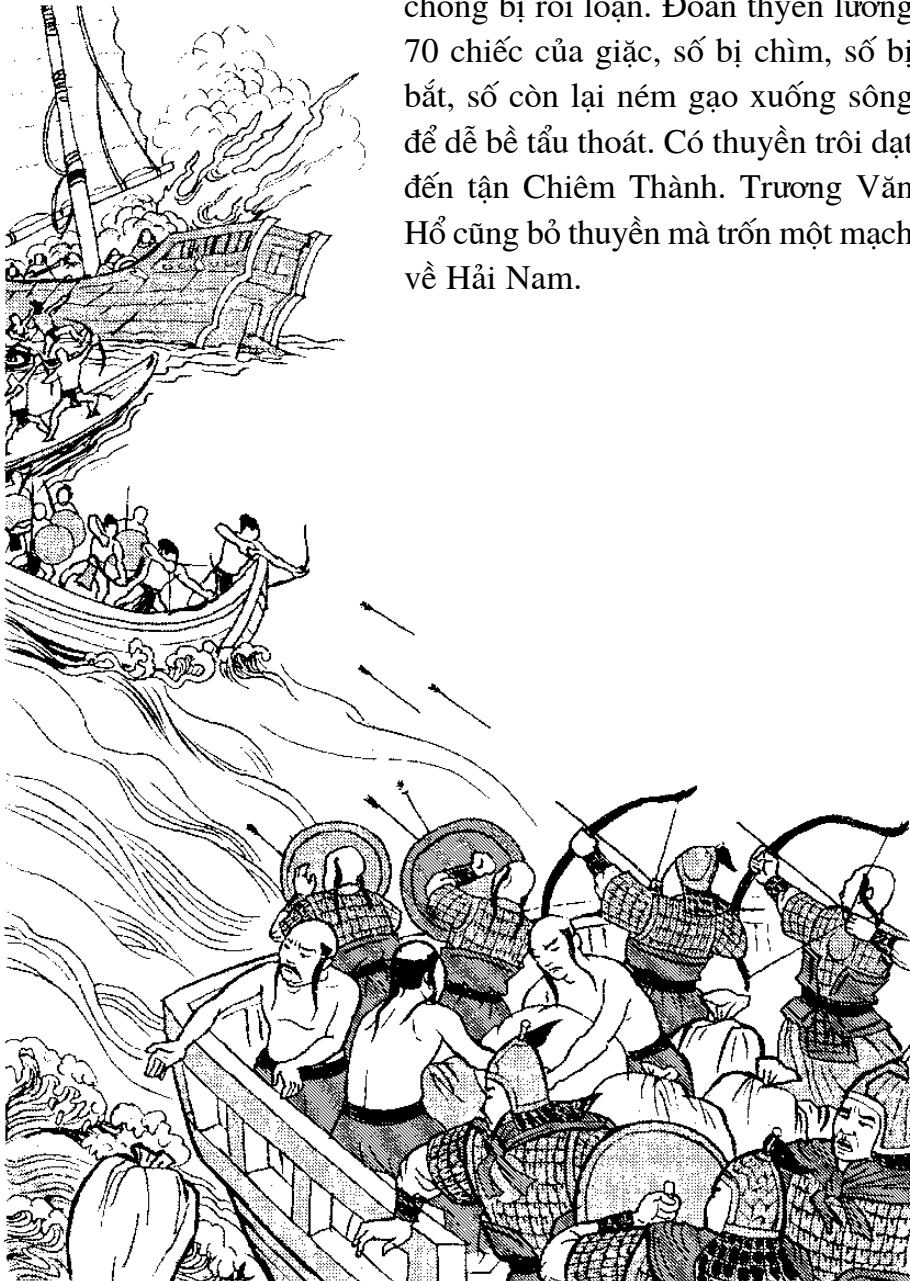
- Lấy quân luật mà xử, tôi xin chịu tội. Nhưng xin Trung sứ hoãn cho vài ba ngày để tôi lập công chuộc tội, sau đó sẽ chịu búa rìu cũng chưa muộn.





Được quan Trung sứ chấp thuận, Trần Khánh Dư chỉnh đốn lại quân ngũ và phục binh chờ đợi. Quả nhiên, vào đầu tháng 12 âm lịch, đoàn thuyền lương nặng nề của Trương Văn Hổ mới ịch tiến vào vùng biển Vân Đồn. Trần Khánh Dư dẫn quân tập kích thuyền giặc. Mọi người cố sức đánh vì họ hiểu rằng chỉ có chiến thắng mới cứu được chủ tướng của mình khỏi tội với triều đình.

Những chiếc thuyền đầy lương chậm chạp, lại không có quân hộ tống nên không thể chống đỡ được trước sức tấn công như vũ bão của quân Đại Việt. Đội hình của chúng nhanh chóng bị rối loạn. Đoàn thuyền lương 70 chiếc của giặc, số bị chìm, số bị bắt, số còn lại ném gạo xuống sông để dễ bề tẩu thoát. Có thuyền trôi dạt đến tận Chiêm Thành. Trương Văn Hổ cũng bỏ thuyền mà trốn một mạch về Hải Nam.



Quân Đại Việt thu được một số thuyền, còn lương thực thì nhiều không kể xiết. Tin thắng trận lập tức được báo về triều. Nhận thấy đây là một chiến thắng quyết định, sẽ có ảnh hưởng to lớn đến thế lực của giặc, Thượng hoàng và vua Nhân Tông tha tội cho Khánh Dư và bảo:

- Quân Nguyên chỉ nhờ về lương cỏ, khí giới. Nay ta đã bắt được, sợ nó chưa biết còn hung hăng.

Vì vậy, Thượng hoàng cho thả một số lính Nguyên để về làm hoang mang tinh thần đạo quân xâm lược.





Lúc này, Ô Mã Nhi đã hội quân với Thoát Hoan ở Vạn Kiếp và vẫn chưa hay biết thuyền lương bị mất. Để biến Vạn Kiếp thành một căn cứ vững chắc, Thoát Hoan dùng quân ở đây gần một tháng và cho hai vạn quân án ngữ ở sông Lục Đầu lập căn cứ. Nghĩ rằng thuyền lương chỉ đến chậm, hấn sai quân đung sẵn trại gỗ ở hai núi Phả Lại và Chí Linh để chứa lương và sai Ô Mã Nhi cướp thóc gạo của dân để giải quyết bữa ăn trước mắt.

Thời gian này, năm nghìn quân Nguyên ở Tư Minh cùng đám con cháu của những kẻ chiêu hàng như Trần Dục là con của Trần Ích Tắc, Nguyễn Linh, Lê Ân,... tiếp tục tiến vào nước ta. Tưởng rằng Đại Việt đã bị chiếm, chúng nghênh ngang như vào chỗ không người. Vừa đến cửa Nội Bàng (Lạng Sơn), chúng bị quân giữ ải chặn đánh quyết liệt khiến chúng phải tìm đường tháo chạy.



Ở căn cứ Vạn Kiếp, Thoát Hoan chia quân tiến về Thăng Long. Ô Mã Nhi chỉ huy thủy quân, A Bát Xích chỉ huy quân kỵ bộ. Phàn Tiếp đem quân hộ vệ Thoát Hoan đi theo sông Đuống. Trong khi đó, Hưng Đạo vương đã cho quân giữ cửa Đại Than (Gia Bình, Bắc Ninh) để ngăn quân Nguyên vượt sông Hồng vào Thăng Long. Ngày 26, tướng nhà Trần là Nguyễn Thúc cho lấp cửa sông Đuống và dàn thuyền cự giặc nhưng với quân số đông hơn hẳn, đoàn quân của Ô Mã Nhi vượt qua được, tiến lên Gia Lâm và ra sông Hồng.



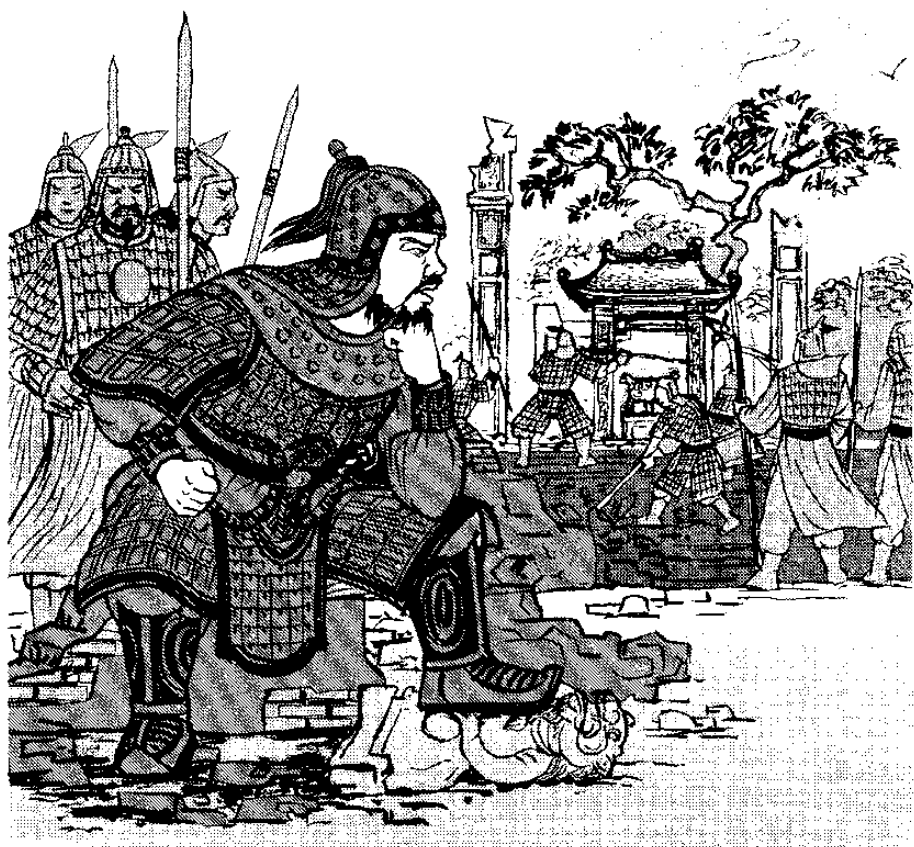
Khi ấy, cánh quân đi theo đường Vân Nam của Ái Lỗ cũng đang trên đường tiến về Thăng Long để hội quân với Thoát Hoan. Trên đường tiến quân, Ái Lỗ đã phải giao tranh với quân Đại Việt gần 20 lần. Quân Đại Việt vừa đánh vừa rút với mục đích kìm chân giặc cho triều đình rút lui an toàn và bảo toàn lực lượng các đạo quân. Cuối cùng, Ái Lỗ cũng gặp được quân của Thoát Hoan ở sông Hồng. Trong lúc đó, Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông đã xuống thuyền xuôi theo đường biển mà tẩu đi các căn cứ ven biển Hải Đông.





Vì thế, khi Thoát Hoan vào được Thăng Long thì kinh thành cũng đã vườn không nhà trống. Hắn lập tức sai Ô Mã Nhi chỉ huy thuyền chiến gấp rút đuổi theo hai vua nhà Trần còn hắn dẫn bộ binh đuổi theo phía sau. Nhớ lại nỗi nhục nhã của lần thất trận vừa rồi, Ô Mã Nhi bắn tin đe dọa nhà vua: “Ngươi chạy lên trời ta theo lên trời, ngươi chạy xuống đất ta theo xuống đất, ngươi trốn lên núi ta theo lên núi, ngươi lặn xuống nước ta theo xuống nước...”.

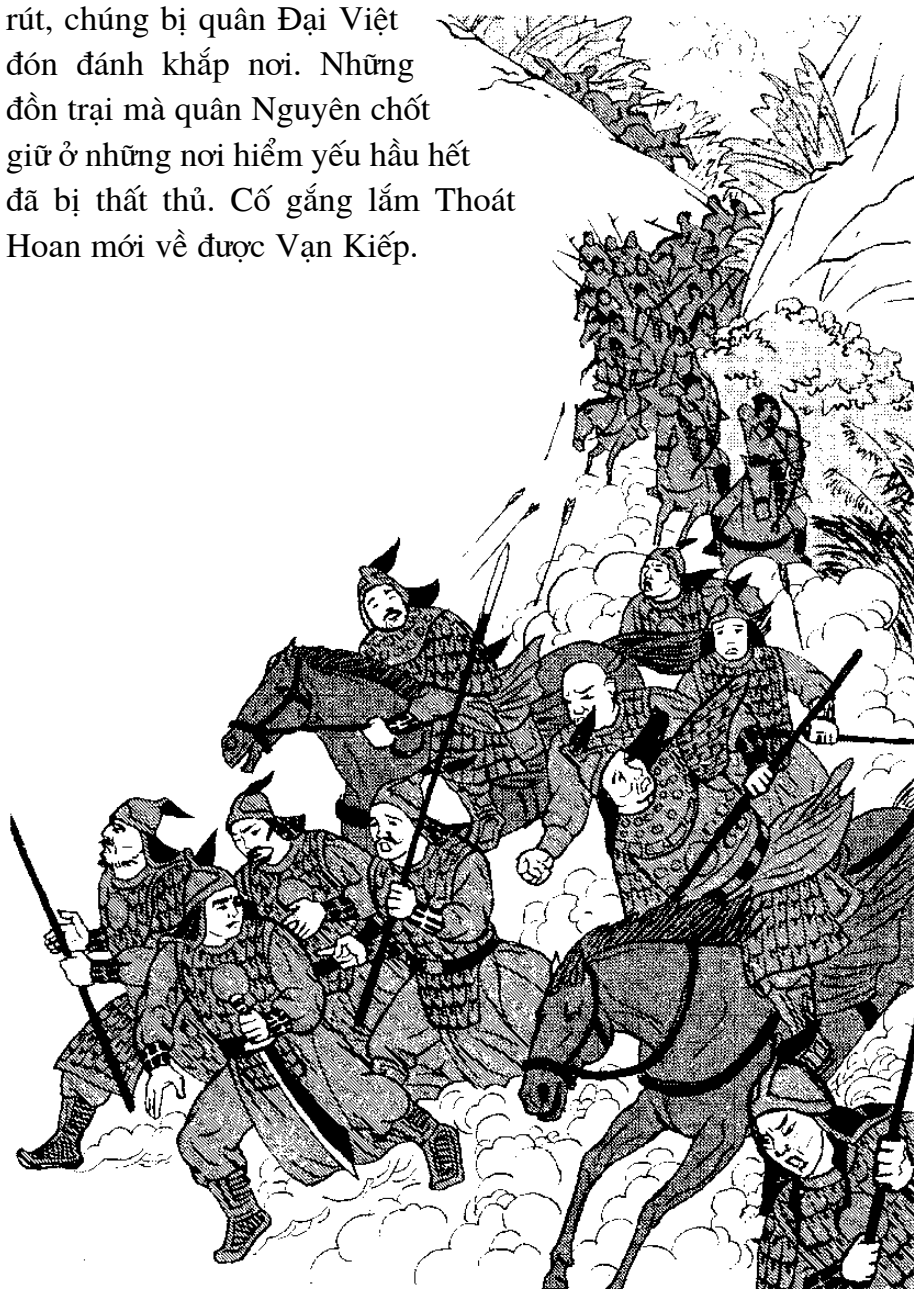
Nhưng dù đã lùng sục khắp nơi, Ô Mã Nhi vẫn không tìm ra nơi trú ẩn của các vua Trần. Hấn tức tối cho quân đi đốt phá làng mạc, giết chóc không từ một ai và cướp bóc bất kỳ thứ gì. Ô Mã Nhi còn hèn hạ kéo quân đến phủ Long Hưng (Thái Bình), tìm đến Chiêu lăng (nơi chôn cất của tổ tiên nhà Trần) để quật mộ vua Trần Thái Tông.





Sau khi đuổi theo vua Trần thất bại, Thoát Hoan đem quân trở về Thăng Long. Vẫn chưa hay biết chuyện thuyền lương đi sau đã bị đánh tan tã, hấn một mặt sai Ô Mã Nhi đi đón Trương Văn Hổ, một mặt cho quân lùng sục cướp bóc lương thực của dân chúng. Nhưng dân quanh vùng đều đã cất giấu lúa gạo và bỏ trốn nên quân Nguyên lâm vào cảnh thiếu đói. Đã vậy, đêm nào quân Đại Việt và dân binh cũng tập kích trại giặc khiến chúng vừa đói vì không có lương ăn, vừa mệt vì không ngủ được.

Trong thời gian đó, vua Trần cho Hưng Ninh vương Trần Tung đến trại của Thoát Hoan vờ hẹn sẽ ra hàng nhưng cứ lần lữa hết lần này đến lần khác khiến quân Nguyên thấp thỏm mà mất hết nhuệ khí. Thấy ở lại Thăng Long không có lợi, Thoát Hoan quyết định rút về Vạn Kiếp. Trên đường rút, chúng bị quân Đại Việt đón đánh khắp nơi. Những đồn trại mà quân Nguyên chốt giữ ở những nơi hiểm yếu hầu hết đã bị thất thủ. Cố gắng lắm Thoát Hoan mới về được Vạn Kiếp.



Trong khi đó, Ô Mã Nhi vâng mệnh Thoát Hoan đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ cũng bị chặn đánh. Ngày 8 tháng giêng, đoàn quân thủy của Ô Mã Nhi đến cửa Đại Bàng (trên sông Văn Úc thuộc huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng ngày nay), bị quân thủy Đại Việt chặn đánh. Chúng cố chống trả và vượt qua được nhưng đến Đồ Sơn thì lại bị tập kích lần nữa. Bị tổn thất nhiều nên rất lâu sau, Ô Mã Nhi mới đến được An Bang.

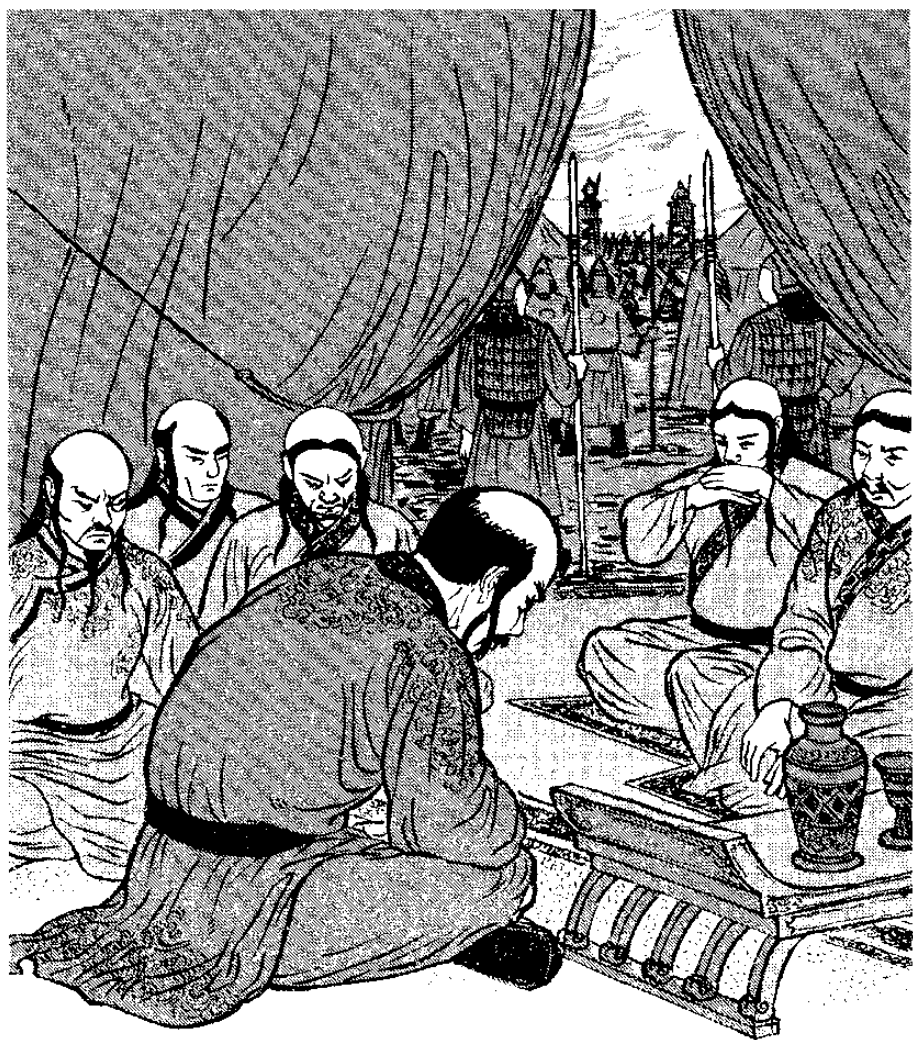


Tại đây, Ô Mã Nhi cho quân sục sạo khắp nơi để tìm kiếm nhưng chẳng thấy bóng dáng một chiếc thuyền chở lương nào. Mãi sau, gặp bọn tàn quân do trước đây vua Trần thả ra để báo tin, hắn mới biết chuyện Trương Văn Hổ thua trận và thuyền lương đã bị quân Đại Việt cướp sạch. Hoảng hốt, hắn vội quay trở lại Thăng Long. Sợ Thoát Hoan trị tội, trên đường về hắn ra tay cướp bóc vơ vét bất cứ thứ gì ăn được.





Tin thuyền lương bị mất, khiến tinh thần quân Nguyên sa sút thảm hại. Đã vậy, lúc này, những đội quân cảm tử của quân dân Đại Việt liên tục tập kích vào căn cứ Vạn Kiếp cả ngày lẫn đêm khiến quân Nguyên vô cùng hoang mang. Chúng không dám làm gì ngoài việc ngồi chờ quân Trần đến đánh. Để phòng ngự, chúng dựng thêm rào gỗ, tăng thêm quân tuần tra ở các đồn trại.



Không chỉ bọn lính hoang mang mà bọn tướng Nguyên cũng lo sợ, khuyên Thoát Hoan: “Ở Giao Chỉ không có thành trì để giữ, không có lương thực để ăn mà thuyền lương của Trương Văn Hổ lại không đến. Vả lại, khí trời đã nóng nực, sợ lương hết, quân mệt, không lấy gì để chống giữ lâu được, làm hổ thẹn cho triều đình, nên toàn quân mà về thì hơn”.

Thoát Hoan vô cùng phân vân. Đường đường là Thái tử của Đại Nguyên hùng mạnh, đi đến đâu thiên hạ cũng phải khiếp sợ, không lẽ lại cứ thất bại mãi trước một đất nước bằng nắm tay này sao? Nhưng tình thế trước mắt buộc hẳn phải buồn rầu thừa nhận: “Ở đây nóng nực ảm thấp, lương hết, quân mệt,...” và đồng ý rút quân về.



Lúc đầu, Thoát Hoan định rút lui toàn bộ bằng đường bộ. Song sau đó lại quyết định rút quân bằng cả đường thủy lẫn đường bộ. Để yên lòng quân thủy, hấn cho Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đưa quân thủy đi trước và sai Trình Bằng Phi dẫn quân kỵ bộ men theo bờ sông hộ tống.





Biết tin này, nhà Trần chuẩn bị phản công. Những đoạn đường quân Nguyên sẽ đi qua đều bị quân Đại Việt phục binh, phá cầu, xẻ đường nên quân kỵ của Trình Bằng Phi không tiến thêm được. Hấn đành bỏ mặc thủy quân mà quay lại Vạn Kiếp. Trình Bằng Phi cho thám mã đi bắt dân chúng địa phương phải dẫn đường cho chúng về Vạn Kiếp nếu không sẽ bị thảm sát hàng loạt.



Trong khi đó, đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp vẫn hối hả xuôi theo sông Bạch Đằng để mau chóng ra biển. Sau chuyến tìm kiếm thuyền lương không thành, thủy quân của Ô Mã Nhi đã rất mệt mỏi, mất tinh thần. Đã vậy, về đến Vạn Kiếp chưa được nghỉ ngơi, lại được lệnh lên đường về nước. Chúng vừa kiệt sức, lại mang tâm trạng của kẻ bại trận nên chỉ mong sao được toàn mạng trở về.

Lúc này, Hung Đạo vương đã bày binh bố trận chờ đợi chiến thuyền của chúng ngay tại cửa sông Bạch Đằng. Vận dụng cách đánh quân Nam Hán của Ngô Quyền trước đây, ông cho quân vào rừng đẵn gỗ làm cọc. Dân chúng cũng giúp sức chọn những cây lim

hay táu vì gỗ của những cây này chắc và cứng rồi chuốt gỗ thành những cọc nhọn, cao đến gần 3m, đường kính gần 30cm.



Sau đó, Hung Đạo vương cho đóng cọc xuống khúc sông gần ngã ba sông Chanh - một chi lưu của sông Bạch Đằng đổ ra biển. Đây là khúc sông rộng, gần cửa sông nên chịu ảnh hưởng lớn của thủy triều. Những chiếc cọc nhọn được đóng sao cho khi thủy triều lên thì không nhìn thấy, nhưng khi nước rút thì nhô ra làm vướng hay đâm thủng thuyền địch.



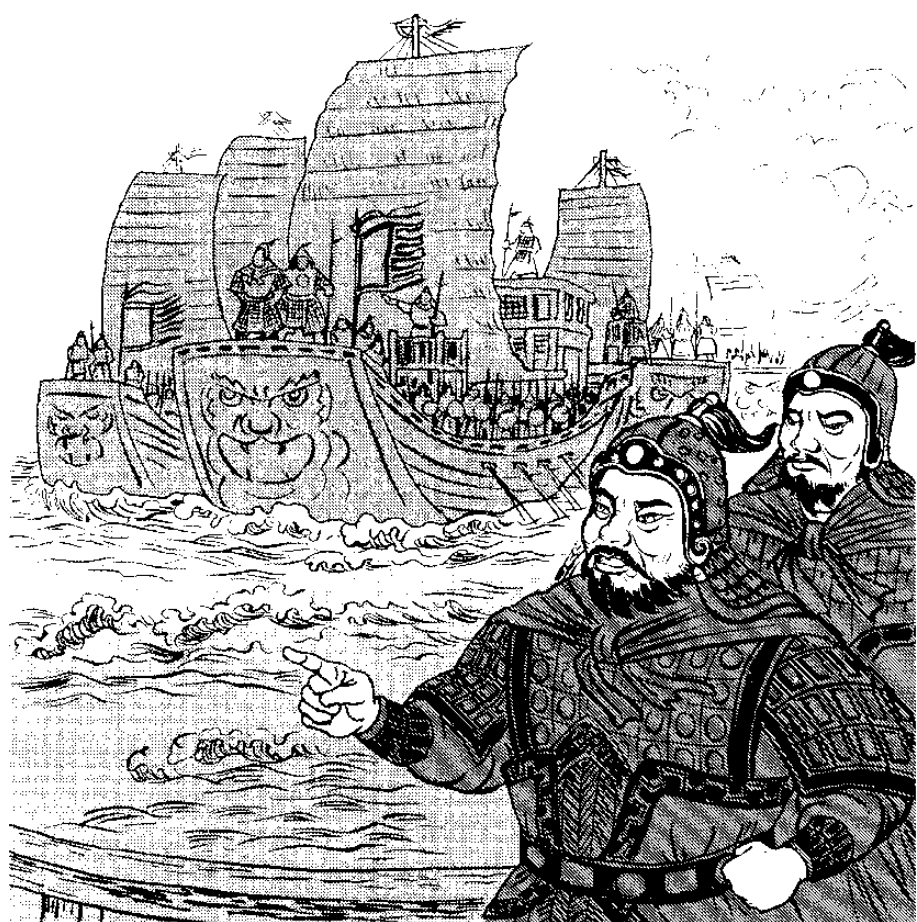


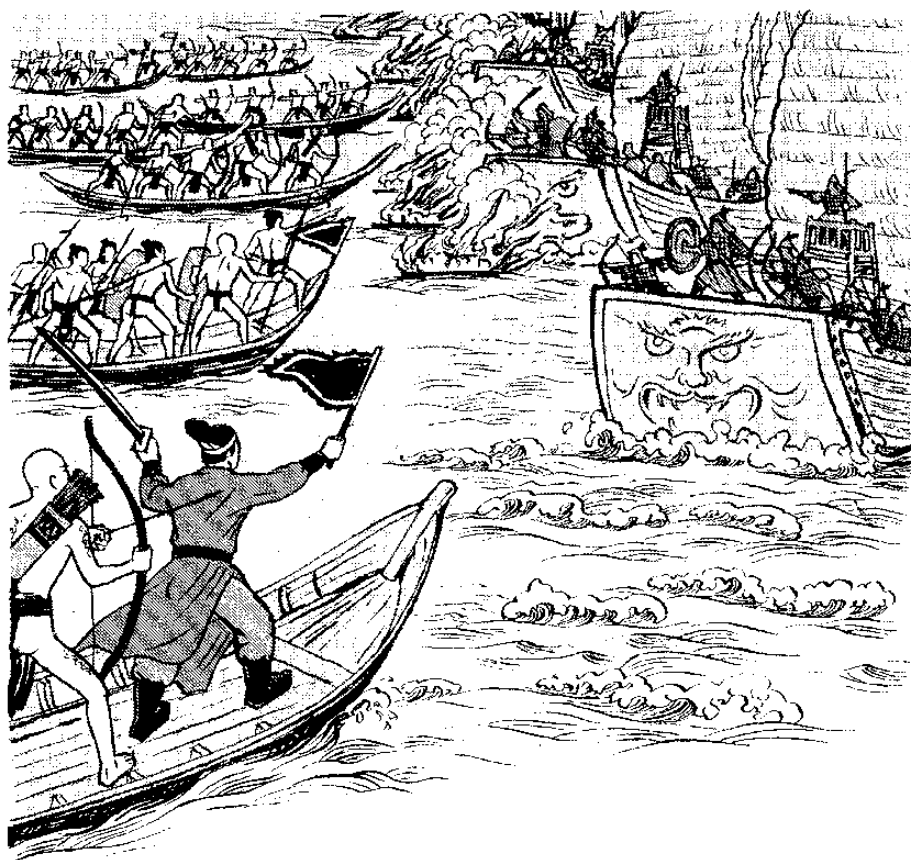
Không bao lâu, bãi cọc nguy hiểm đã được hình thành. Hưng Đạo vương cho bố trí trận địa mai phục ở hai bên bờ, lại cho quân chuẩn bị nhiều chất đốt đưa lên những chiếc bè nhỏ, nhẹ giấu trong những luồng lạch gần đó để khi cần có thể đánh hỏa công. Mọi việc được tiến hành một cách khẩn trương nhưng chu đáo, cẩn trọng.

Trong khi quân của Hưng Đạo vương chuẩn bị bãi cọc chờ đoàn thuyền của Ô Mã Nhi thì một đạo quân do đích thân vua Trần chỉ huy đã đánh chặn quyết liệt ở nhiều nhánh sông để dồn ép đạo thủy quân của Ô Mã Nhi phải đi vào con đường mà quân Đại Việt đã dày công bố trí mai phục.



Sáng sớm ngày 8 tháng 3 âm lịch, vào khoảng 5 giờ sáng, đoàn thuyền của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đi đến gần cửa sông Bạch Đằng. Ngày hôm ấy là kỳ nước cường, thủy triều cao nhất vào khoảng từ nửa đêm cho đến sáng và thủy triều thấp nhất là vào lúc giữa trưa. Đúng như dự định, khi thuyền giặc đến là lúc nước triều lên cao, bãi cọc được nước che lấp, khung cảnh hai bên bờ thật bình lặng khiến y quyết định cho đoàn thuyền đi chậm lại.

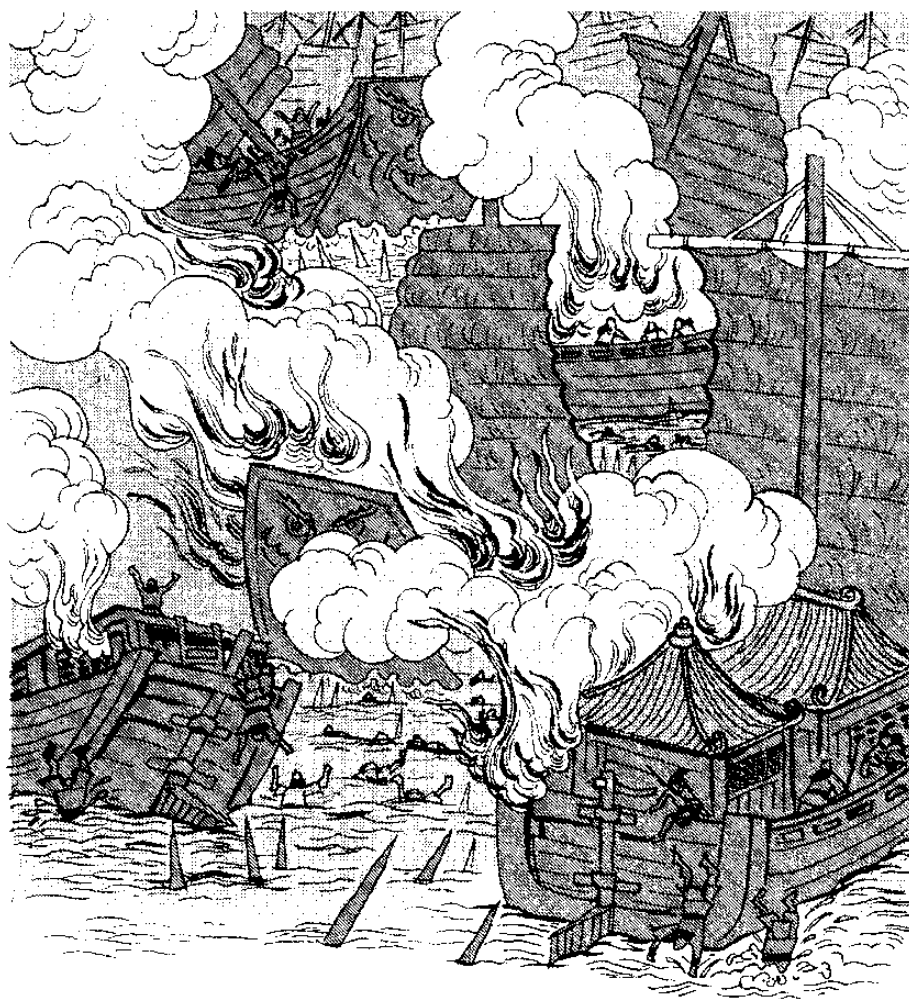




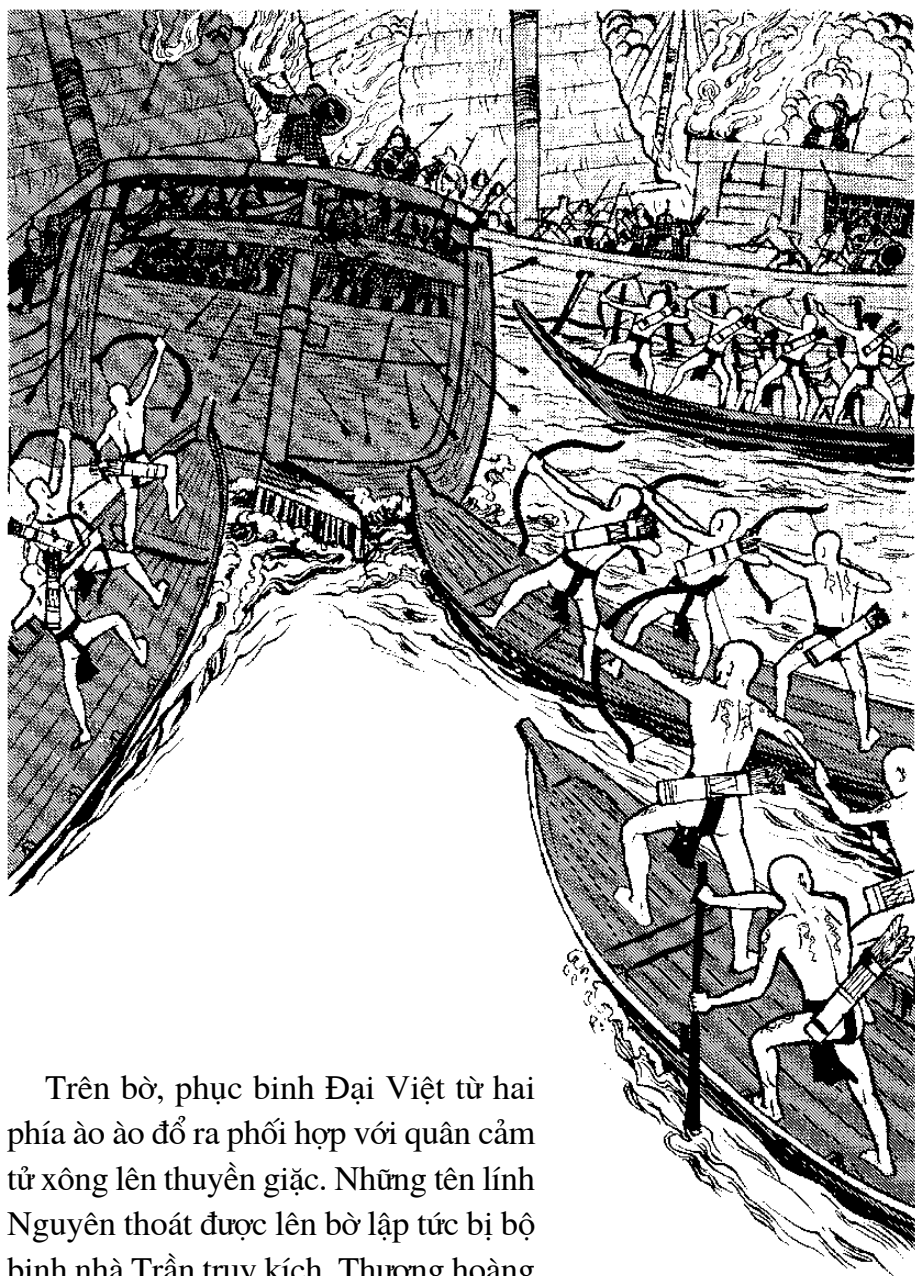
Bất ngờ, tướng nhà Trần là Nguyễn Khoái cùng một đội quân cảm tử đem thuyền ra khiêu chiến rồi vờ thua chạy. Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp hí hửng dẫn binh thuyền đuổi theo. Cứ thế, đoàn thuyền chiến của quân Nguyên dần dần tiến gần đến trận địa phục kích. Thấy nước thủy triều còn cao, Nguyễn Khoái và đội quân cảm tử quay lại liều chết đánh kim chân giặc, không cho chúng vượt qua bãi cọc.

Gần trưa, nước triều rút, quân Trần lại quay thuyền bỏ chạy. Ô Mã Nhi lập tức cho thuyền đuổi theo. Bất ngờ, những chiếc cọc từ dưới nước đồng loạt nhô lên. Thuyền giặc vương cọc dòn cả lại, nhiều chiếc va vào nhau vỡ toác. Đội hình của chúng bị rối loạn. Những chiến thuyền to lớn, dũng mãnh vương cọc đành đứng yên một chỗ. Nhiều thuyền bị cọc đâm thủng, dần dần chìm xuống sông.





Khi quân Nguyên đang hoảng hốt thì một loạt trống lệnh vang lên, từng đoàn bè hỏa công từ những lạch nước gần đấy được thả xuống, trôi len lỏi vào giữa đội hình thuyền giặc đang mắc kẹt. Lửa gặp gió thuận, bắt vào thuyền quân Nguyên cháy dữ dội. Một bên lửa cháy, một bên quân Trần đánh thốc tới, đám lính Nguyên thất kinh hồn vía, đập lên nhau mà nhảy xuống sông, chết đuối vô số.



Trên bờ, phục binh Đại Việt từ hai phía ào ào đổ ra phối hợp với quân cảm tử xông lên thuyền giặc. Những tên lính Nguyên thoát được lên bờ lập tức bị bộ binh nhà Trần truy kích. Thượng hoàng và nhà vua cũng đem đại quân đến tiếp ứng. Quân Trần bắn tên như mưa khiến quân Nguyên không còn biết trốn chạy vào đâu, cứ co cụm một chỗ cho quân Trần tới tiêu diệt.

Trận chiến kéo dài đến xế chiều thì kết thúc. Toàn bộ đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi bị tiêu diệt, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp bị bắt tại trận. Quân Đại Việt thu được khoảng 400 chiếc thuyền cùng những của cải mà quân giặc đã vơ vét cướp bóc định đem về nước. Chiến thắng Bạch Đằng là kết tinh truyền thống yêu nước và tài năng quân sự của quân dân Đại Việt. Chiến thắng này mãi mãi sáng chói trong lịch sử dân tộc.





Trong khi đó, ở trên bộ, ngay khi Trình Bằng Phi hộ tống quân thủy không được phải quay lại, Thoát Hoan đã hiểu rằng cuộc rút lui lần này cũng nguy hiểm không kém gì lần trước. Lúc đầu, quân Nguyên dự định rút theo hai ngả đông - tây như lúc tiến vào Đại Việt nhưng cánh phía tây do Tịch Đô Nhi (Siktur) chỉ huy bị chặn đánh, tên này không thông thạo địa hình nên đành phải quay lại nhập cùng với cánh của Thoát Hoan.

Sau thất bại của Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng, Thoát Hoan về tới được cửa ải Nội Bàng, chưa kịp mừng thì quân Đại Việt phục kích sẵn ở đây đổ ra chặn đánh. Tướng sĩ phải mở đường máu cho hãn thoát qua. Ngựa của hãn đạp trên xác quân Nguyên mà chạy.



Thoát Hoan phái một tướng chỉ huy ba ngàn quân tinh nhuệ đi phía sau chặn hậu. Nhưng suốt từ Nội Bàng đến biên giới, quân Đại Việt phối hợp với dân binh đã mai phục ở những nơi hiểm yếu mà tập kích khiến quân Nguyên bị giết, bị bắt nhiều không kể xiết.



Tướng A Bát Xích bị trúng ba mũi tên độc. Chẳng bao lâu các vết thương đều sưng tấy lên khiến hấn đau đớn không ngồi nổi trên lưng ngựa. Bọn lính phải làm cáng khiêng hấn đi nhưng đến gần biên giới thì hấn chết. Thoát Hoan thấy thế rất sợ hãi. Không có sẵn ống đồng để chui như lần trước, Thoát Hoan bắt quân hộ vệ phải bao vây xung quanh, dùng khiên che kín khắp người hấn.





Quân Đại Việt còn đào hố để bẫy ngựa khiến cả người lẫn ngựa của giặc sụp xuống hầm chông mà chết. Quân Nguyên bị phục kích khắp nơi khiến Thoát Hoan đành phải tìm đường tắt đến biên giới. Về đến Tư Minh, nhìn đám tàn quân tội tã, Thoát Hoan chán ngán cho giải tán tất cả.

Trong đám tàn quân ấy có cả Trần Ích Tắc. Mộng làm vua của y cũng tan thành mây khói cùng thất bại của Thoát Hoan. Chẳng còn biết làm gì, y đành lèo đèo theo Thoát Hoan về kinh đô nhà Nguyên và sống lưu vong tại đây. Sau này, mỗi khi có sứ thần của nhà Trần sang, y đều lánh mặt không dám ra gặp vì xấu hổ.





Sau đại thắng, thượng hoàng Thánh Tông, vua Trần Nhân Tông và triều đình về phủ Long Hưng - nơi đặt lăng mộ của tổ tiên họ Trần, để sửa sang phần mộ vua Trần Thái Tông đã bị quân Nguyên đào phá.

Thấy con ngựa đá đặt trước lăng lăm đầy bùn đất như vừa mới xông pha chiến trận trở về, vua Nhân Tông cảm khái viết lên mấy câu thơ vẫn còn truyền đến ngày nay:

Xã tắc lương hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

(Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông ngàn thuở vững âu vàng).



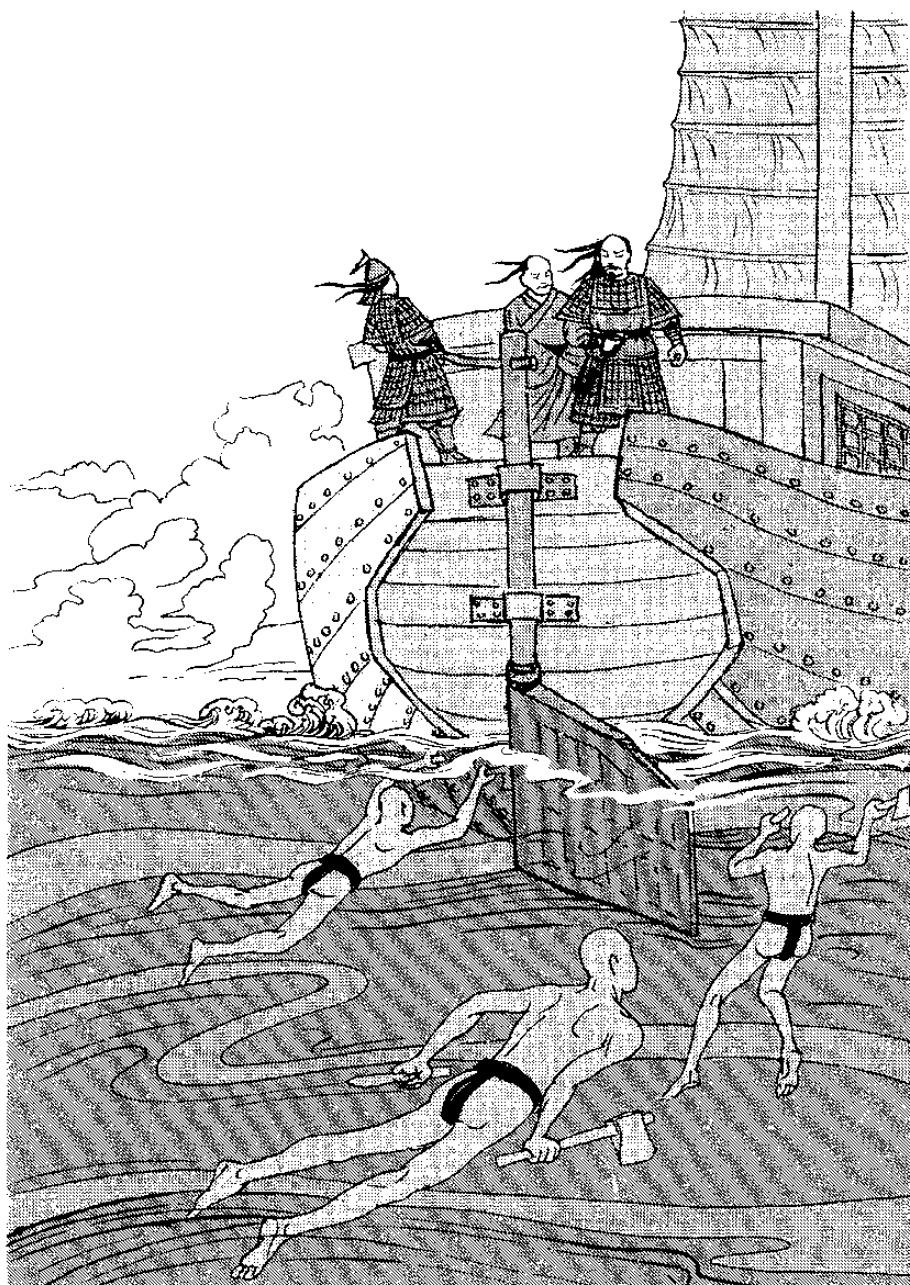


Sau đó, nhà vua rước Thượng hoàng về kinh đô. Vua Nhân Tông cho sửa sang lại cung điện và ban lệnh đại xá thiên hạ. Nơi nào bị giặc cướp phá thì được miễn tô và tạp dịch, các nơi khác tùy nơi mà được miễn giảm một vài phần. Sau đó, vì mong muốn yên bình cho đất nước, nhà vua cho em trai của Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Hư sang Nguyên để giảng hòa.



Hốt Tất Liệt tiếp sứ giả nhà Trần nhưng yêu sách đòi vua Trần phải sang châu và phải trả Ô Mã Nhi cùng Phàn Tiếp về. Vua Trần không sang châu nhưng đồng ý trả tù binh. Lúc đó Phàn Tiếp đã bị bệnh chết, chỉ còn Ô Mã Nhi. Hắn là tên tướng nguy hiểm, tàn ác lại có tội tàn phá lăng mộ vua Trần Thái Tông nên nhà Trần không muốn thả.

Để Hốt Tất Liệt không có cơ gây chiến tranh, mùa xuân năm Kỷ Sửu (1289), vua Nhân Tông vẫn cấp thuyền và cho Ô Mã Nhi trở về nước. Nhưng để trừ hậu hoạn, nhà Trần cho người lặn xuống đục thuyền cho hổng chết chìm giữa biển.



Sau chiến thắng, vua Trần ban thưởng cho vương hầu có công được thăng chức. Hưng Đạo vương được phong làm Đại vương Thượng Quốc công - một chức cao, có quyền phong tước cho người khác. Trần Khánh Dư được tha tội và ban thưởng. Đỗ Khắc Chung cũng được vinh hạnh mang họ của nhà vua là Trần Khắc Chung.





Các thủ lĩnh người dân tộc đã từng đem dân binh ra hợp lực với quân triều đình đều được phong tước hầu. Các gia nô có công như Yết Kiêu và Dã Tượng đều được trọng thưởng. Sách *Trung Hưng thực lục* được biên soạn để ghi chép lại công lao của các tướng sĩ. Lại cho dựng ở giữa kinh thành gác Công Thần để lưu giữ sách *Trung Hưng thực lục*.



Nhiều người trước đây vì bị giặc bắt ép mà phải viết biểu hàng thì nay đất nước đã bình yên, họ tỏ ra lo lắng, sợ bị bắt tội. Biết việc này, vua Nhân Tông không những không xét tội mà còn cho đốt hết các biểu hàng đi để tất cả an tâm, tập trung vào việc củng cố và xây dựng đất nước.

Riêng với những người thực sự đã ra hàng thì trị tội rất nặng. Những người trong hoàng tộc mà hợp tác với quân Nguyên thì buộc phải đổi họ khác và đưa xuống làm lao dịch, suốt đời không được hưởng một ưu đãi nào. Đến đây, nhà Trần đã một lần nữa đem lại thái bình cho Đại Việt, đã ghi vào lịch sử Việt Nam những trang vàng rực rỡ trong việc chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền đất nước.



DANH NHÂN THỜI TRẦN



**HƯNG ĐẠO VƯƠNG
TRẦN QUỐC TUẤN**

Hung Đạo vương tên thật là Trần Quốc Tuấn. Ông là con trai thứ của An Sinh vương Trần Liễu và là cháu gọi Trần Cảnh (tức là vua Trần Thái Tông) là chú ruột. Sử sách không ghi lại năm sinh của Trần Quốc Tuấn nhưng sau khi đối chiếu nhiều sách vở, nhiều sự kiện có giả thuyết cho rằng Trần Quốc Tuấn sinh vào khoảng 1229-1230. Như vậy, khi ông ra đời, nhà Trần đã nắm được ngôi báu mấy năm.



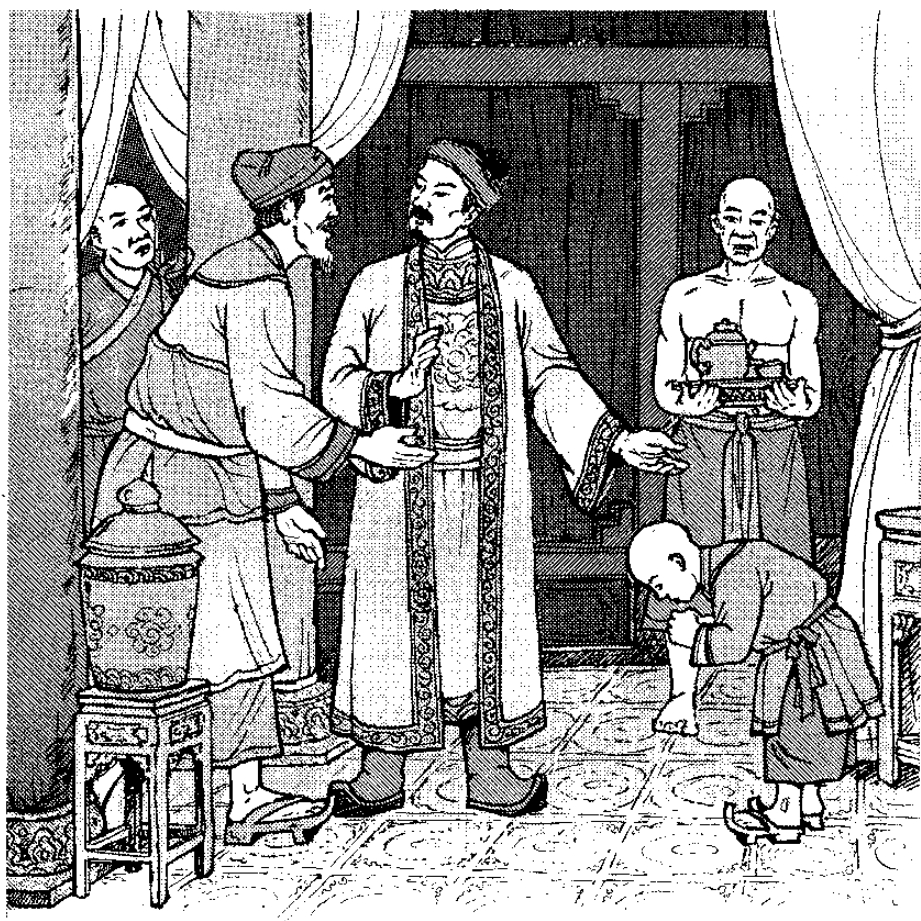
Ông nội của Trần Hưng Đạo là Trần Thừa. Cuối thời Lý, nhờ có công phò giúp triều đình lúc loạn lạc, từ một gia đình đời đời làm nghề đánh cá ở thôn Tức Mặc (Nam Định), Trần Thừa trở thành quan Nội thị Phán thủ. Khi Trần Cảnh lên làm vua, Trần Thừa được tôn làm Thái Tổ mặc dù chưa làm vua ngày nào. Trong số sáu người con^(*) của Thái Tổ Trần Thừa thì Trần Liễu là con trưởng trong hoàng tộc nhà Trần.

** Bốn con trai là: Trần Liễu (An Sinh vương), Trần Cảnh (vua Trần Thái Tông), Trần Nhật Hiệu (Khâm Thiên vương), Trần Bà Liệt (Hoài Đức vương). Hai con gái là: Thụy Bà Công chúa và Thiên Thành Công chúa.*

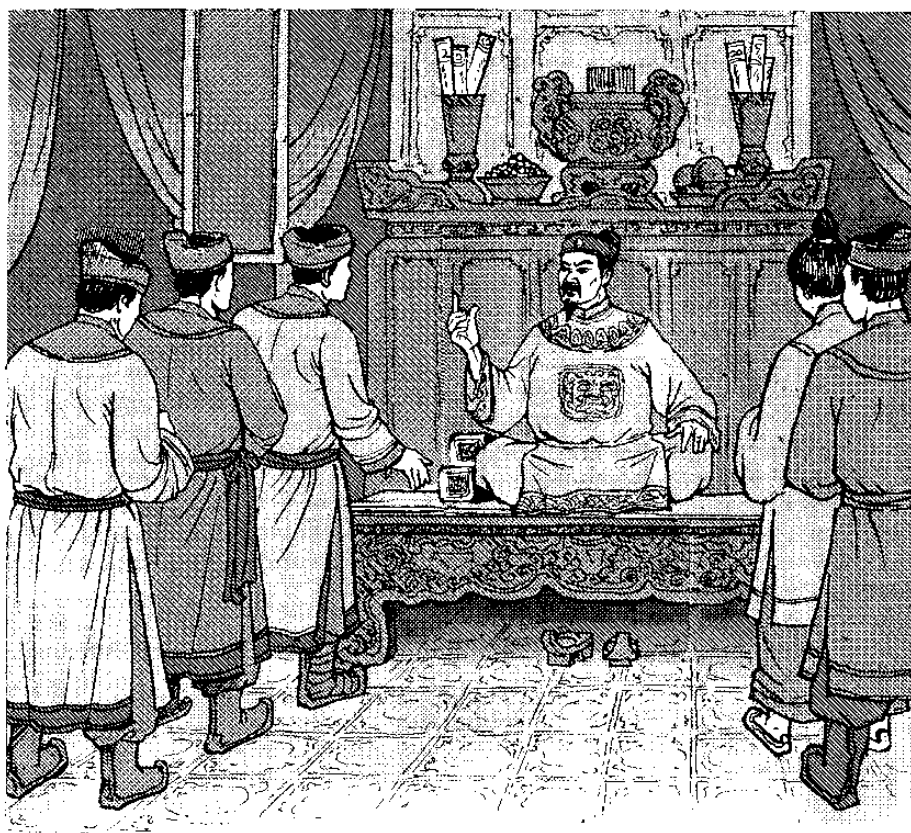


Khi Trần Quốc Tuấn còn nhỏ, Trần Liễu bị Thái sư Trần Thủ Độ buộc phải nhường vợ là Công chúa Thuận Thiên đang có mang ba tháng cho em trai là vua Trần Thái Tông, Trần Liễu đã nổi loạn chống lại vua Thái Tông và triều đình. Dù anh em đã hòa giải, nhưng từ đó, giữa hai chi họ có sự rạn nứt sâu sắc khó hàn gắn được. Sau biến cố này, Trần Liễu và gia quyến bị buộc phải chuyển ra vùng đất An Sinh (tương đương địa phận Đông Triều, Quảng Ninh ngày nay) sinh sống.





Quốc Tuấn được cô ruột là Thụy Bà Công chúa nhận làm con nuôi. Từ nhỏ, Quốc Tuấn đã tỏ ra thông minh đỉnh ngộ. Trần Liễu không tiếc tiền của, công sức, mời thầy có tiếng tăm khắp nơi về dạy với mong muốn Quốc Tuấn trở thành người tài giỏi để sau này giúp ông rửa hận. Trần Quốc Tuấn học một biết mười, có năng khiếu cả văn lẫn võ. Khi lớn lên, ông tỏ ra là một võ tướng thao lược. Ông chú tâm nghiên cứu binh pháp, nghiên cứu những trận đánh nổi tiếng của người xưa, rút ra cái hay cái dở và tự bày trận đồ rất biến hóa.



Năm 21 tuổi, Trần Quốc Tuấn lập gia đình với Công chúa Thiên Thành^(*) và sinh hạ tất cả 5 người con, 1 gái 4 trai^(**). Các con của ông sau này đều là người tài giỏi. Người con gái cả là Trinh Công chúa, sau này là Hoàng hậu của vua Nhân Tông, vị vua sát cánh cùng Trần Quốc Tuấn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên. Con trai bà là Thái tử Trần Nguyên, tức vua Trần Anh Tông.

* Là cô ruột của ông. Triều Trần buộc con cháu trong hoàng tộc phải lấy nhau để tránh bị dòng họ khác thông qua con đường hôn nhân mà cướp ngôi.

** Trần Hưng Đạo còn có người con gái nuôi là Nguyên Công chúa.



Hung Đạo vương
Trần Quốc Tuấn có bốn
người con trai là Hung
Vũ vương Trần Quốc
Hiển, Hung Trí vương
Trần Quốc Nghiễn,
Hung Nhượng vương
Trần Quốc Tảng, Hung
Hiển vương Trần Quốc
Uy. Họ đều là những võ
tướng có tài, đã giúp ông
rất nhiều trong cuộc
kháng chiến chống quân
Nguyên. Trần Quốc Hiển
sau này là Phò mã của vua
Thánh Tông, còn Trần
Quốc Tảng có con gái
là Hoàng hậu của
vua Anh Tông. Trần
Quốc Nghiễn thì có
công khẩn hoang, biến vùng
đất hoang vu ở Hải Dương thành
những cánh đồng phì nhiêu, xanh tốt.

Năm 1251, An Sinh vương Trần Liễu lâm bệnh nặng. Trước khi qua đời, Trần Liễu cầm tay Quốc Tuấn dặn:

- Con hãy vì cha mà lấy thiên hạ (ý nói cướp ngôi vua) nếu không cha sao nhắm mắt được.

Là người con có hiếu, ông không khỏi suy nghĩ về di huấn của cha nhưng vua Thái Tông thực sự là một minh quân, có công chấn hưng đất nước khiến thiên hạ thái bình, lại đối xử với anh em trong họ thân ái, độ lượng khiến Quốc Tuấn rất kính phục. Ông không thể vì oán giận của cha mà gây cảnh nổi da xáo thịt. Nghĩ vậy, ông giữ kín những lời trời của cha, không cho ai biết.





Vua Trần phong tước Trần Quốc Tuấn là Hưng Đạo vương. Vì vậy, ông thường được gọi là Trần Hưng Đạo. Nhà Trần cấp thái ấp cho ông ở vùng đất Vạn Kiếp (Vạn Yên, Chí Linh, Hải Dương). Đây là nơi có núi cao rừng rậm, lại gần nơi hội tụ của 6 con sông^(*) cùng đổ ra biển (Lục Đầu giang) - vị trí rất hiểm yếu.

^{*} Sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy và sông Bình Than.

Là người nhìn xa trông rộng, Trần Hưng Đạo đã cho xây dựng Vạn Kiếp thành một căn cứ quân sự lợi hại, có thể phòng chống giặc phương Bắc bằng cả hai mặt thủy bộ. Ông còn rất quan tâm đến người dân vùng này, giúp họ có cái ăn, cái mặc, và giúp họ chữa bệnh. Phủ đệ của ông luôn mở rộng cửa để đón bậc anh tài, những người có chí, có nhân, có dũng lược và trung tín. Dù họ xuất thân nghèo khổ, ông cũng giúp đỡ, đào tạo rồi tiến cử cho triều đình. Nhiều danh nhân thời ấy như Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão đều là môn khách của ông.





Phạm Ngũ Lão là người giỏi võ, quê ở làng Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay là huyện Mỹ Hào, Hưng Yên), xuất thân trong một gia đình nghèo khó, sinh sống bằng nghề chẻ tre đan sọt. Một hôm, Trần Hưng Đạo đi ngang qua vùng này, thấy Phạm Ngũ Lão đang ngồi đan sọt trên đường, vừa đan vừa mãi mê suy nghĩ điều gì nên không để ý đến xung quanh. Quân lính thét bảo tránh đường, Phạm Ngũ Lão cũng không nghe thấy gì. Quân lính lấy giáo đâm vào đùi ông, ông vẫn ngồi yên.



Lấy làm lạ, Trần Hưng Đạo hỏi: “Đùi nhà ngươi bị đâm sao cứ ngồi yên như vậy?”. Phạm Ngũ Lão mới bừng tỉnh đáp lại: “Tôi đang nghĩ mấy câu trong binh thư (sách nói về việc dùng binh) nên không thấy gì!”. Trần Hưng Đạo thử hỏi về binh cơ thì ông ứng đối rất trôi chảy. Biết là người tài, Trần Hưng Đạo mời Ngũ Lão theo về với mình. Nhiều người không tin Ngũ Lão có tài và thách đấu với ông. Ngũ Lão vật ngã năm sáu vệ sĩ một lúc khiến mọi người đều phải phục. Trần Hưng Đạo còn đem con gái nuôi là Nguyên Công chúa gả cho Phạm Ngũ Lão rồi tiến cử ông với vua Nhân Tông.

Nhờ Hung Đạo vương tiến cử, Phạm Ngũ Lão được vua phong làm chỉ huy Cấm quân. Ông điều khiển quân lính có kỉ luật, đối đãi với tướng sĩ như người nhà, cùng sĩ tốt đồng cam cộng khổ, được ban thưởng gì chia đều cho quân lính, không giữ làm của riêng. Vì vậy quân của ông trên dưới yêu thương nhau như cha con một nhà, hết lòng chiến đấu nên đánh đâu thắng đó.



Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông, ông chiến đấu dưới sự chỉ huy của Trần Hưng Đạo, góp công vào các trận đánh quyết định như trận Chương Dương, Tây Kết. Đặc biệt trong trận mai phục đường rút lui của Thoát Hoan ở Vạn Kiếp, ông đã diệt hai phó tướng địch. Nhưng Phạm Ngũ Lão không chỉ là một võ tướng, ông còn là một nhà thơ, là tác giả bài thơ *Thuật hoài* (dịch):

*Múa giáo non sông trải mấy thu
Ba quân khí mạnh nuốt sao Ngưu
Công danh trãi tráng còn mang nợ
Luống thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu^(*).*

^{*} *Tức Gia Cát Lượng.*





Nếu Phạm Ngũ Lão là một võ tướng thì Trương Hán Siêu là một văn quan, quê ở làng Phú Am, huyện Yên Khánh, lộ trường Yên (nay là thành phố Ninh Bình). Biết ông là người có kiến thức uyên bác, Trần Hưng Đạo giao cho ông trông coi viện văn thư trong vương phủ mình. Sau một thời gian, Trần Hưng Đạo tiến cử Trương Hán Siêu lên nhà vua và được vua trọng dụng.



Trương Hán Siêu còn được vua Trần giao giữ chức Hàn lâm Học sĩ và nhiều chức vụ quan trọng khác trong triều. Tác phẩm văn chương nổi tiếng nhất của ông là bài phú *Bạch Đằng giang*. Xúc động trước chiến công của quân dân Đại Việt đánh thắng giặc Nguyên

Mông hung hãn, ông đã sáng tác bài phú để đời ấy và dành những câu trân trọng nhất để ca ngợi tài cầm quân của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn.

Với những gia nô trong nhà, nếu có thực tài, Trần Hưng Đạo đều tin cậy và giao phó trọng trách. Yết Kiêu là người có tài bơi lội, còn Dã Tượng to lớn, khỏe mạnh. Cả hai được Trần Hưng Đạo nuôi nấng, dạy dỗ chu đáo và Yết Kiêu, Dã Tượng rất trung thành với ông. Dã Tượng là người quân tượng không rời Trần Hưng Đạo nửa bước, vừa sát cánh chiến đấu, vừa bảo vệ chủ.

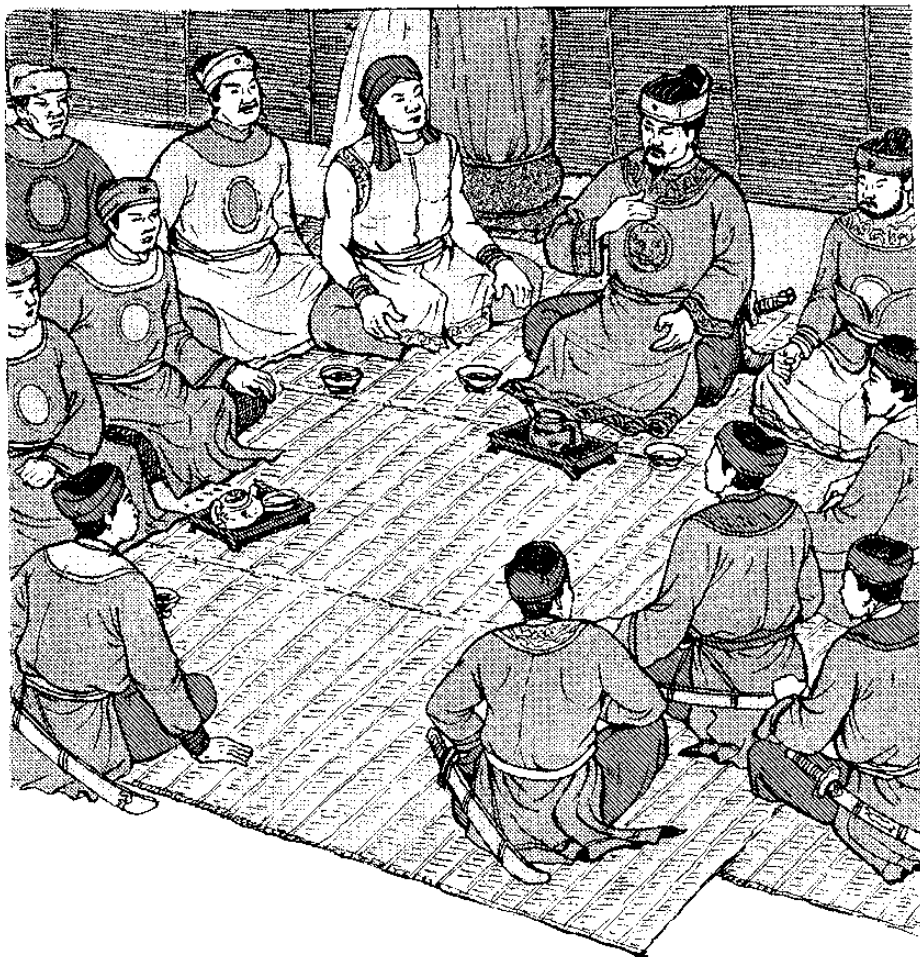




Còn Yết Kiêu, với tài bơi lội, đã từng giúp Trần Hưng Đạo đục đắm nhiều chiến thuyền của quân Nguyên. Được giao việc trông coi thuyền chiến, Yết Kiêu đã nêu tấm gương sáng về lòng trung thành và ý thức kỷ luật của người lính. Trong lần chống quân Nguyên năm 1285, quân giặc tràn vào Lạng Sơn, quân Đại Việt không chống đỡ nổi, đều đã rút hết. Riêng Yết Kiêu bất chấp nguy hiểm, vẫn chống thuyền chờ Trần Hưng Đạo và kịp thời đưa ông rút lui an toàn trước khi quân giặc ập đến.

Trần Hưng Đạo đánh giá rất cao vai trò của các gia đình thuộc tướng. Ông nói: “Chim hồng hộc (chỉ những người làm nên chiến tích) có thể bay cao được tất phải nhờ vào sáu trụ xương cánh (chỉ những người bình dân), nếu không chim hồng hộc cũng như chim thường thôi”. Việc Trần Hưng Đạo đánh giá cao vai trò của tầng lớp bình dân đã có ảnh hưởng đến vua Trần Nhân Tông. Nhà vua cũng có thái độ ân cần đối với tầng lớp này và bảo ban các quan: “Ngày thường ta có nhiều kẻ hầu người hạ, nhưng khi nước nhà hoạn nạn thì chỉ có bọn họ đi theo thôi”.





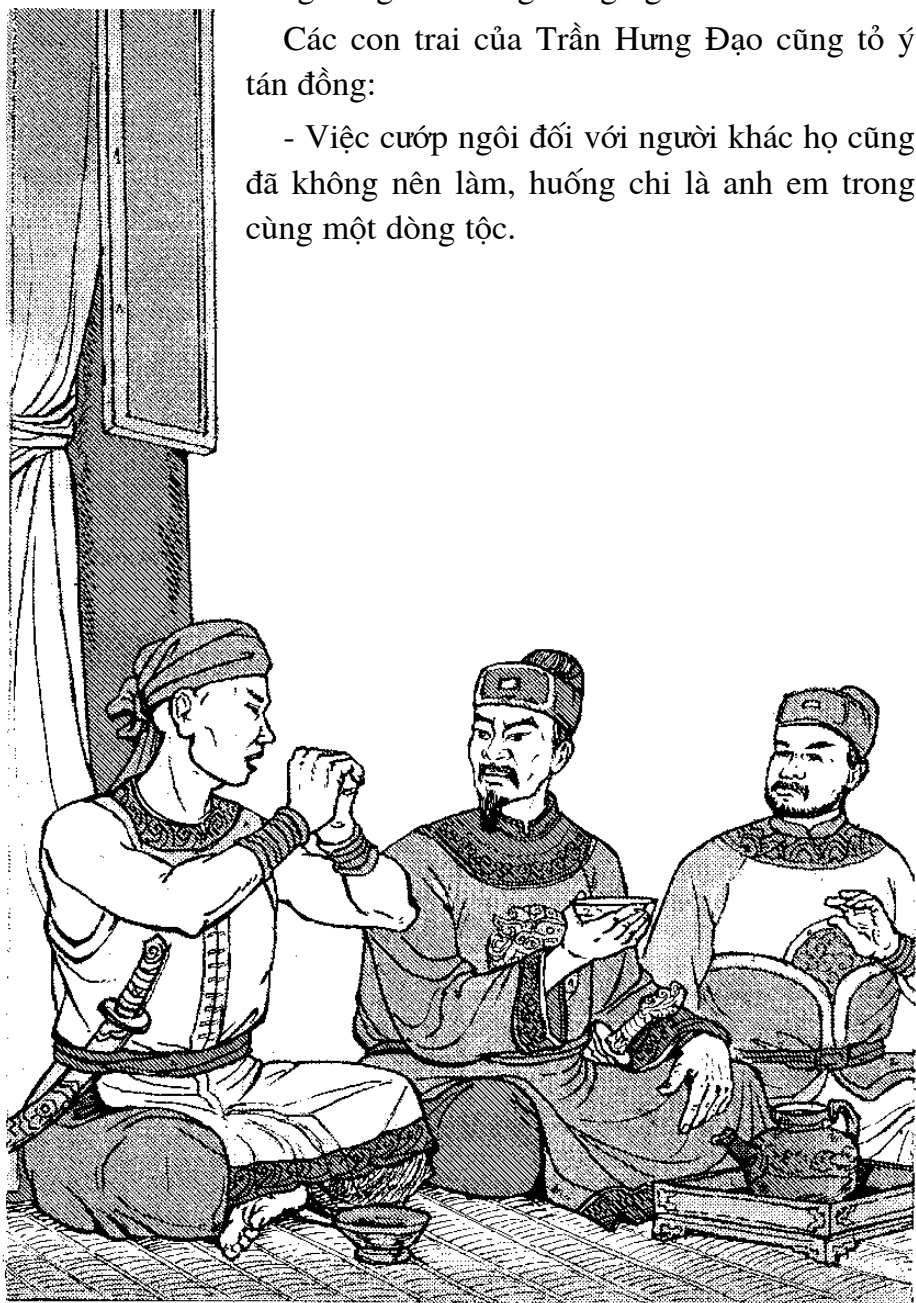
Nhưng Trần Hưng Đạo được mọi người quý trọng không chỉ vì ông là người độ lượng mà còn ở chỗ ông là người trung nghĩa, hết lòng vì nước vì dân. Khi quân Nguyên sang xâm lấn Đại Việt, quyền bính trong tay, nếu muốn cướp ngôi theo ý cha thì đây là thời cơ thuận tiện nhất. Nhưng ông đã không làm vậy mà còn tỏ rõ ý muốn xóa bỏ hận thù. Một hôm, để thử lòng người thân cận, Trần Hưng Đạo họp các con cùng tướng tá, gia nô và nhắc lại lời trăn trối của cha.

Hai gia nô tâm phúc là Yết Kiêu và Dã Tượng khăng khái bày tỏ ý nghĩ của mình:

- Đại vương quyền cao chức trọng như thế đủ lắm rồi, chúng tôi thà làm gia nô suốt đời chứ không muốn làm quan mà mang tiếng là người không trung nghĩa.

Các con trai của Trần Hưng Đạo cũng tỏ ý tán đồng:

- Việc cướp ngôi đối với người khác họ cũng đã không nên làm, huống chi là anh em trong cùng một dòng tộc.



Hung Đạo vương rất hài lòng trước những lời nói đầy nghĩa tình đó. Nhưng riêng người con trai thứ ba Hung Nhượng vương Trần Quốc Tảng lại có ý riêng:

- Vua Tống trước đây chỉ là một nông phu mà còn được được thiên hạ, hưởng chi nhà ta là danh gia vọng tộc.

Những lời này làm cho Trần Hung Đạo rất tức giận. Ông rút gươm định chém Quốc Tảng, nhưng mọi người hết lòng can ngăn, cuối cùng ông đành đuổi Trần Quốc Tảng đi và truyền lệnh:

- Sau này khi ta chết phải đập nắp quan tài mới cho nó vào viếng.



Trần Hưng Đạo còn chủ động hòa giải với anh em trong họ. Trong phép cư xử hàng ngày, ông luôn giữ thái độ khiêm nhường, hòa mục. Ông được vua cho phép ban thưởng chức tước cho người khác nhưng chưa bao giờ Trần Hưng Đạo sử dụng quyền hạn ấy. Lúc giặc Nguyên xâm lấn, nhiều nhà giàu đóng góp lúa gạo, vũ khí cho quân đội. Để động viên, khuyến khích, ông cũng ban cho họ chức Lang tướng nhưng chỉ tạm thời, chờ vua chuẩn y mới dám quyết định.





Một lần vua Thánh Tông đi dẹp loạn, có Trần Quang Khải đi theo hộ giá. Lúc ấy sứ nhà Nguyên sang, Thượng hoàng Thái Tông cho mời ông đến bảo:

- Nay Thượng tướng vắng mặt, trẫm muốn phong cho khanh chức Tư đồ để ứng đối với Bắc sứ.

Vốn là người chính trực, không muốn mang tiếng tranh giành chức tước, Trần Hưng Đạo liền tâu:

- Ứng tiếp sứ giả, thần không dám từ chối nhưng chức Tư đồ, thần không dám nhận. Nay Quan gia^(*) cùng Thượng tướng đi đánh giặc nơi xa, bệ hạ lại tự ý làm việc phong chức thì tình nghĩa trên dưới e rằng không ổn thỏa.

^{*} Thời Trần gọi vua là Quan gia.

Bằng thái độ nhún nhường và trọng phép vua tôi như thế, Trần Hưng Đạo được hoàng tộc kính nể, tin tưởng. Sử sách còn ghi lại câu chuyện cảm động về tình cảm chân thành của Trần Hưng Đạo với người em họ là Trần Quang Khải. Một lần, Quang Khải xuống thuyền ông uống rượu, đánh cờ, ông đã lấy nước thơm tự tay dội cho Quang Khải tắm khiến Trần Quang Khải rất xúc động. Và sau này, hai người sát cánh bên nhau trong cuộc chống quân Nguyên. Lại có lần, khi bảo vệ vua chạy lánh quân Nguyên, Trần Hưng Đạo cầm theo cây gậy chống có mũi bịt sắt. Nhiều người lo lắng sợ ông thừa cơ giết vua, Trần Hưng Đạo liền tháo mũi sắt ra vứt đi và chỉ cầm gậy không. Vì thế không còn ai nghi ngờ ông nữa.



Trần Hưng Đạo là một vị tướng tài ba. Ông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt ba lần đánh thắng giặc Nguyên Mông - đạo quân hung hãn nhất thời đó. Năm 1258, khi quân Mông Cổ xâm lấn Đại Việt lần thứ nhất, Trần Hưng Đạo chưa đến 30 tuổi. Ông được lệnh vua đem quân thủy bộ đi trấn giữ biên giới phía bắc. Ông đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ của mình. Sau đó, ông đã rút quân về phối hợp với nhà vua chống giặc ở nhiều nơi và cuối cùng là tập kích giặc ở Đông Bộ Đầu khiến chúng phải rút chạy về nước. Trong lần chống giặc này, ông chưa giữ vai trò quyết định nhưng sự tận tụy, lòng quả cảm và đức độ của vị tướng trẻ khiến cả triều đình cảm phục.

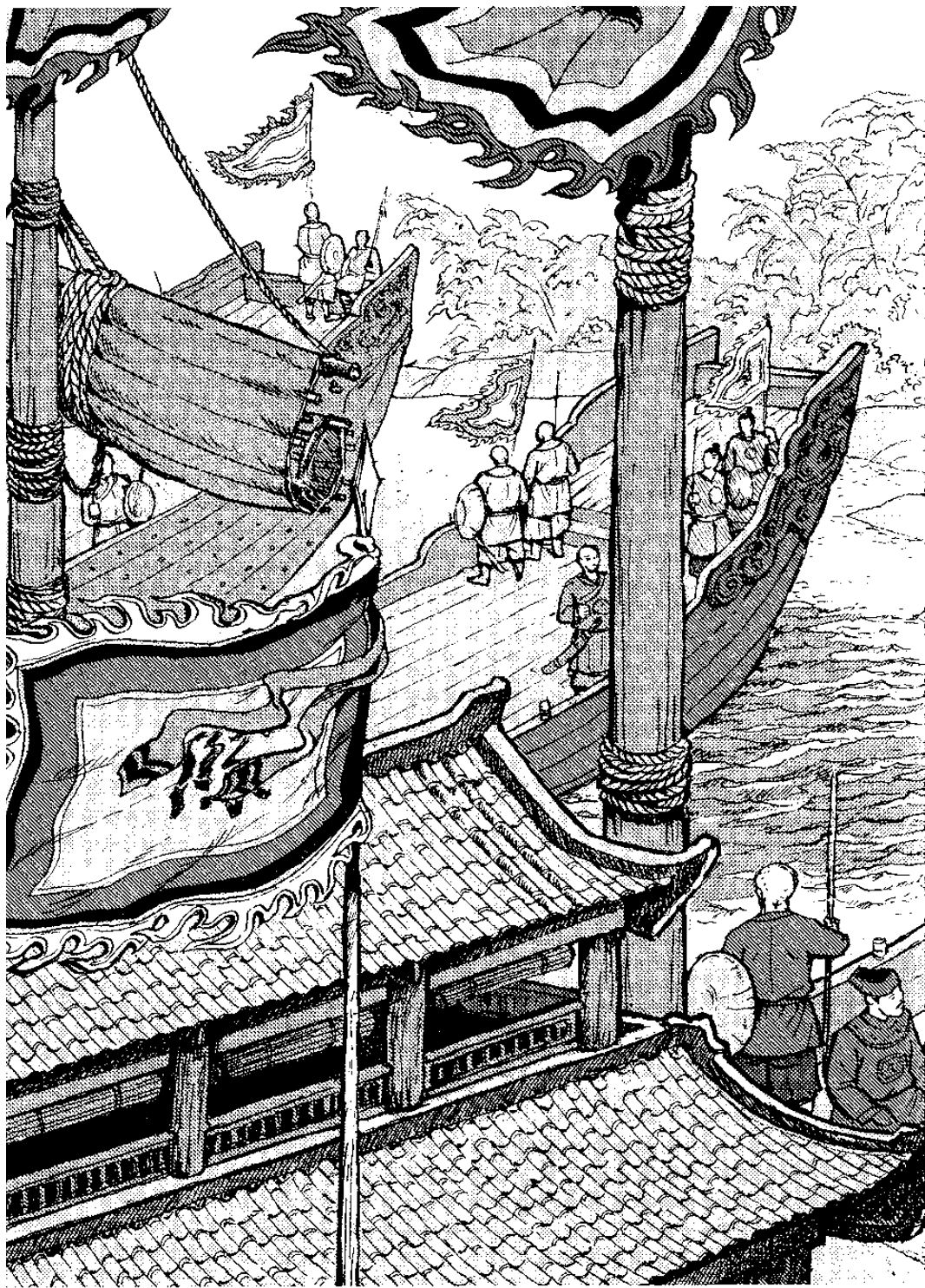


Sau thất bại lần thứ nhất, quân Mông Cổ rất muốn phục thù, nhưng lúc đó, chúa Mông Cổ là Mông Kha chết. Hốt Tất Liệt lên thay, đổi quốc hiệu là Nguyên và lập tức xua quân xâm lược nhà Tống (Trung Quốc) nên chưa tấn công Đại Việt. Tuy vậy, chúng vẫn liên tục cho sứ giả sang hạch sách vua Trần, đòi phải tiến cống và sang châu. Lợi dụng tình thế ấy, nhà Trần cố gắng kéo dài thời gian hòa hoãn để củng cố lực lượng. Năm 1281, sứ giặc là Sài Thung đến nước ta, nghênh ngang cuội ngựa vào tận thềm điện Tập Hiền. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải vào gặp, hăn không chịu tiếp.

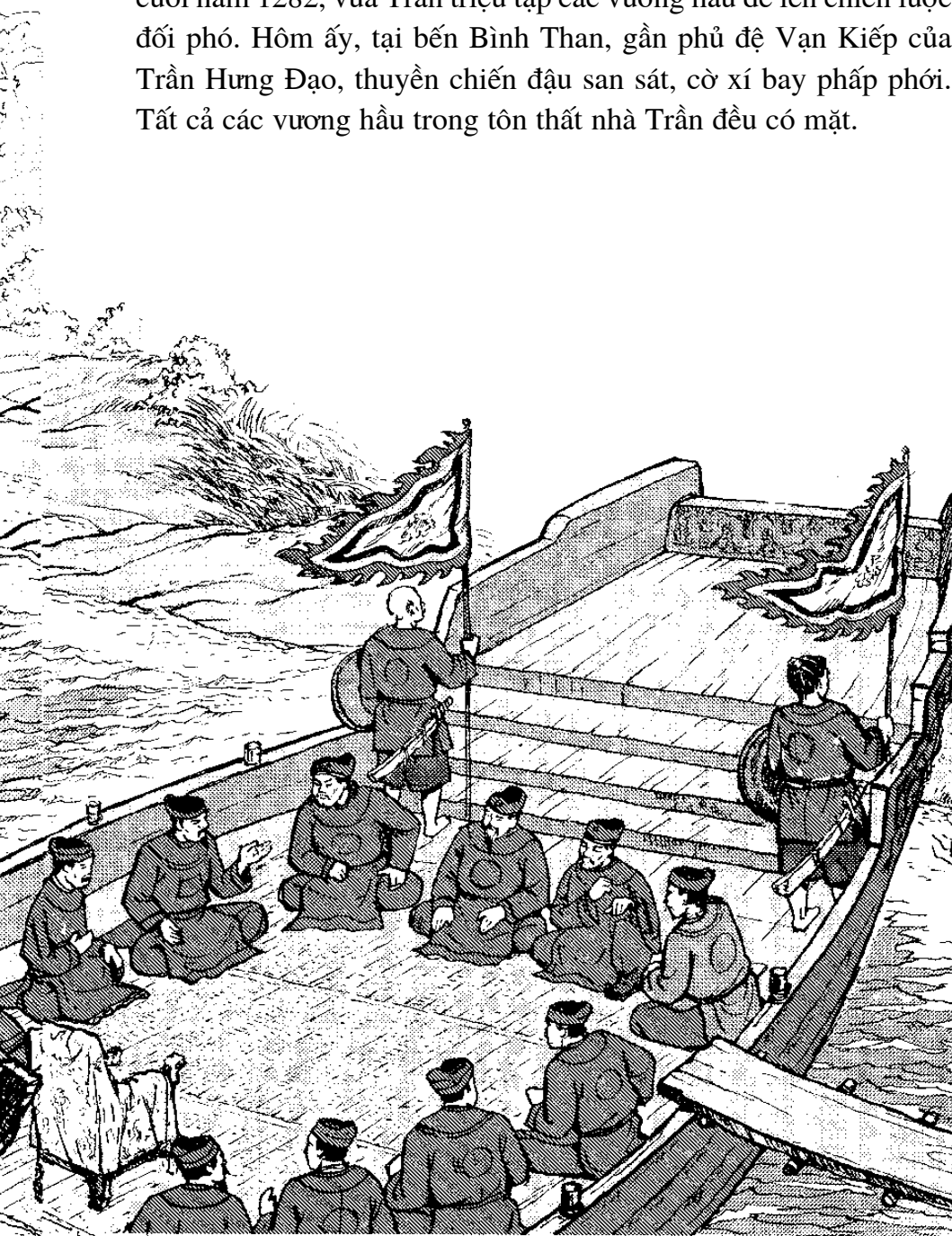




Trần Hưng Đạo liền gọt tóc, ăn mặc như một nhà sư đến gặp Sài Thung. Thấy ông bước vào với phong thái ung dung, Thung tưởng là một nhà sư phương Bắc, lật đặt ngồi dậy tiếp. Sau nhận ra Trần Hưng Đạo, y ra hiệu cho tên lính cầm mũi tên đâm vào đầu ông đến chảy máu nhưng ông vẫn không thay đổi sắc mặt. Thung rất phục, tiếp đón Trần Hưng Đạo chu đáo, khi ông cáo từ, y theo ra tận cửa để tiễn.



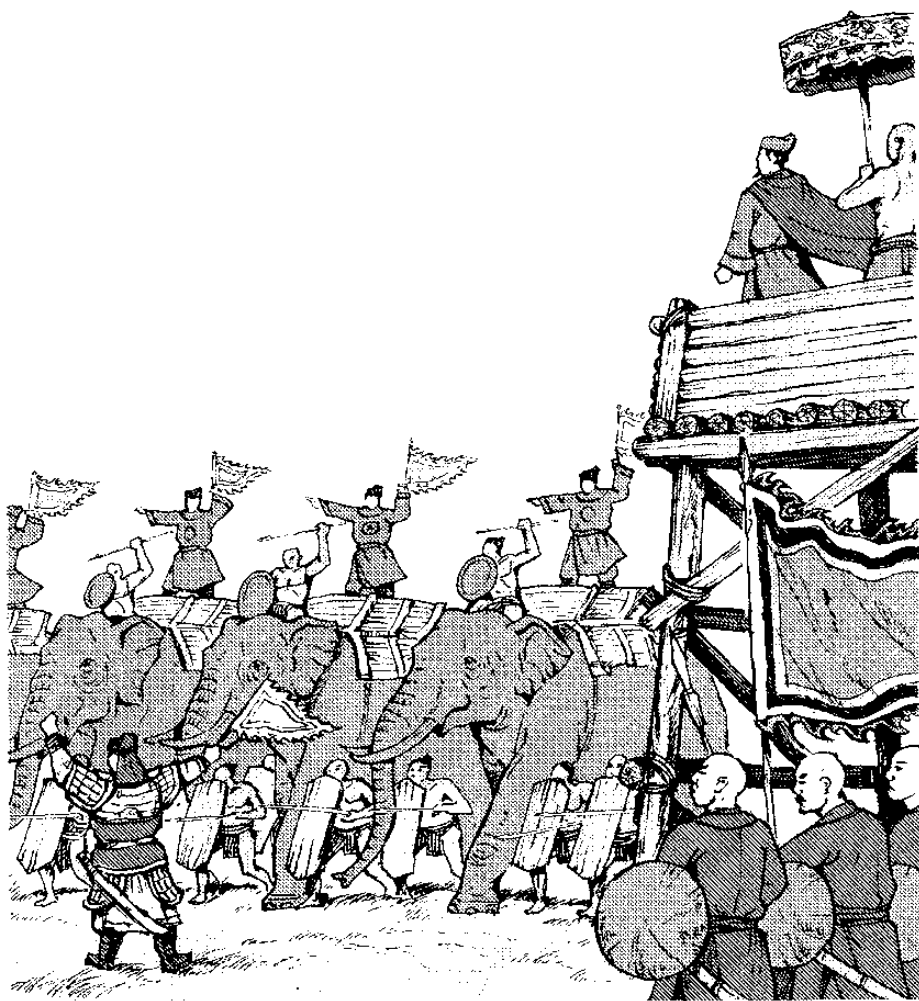
Biết được âm mưu muốn mượn đường để đánh Chiêm Thành nhưng thực chất là xâm lược Đại Việt của quân Nguyên nên vào cuối năm 1282, vua Trần triệu tập các vương hầu để lên chiến lược đối phó. Hôm ấy, tại bến Bình Than, gần phủ đệ Vạn Kiếp của Trần Hưng Đạo, thuyền chiến đậu san sát, cờ xí bay phấp phới. Tất cả các vương hầu trong tôn thất nhà Trần đều có mặt.



Ở đây, một lần nữa, Trần Hưng Đạo lại vì việc nước mà bỏ thù nhà. Mấy năm trước, Trần Khánh Dư vì có quan hệ với con dâu sắp cưới của Trần Hưng Đạo nên bị vua phạt, lột bỏ hết chức tước phải về quê bán than. Nay trước nạn nước, biết Khánh Dư tướng tài, Trần Hưng Đạo sẵn sàng bỏ qua lỗi lầm xưa, khuyên vua Trần để Khánh Dư lên thuyền cùng bàn việc nước và trong cuộc họp này, Khánh Dư và Trần Hưng Đạo đã kiên quyết chống lại tư tưởng thủ hòa, nhượng đất. Hai ông quyết tâm đem binh lính đi trấn nhậm ở vùng đất, vùng biển biên cương.



Chiến lược của Trần Hưng Đạo rất hợp ý Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông. Vua Nhân Tông phong cho Trần Hưng Đạo làm Quốc công Tiết chế (chức vụ tổng chỉ huy quân đội). Lại phong cho Trần Khánh Dư là phó tướng phụ trách vùng biển Vân Đồn. Nhận trọng trách, Trần Hưng Đạo đem hết sức mình bảo vệ giang sơn. Yên tâm về mặt biển đã có Khánh Dư, ông ngày đêm thao luyện quân sĩ, chỉnh đốn đội ngũ, sắm sửa khí giới, sẵn sàng chờ giặc.

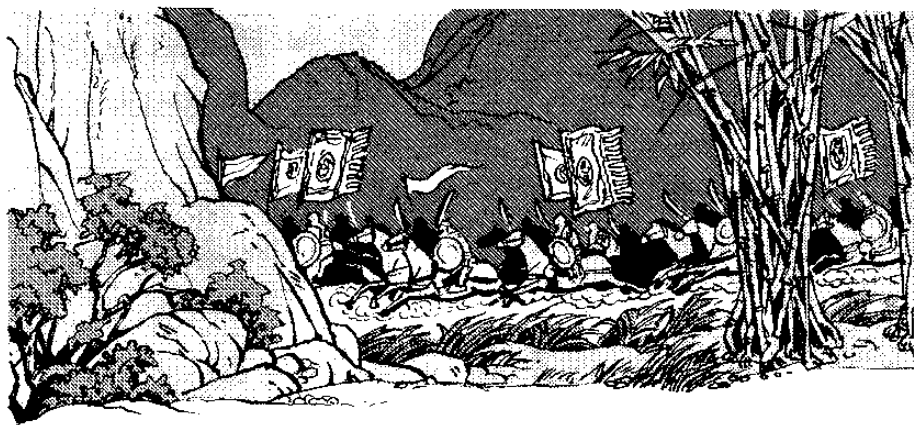


Để hun đúc tinh thần yêu nước, lòng can đảm cho quân và dân, Trần Hưng Đạo đã viết bài Hịch tướng sĩ với lời lẽ hùng hồn, đanh thép nhưng chưa chan tình cảm: *“Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng...”* Bài hịch của vị Quốc công Tiết chế đã khơi dậy lòng quyết tâm đánh giặc của quân dân Đại Việt, khiến cả quân, cả dân đều tự nguyện lấy chàm thích lên tay hai chữ sát Thát để tỏ rõ lòng quyết tâm của mình. “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo thực sự là một áng thiên cổ hùng văn, có giá trị lớn trong nền văn học nước nhà.

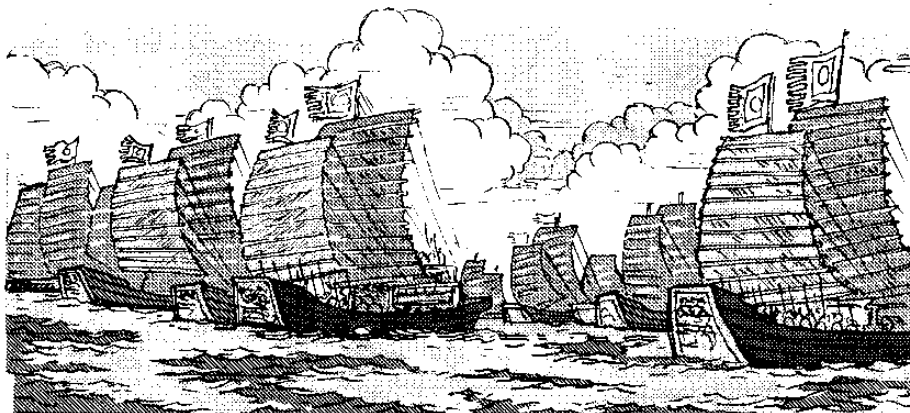


Để dạy cho binh sĩ biết về binh pháp, Trần Hưng Đạo đã tổng kết kinh nghiệm chống xâm lăng của dân tộc mà viết thành bộ sách Binh thư yếu lược. Rất tiếc là bộ sách này không giữ được bản gốc song chắc chắn đây là tập sách lý luận quân sự đầu tiên của nước ta. Nhờ đó, khoa học quân sự của nước ta bước sang một trang rực rỡ. Ông luôn đòi hỏi các tướng sĩ phải giữ kỷ luật nghiêm minh: “Bản sớ phụng mệnh thống đốc quân ra phá giặc. Các vương hầu và các tướng sĩ, ai nấy phải cần giữ phép tắc, đi đâu không được nhiều dân và phải đồng lòng hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các người phải giữ”.





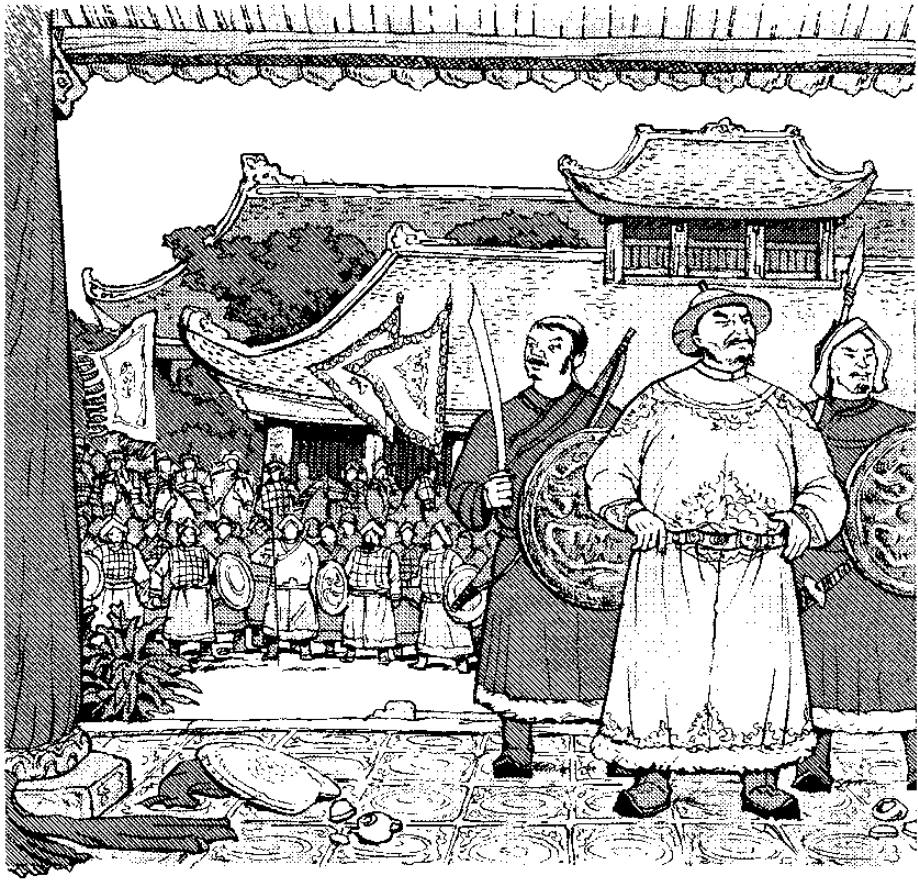
Đầu năm 1285, quân Nguyên ào ạt tiến sang xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Lần này, ngoài đạo kỵ binh, bộ binh khoảng 50 vạn tên dưới sự thống lĩnh của Thoát Hoan từ Vân Nam và Quảng Châu (phía bắc Đại Việt) kéo xuống còn có lực lượng thủy quân gần 10 vạn tên do Toa Đô từ vùng biển Chiêm Thành (phía nam Đại Việt) kéo lên tạo thành hai gọng kìm xiết chặt quân Đại Việt ở giữa.



Thế giặc mạnh như nước vỡ bờ. Chẳng mấy chốc, chúng đã chiếm được ải Chi Lăng. Để bảo toàn lực lượng, Trần Hưng Đạo cho rút quân về Vạn Kiếp. Một số vương hầu và quan lại hèn nhát đã ra đầu hàng giặc. Trước thế nguy nan, vua Trần Nhân Tông vội tìm gặp Trần Hưng Đạo hỏi xem có nên hàng để tránh cảnh chiến tranh. Trần Hưng Đạo khẳng khái tâu:

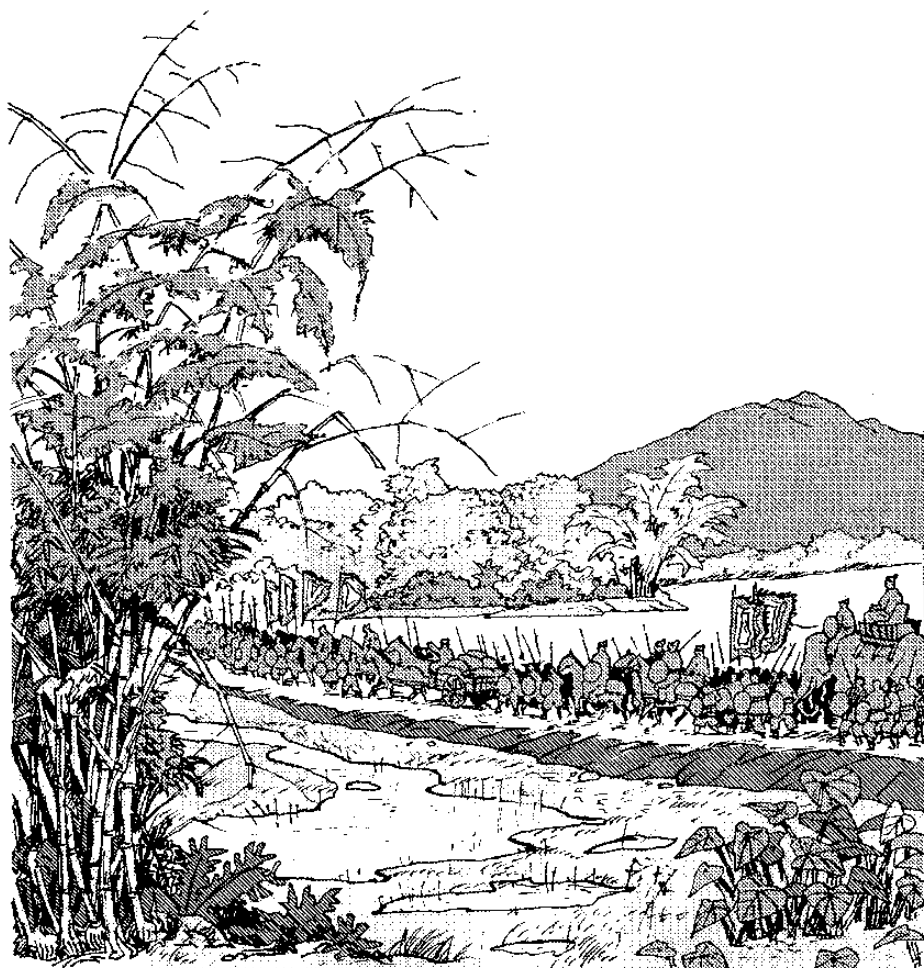
- Lời của bệ hạ quả là lời của bậc nhân nghĩa nhưng còn tôn miếu xã tắc thì sao? Xin bệ hạ chém thần trước rồi hãy hàng.



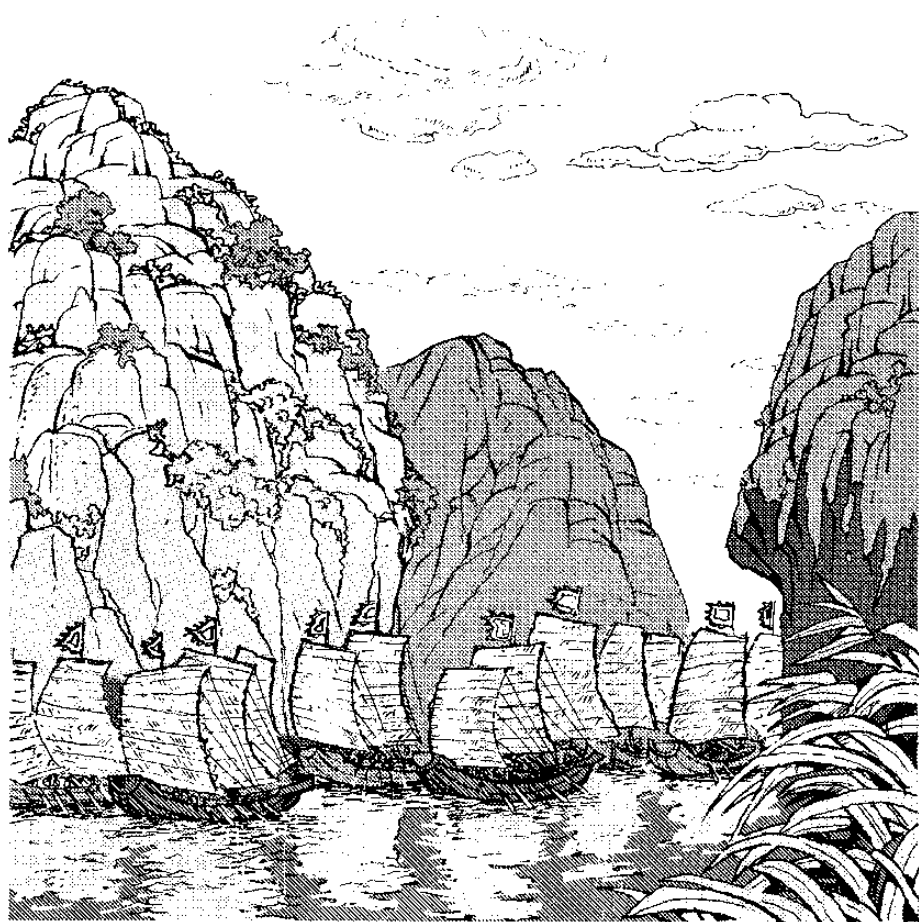


Những lời lẽ đầy khí phách của Trần Hưng Đạo khiến nhà vua cảm thấy vững tâm. Các tướng sĩ cũng thêm tin tưởng, lấy lại can đảm, ra sức chống giặc. Hiểu rõ thế giặc còn đang mạnh, Trần Hưng Đạo quyết định tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng. Ông cho đặt các chốt phòng thủ suốt dọc sông Hồng để đánh chặn bước tiến của giặc bảo vệ cho đại quân và triều đình rút lui.

Lúc ấy, đại quân nhà Trần, người ngậm tằm, ngựa bỏ nhạc, theo đường bộ rút về phía nam, còn Thượng hoàng và vua Nhân Tông cùng toàn bộ thủy quân theo sông Hồng về xuôi. Hai đoàn quân cùng gặp nhau ở phủ Thiên Trường (Nam Định) - quê hương của nhà Trần. Quân Đại Việt bảo toàn được lực lượng. Tại đây, Trần Hưng Đạo và vua Trần cho tuyển thêm quân, rèn thêm vũ khí và ngày đêm thao luyện quân sĩ.

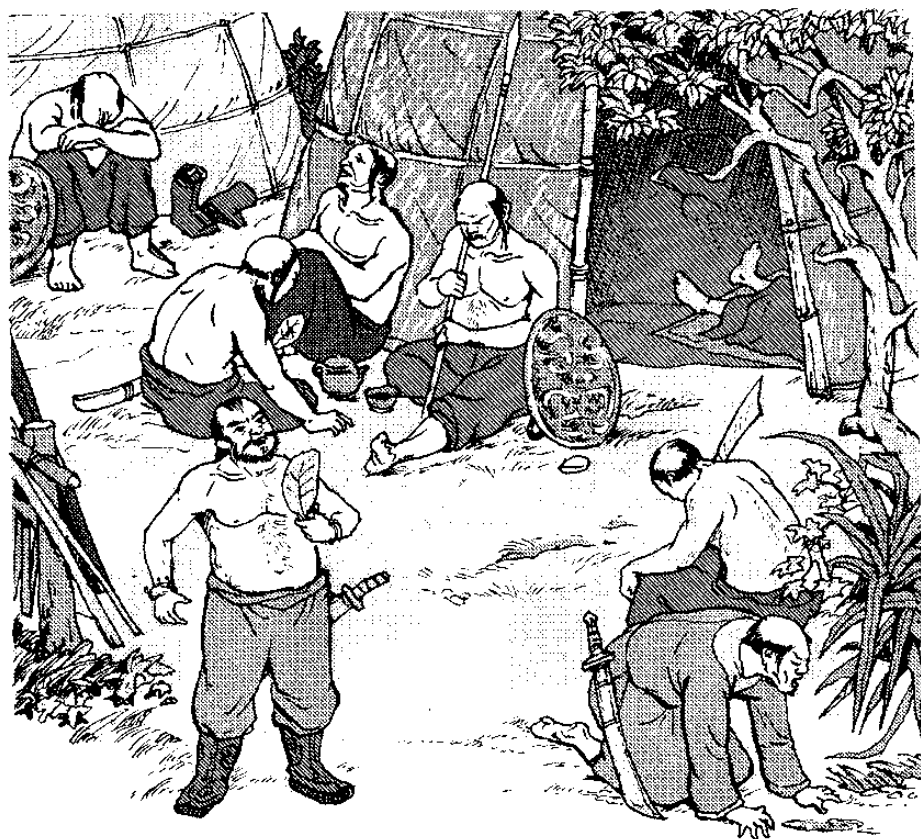


Để bảo vệ phía nam, phòng khi thủy quân nhà Nguyên từ Chiêm Thành kéo lên, ngoài đoàn thuyền chiến do Trần Quang Khải thống lĩnh đang chốt ở Nghệ An, Trần Hưng Đạo đã tăng cường thêm một đoàn chiến thuyền đến đóng ở Trường Yên (Hoa Lư - Ninh Bình) để làm chỗ dựa vững chắc cho Thiên Trường.





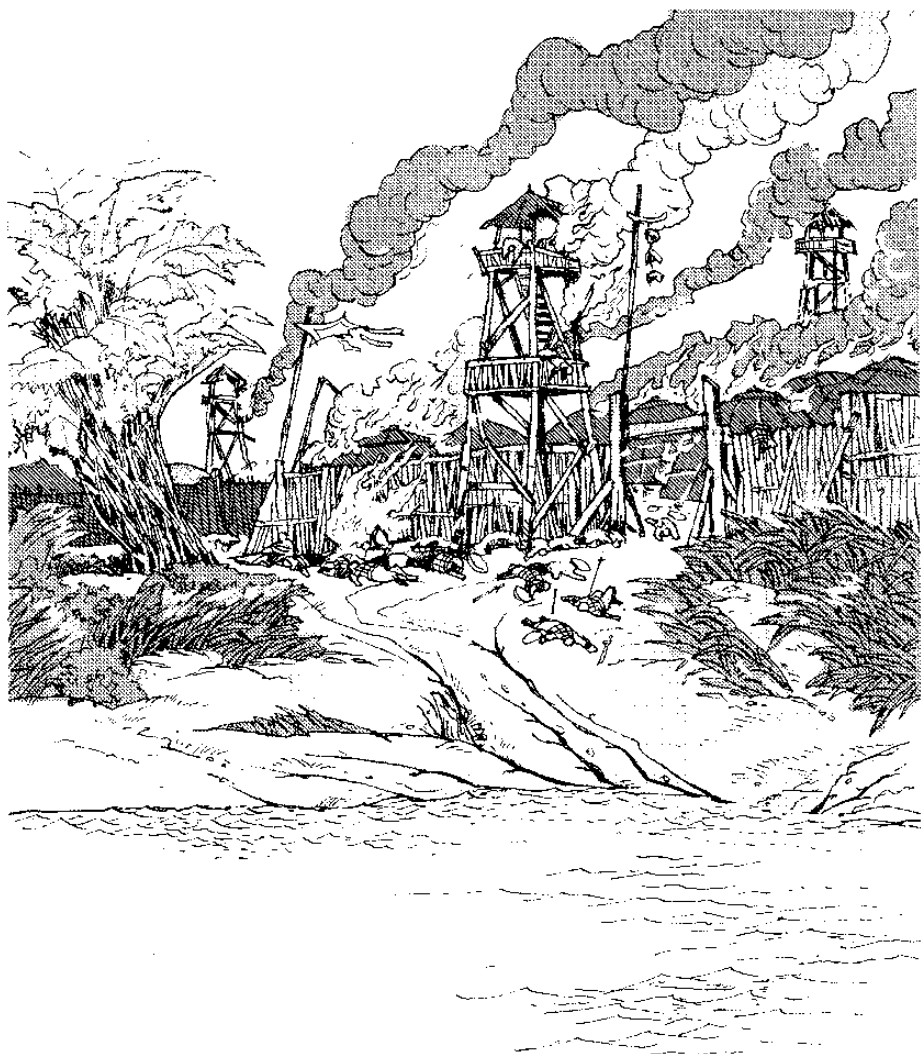
Nhưng thế quân Nguyên vẫn còn rất mạnh nên quân Đại Việt không cản được bước tiến giặc. Khi vào được Thăng Long, nhìn kinh thành hoang vắng, Thoát Hoan biết vua Trần đã rút về Thiên Trường, hấn quyết dẫn quân đuổi theo. Trong khi đó quân thủy của Toa Đô cũng đã chọc thủng mặt trận phía nam tiến đến gần Trường Yên. Trước tình thế cấp bách, hai phía đều có giặc, Trần Hưng Đạo vẫn bình tĩnh hộ giá hai vua rút lui theo đường biển. Ông sai quân lính tiếp tục đưa thuyền ngự đi ngả Ngọc Sơn (Quảng Ninh) trong khi đó Thượng hoàng và nhà vua lên bộ, đi ngựa đến Thủy Chú lại xuống thuyền khác ra Bạch Đằng về Thanh Hóa.



Sau lần đuổi bắt vua Trần không thành, Thoát Hoan cho quân rút về Thăng Long. Bấy giờ đã bước vào mùa hạ, thời tiết trở nên nóng bức, oi ả khiến đội quân quen sống ở xứ lạnh phương Bắc cảm thấy khó chịu. Chúng đau ốm nhiều, tinh thần sa sút. Đã vậy dân binh các địa phương liên tục tập kích, không để cho chúng được yên. Giặc lâm vào tình trạng hoang mang, lo sợ, co cụm vào trong doanh trại, không dám đi quấy nhiễu nữa.

Thấy thời cơ đã đến, Trần Hưng Đạo hạ lệnh phản công. Mục tiêu đầu tiên là phá hủy phòng tuyến của giặc dọc theo sông Hồng. Ông đích thân cầm quân đánh trận mở màn vào cứ điểm A Lỗ bên sông Luộc. Sau một thời gian nghỉ ngơi, quân Trần đang sung sức nên vào trận như vũ bão. Quân Nguyên không chống đỡ nổi phải bỏ chạy.





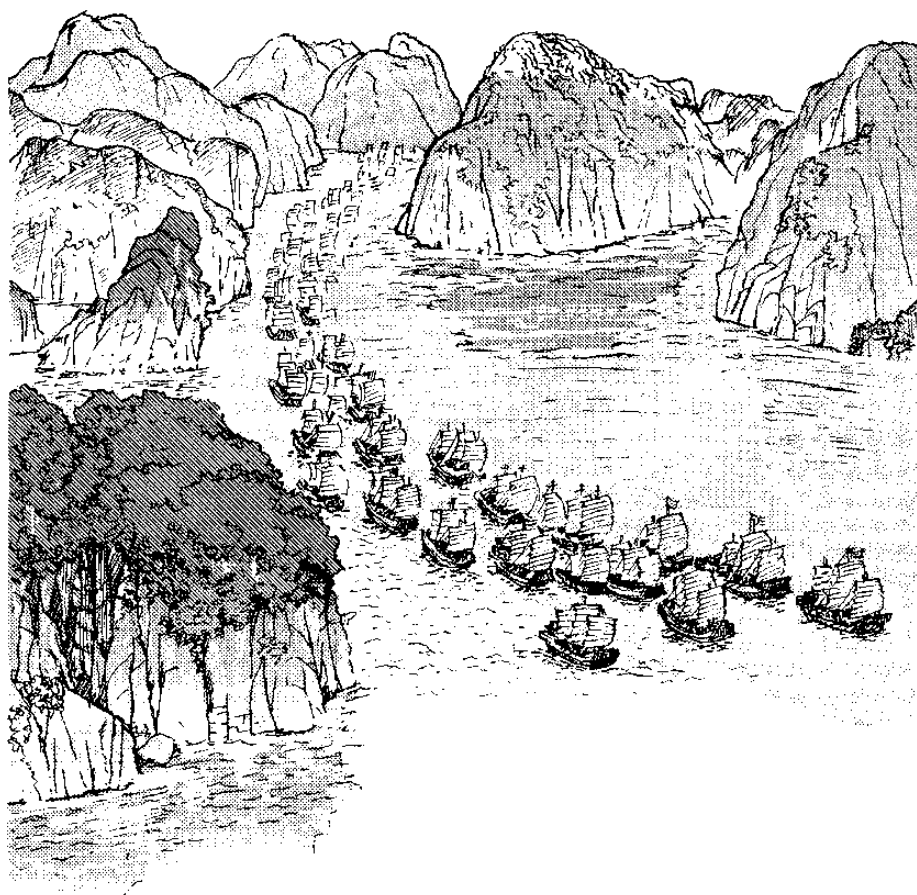
Cùng lúc đó, Trần Quốc Toàn chiến thắng ở Tây Kết, Trần Nhật Duật đánh tan quân địch ở bến Hàm Tử, Trần Quang Khải giành thắng lợi ở Chương Dương... Cứ thế, phòng tuyến dọc sông Hồng của quân Nguyên chẳng mấy chốc đã bị đánh tan.

Quân Đại Việt tiến về Thăng Long, Thoát Hoan tháo chạy. Trần Hưng Đạo đã đặt phục binh trên suốt dọc đường rút lui của hãn. Đến sông Như Nguyệt, hãn bị quân của Trần Quốc Toản phục kích. Thoát được đến sông Sách (Vạn Kiếp) thì lọt tiếp vào trận địa mai phục của Phạm Ngũ Lão. Cố mở đường máu chạy đến biên giới lại bị con của Trần Hưng Đạo là Hưng Vũ vương Trần Quốc Hiến truy đuổi, Thoát Hoan hoảng sợ phải chui vào ống đồng mới thoát chết.



Trong khi đó, Toa Đô ở Thanh Hóa cùng Ô Mã Nhi kéo quân theo đường biển, ngược vào sông Hồng để hội quân với Thoát Hoan. Vua Trần đã giăng bẫy đợi hấn ở Tây Kết. Toa Đô bị chém tại trận còn Ô Mã Nhi phải xuống thuyền nhỏ trốn về nước. Như vậy với trọng trách tổng chỉ huy quân đội, Trần Hưng Đạo đã lãnh đạo toàn quân khi công, khi thủ nhíp nhàng, tận dụng tối đa sở trường của ta mà tấn công vào sở đoản của giặc, khai thác tốt các yếu tố địa hình, khí hậu mà chế ngự sức mạnh quân Nguyên. Chỉ trong vòng hai tháng, nhà Trần đã quét sạch giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.





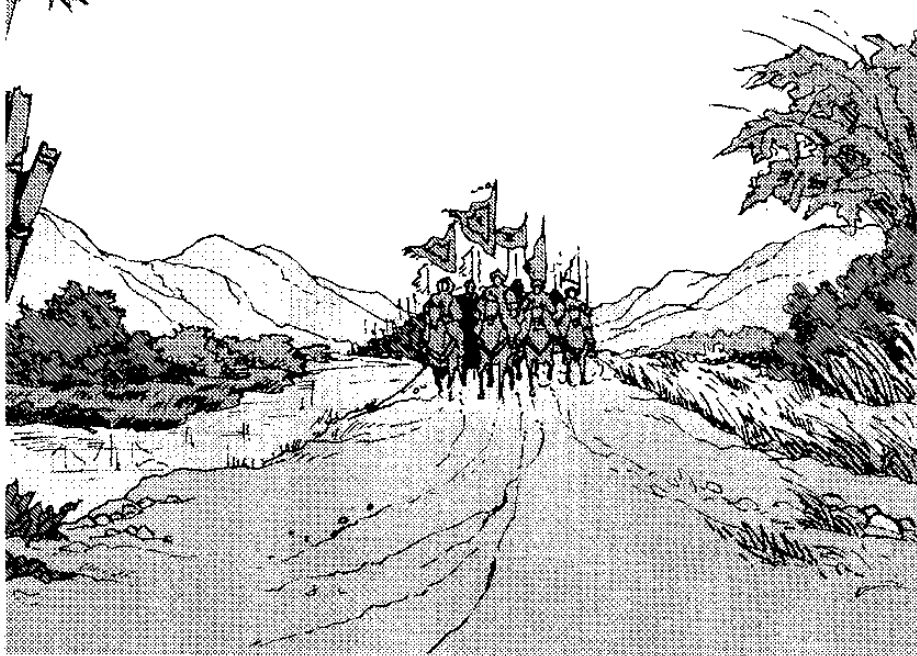
Tuy thất bại nhưng Hốt Tất Liệt vẫn không từ bỏ tham vọng xâm chiếm Đại Việt. Hai năm sau, năm 1287, hãn điều quân đánh Đại Việt lần thứ ba. Đoàn quân xâm lược vẫn do Thoát Hoan cầm đầu đạo quân kỵ bộ tiến theo hai ngã như lần trước nhưng lần này lực lượng quân thủy được chuẩn bị chu đáo và hùng hậu hơn nhiều, gồm 500 thuyền chiến do Ô Mã Nhi thống lĩnh và 70 thuyền vận tải lương do tướng cướp Trương Văn Hổ chỉ huy.

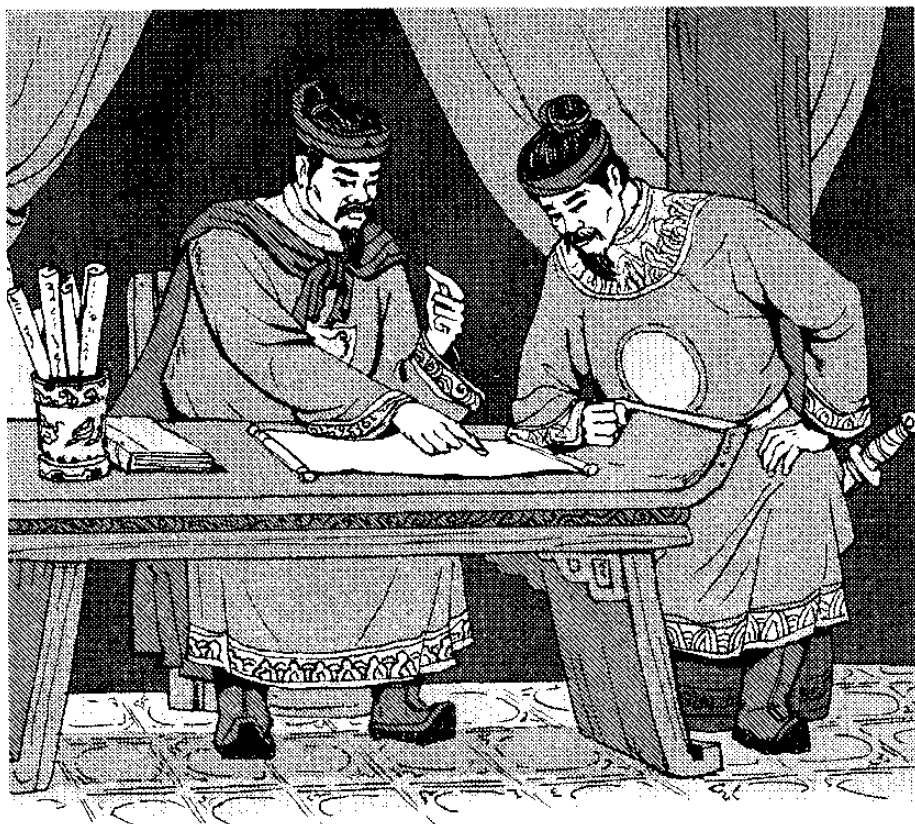


Một lần nữa, Trần Hưng Đạo lại được vua Trần giao trọng trách tổng chỉ huy quân đội. Và cũng một lần nữa, ông lại là chỗ dựa tinh thần cho nhà vua. Khi vua Nhân Tông hỏi về thế trận lần này, ông bình thản nói:

- Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn.

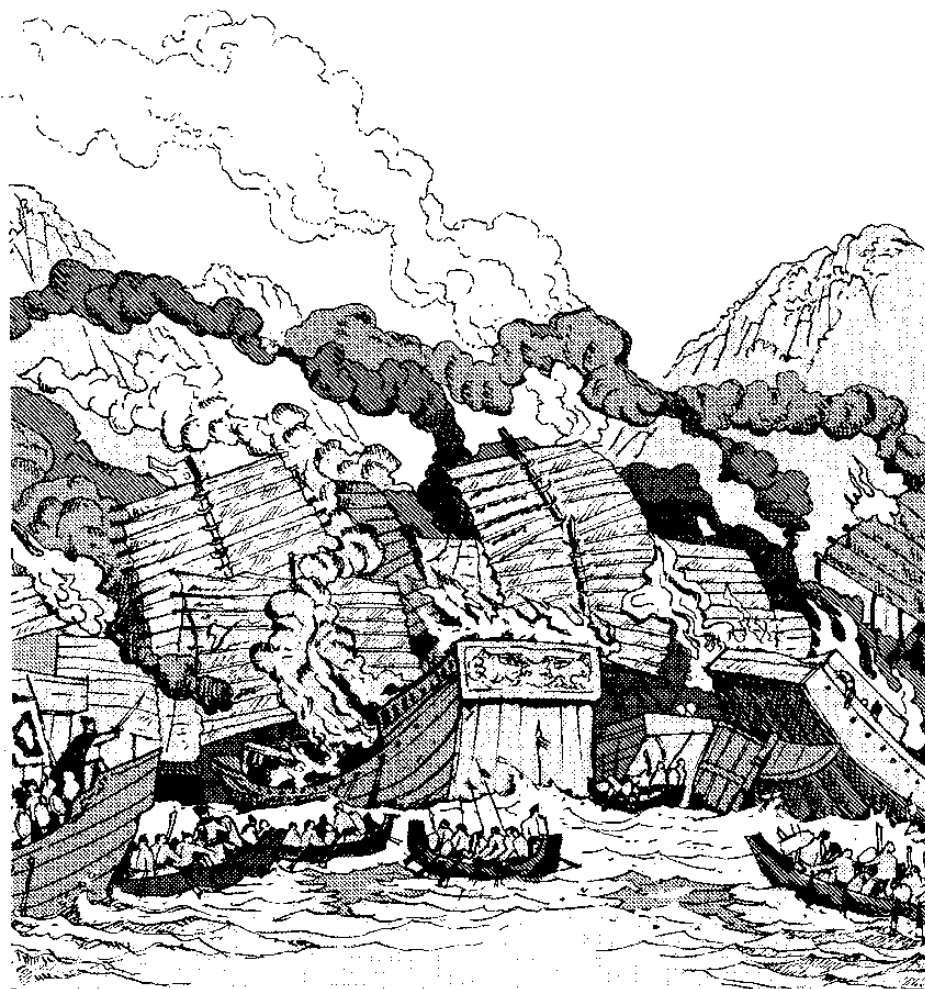
Lần này, ngay khi quân Nguyên mới xâm nhập Đại Việt, Trần Hưng Đạo đã áp dụng chiến thuật bảo toàn lực lượng. Lúc đầu quân Đại Việt đánh rất quyết liệt nhưng dần dần đều rút quân về sau. Vì vậy hai đạo quân kỵ bộ của quân Nguyên tiến vào Vạn Kiếp một cách dễ dàng khiến Thoát Hoan tưởng phen này nhanh chóng làm cỏ Đại Việt, rửa nhục của cả hai lần thất trận.





Riêng đối với quân thủy của Ô Mã Nhi, Trần Hưng Đạo lại chủ trương đánh quyết liệt ngay khi chúng mới kéo vào vùng biển nước ta. Vì lợi thế của quân ta là thủy chiến, nếu để giặc kết hợp quân kỵ bộ với lực lượng thuyền chiến hùng hậu thì sẽ gặp bất lợi. Trọng trách chặn đánh Ô Mã Nhi được Trần Hưng Đạo giao cho Phó tướng Trần Khánh Dư đang chốt giữ ở Vân Đồn.

Trận đầu, Trần Khánh Dư không diệt được đạo quân của Ô Mã Nhi như dự kiến nhưng Khánh Dư đã “lập công chuộc tội” bằng một chiến công vang dội: phục kích, tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hổ chỉ huy, khiến đại quân Nguyên thiếu lương ăn và lâm vào thế bị động.



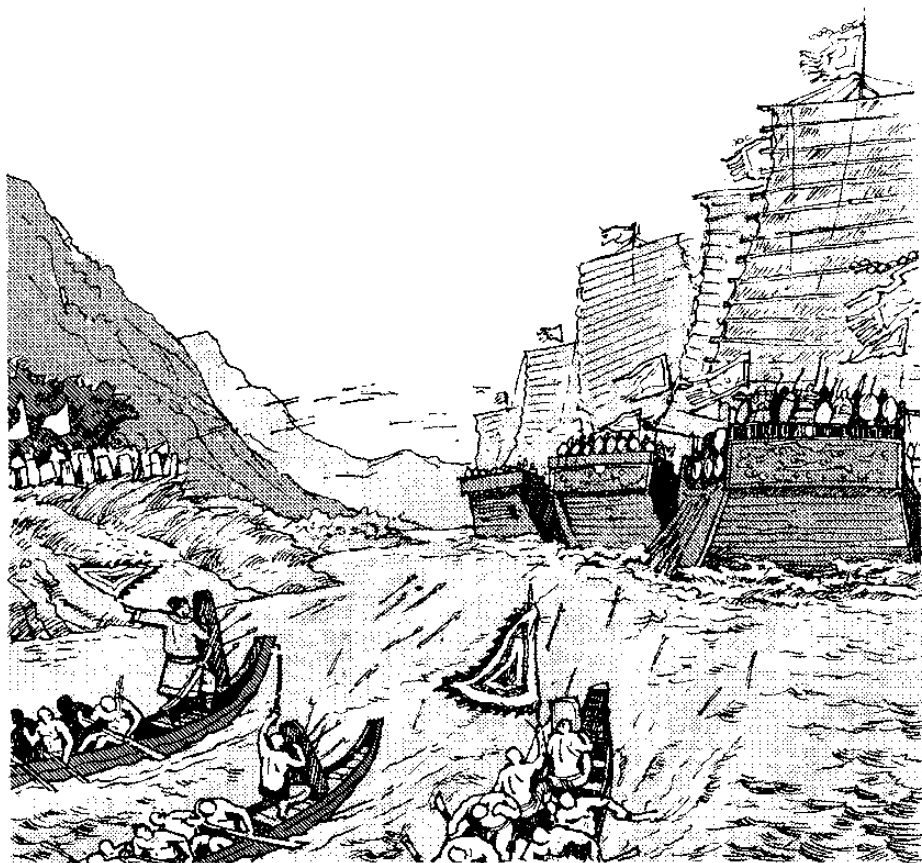


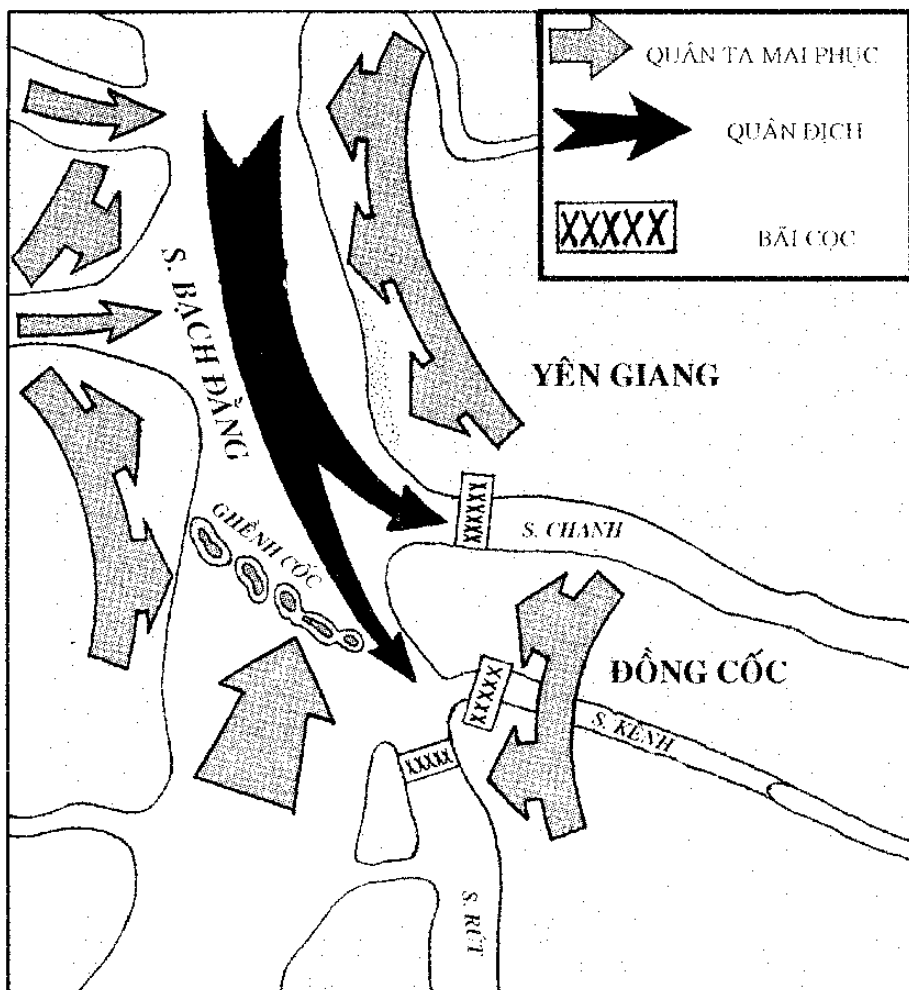
Sau một thời gian truy đuổi vua Trần không thành, lương thực của quân Nguyên đã bắt đầu cạn. Nghe tin đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ bị nhà Trần đánh tan, Thoát Hoan đành phải chia quân thành hai đạo thủy bộ rút về nước. Biết đã đến lúc phản công, Trần Hưng Đạo liền bố trí toàn quân tập kích giặc. Để chúng không còn dám trở lại Đại Việt nữa, ông quyết định đánh một trận thật lớn. Sau khi cân nhắc, ông tập trung vào mục tiêu là Ô Mã Nhi.

Để quân bộ của Thoát Hoan không thể cứu ứng cho quân thủy, Trần Hưng Đạo cho quân Đại Việt phục kích dọc theo đường rút lui của chúng. Những đạo quân này không cần đánh lớn mà chỉ đào hầm, phá cầu, bắn tên độc hoặc bất ngờ đánh vỗ mặt rồi nhanh chóng rút lui. Chiến thuật du kích này đã khiến Thoát Hoan muốn chạy cũng không dám chạy, chúng chỉ còn mong được thoát chết mà về nước.



Trong khi đó, quân Đại Việt tập trung về sông Bạch Đằng đánh trận quyết định. Lâu nay, khi nghiền ngẫm cách đánh giặc của các anh hùng dân tộc, Trần Hưng Đạo rất tâm đắc với trận thủy chiến của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng. Lần này, ông đã mượn cách đánh của tiền nhân để chôn vùi quân giặc. Trước hết, để có thời gian chuẩn bị, Trần Hưng Đạo đã tổ chức nhiều chốt chặn giặc suốt dọc sông khiến đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi phải đi chậm lại.

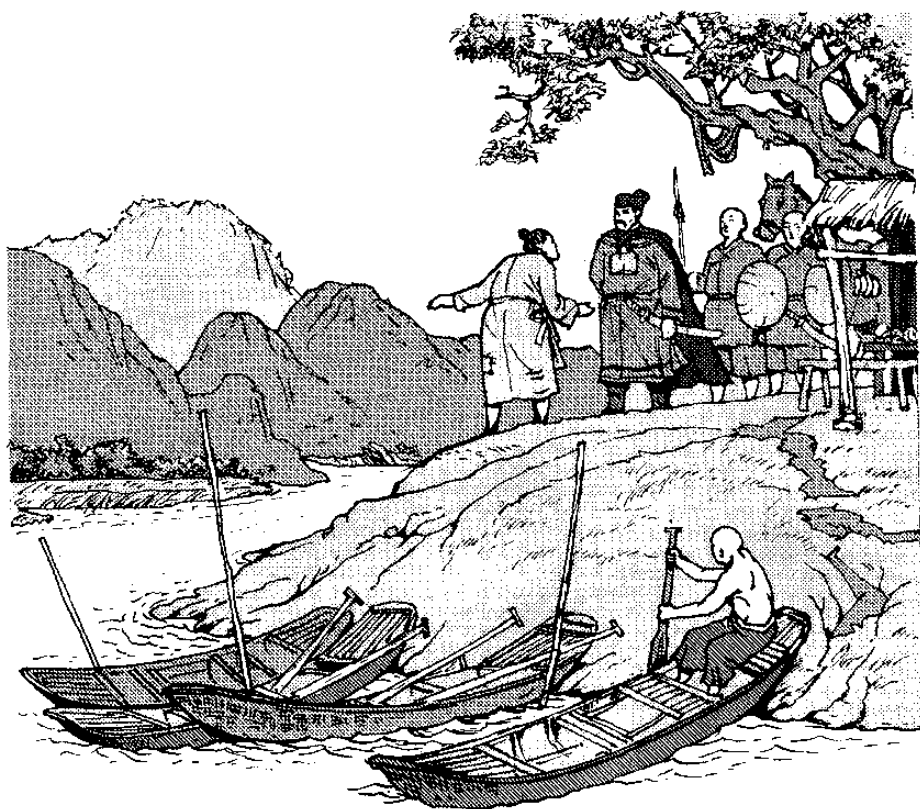




SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁC BÃI CỌC CỦA TRẦN HUNG ĐẠO TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG

(Đại cương lịch sử Việt Nam)

Sau đó, ông cho tuần sát kỹ khúc sông phía hạ lưu. Khác với thời Ngô Quyền, quân giặc từ phía biển kéo vào nên có thể chủ động trong việc mai phục. Lần này chúng lại từ sông đi ra. Mà khúc sông từ Lục Đầu đến cửa sông Chanh có nhiều nhánh, tất cả đều ra được biển. Vì vậy ở những nhánh sông giặc có khả năng đi qua, Trần Hưng Đạo đều cho quân chốt giữ và nghi binh khiến giặc phải đi theo con đường ông vạch sẵn.

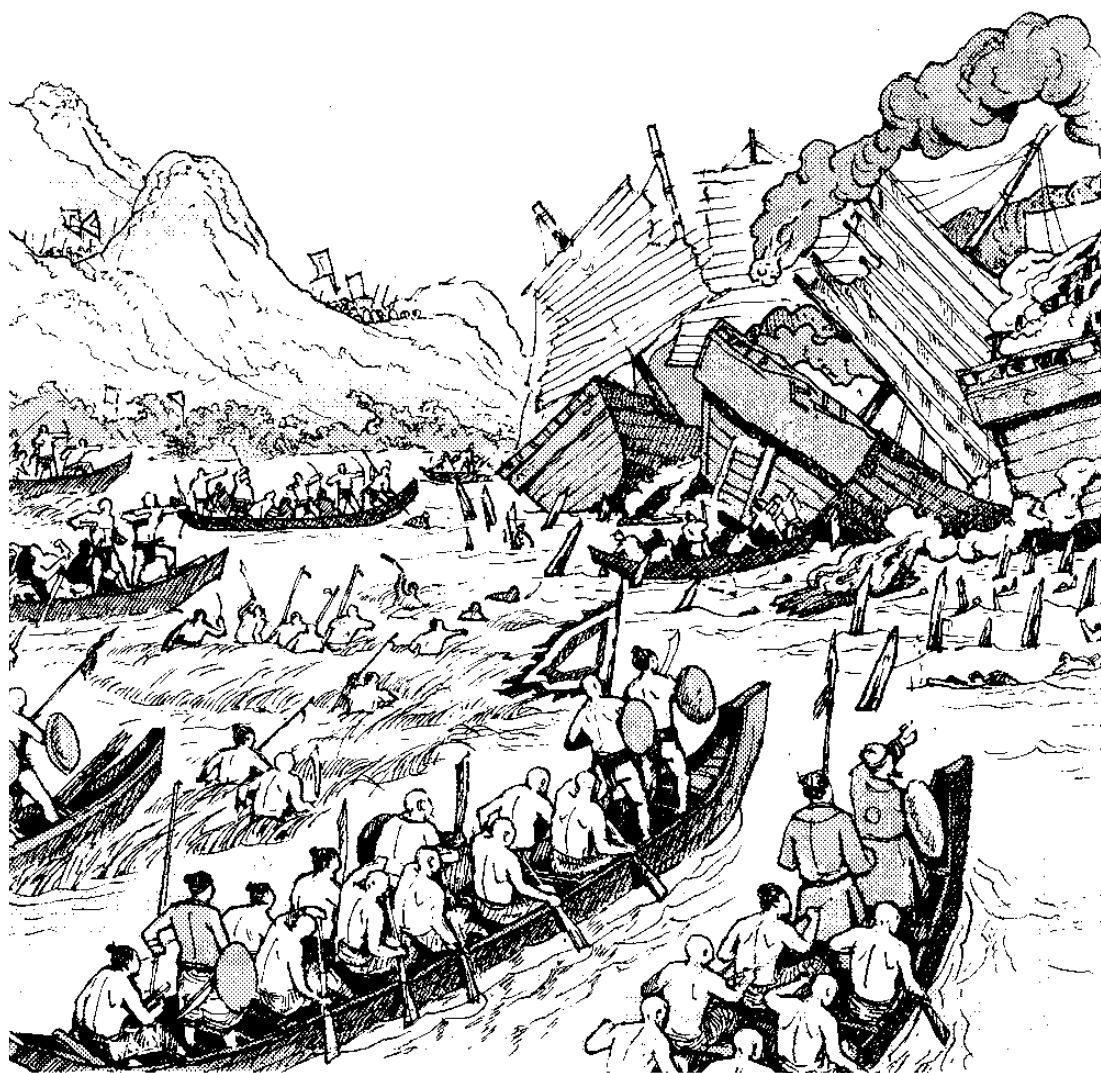


Cuối cùng là việc bố trí trận địa cọc ngầm. Trần Hưng Đạo phải đi tìm hiểu từng luồng lạch để bố trí lực lượng mai phục, gặp từng người dân sống ven sông để hỏi về con nước lên xuống. Tương truyền ông đã dừng chân ở một quán nước bên bến đò Rừng và được bà hàng chài dẫn cận kề từng giờ nước lên, nước xuống. Nhờ đó, ông đã chỉ huy việc cắm cọc và dự tính chính xác thời điểm đánh giặc.

Trong lần đi thám sát địa hình ấy, khi ngang qua sông Hóa (một nhánh của sông Thái Bình), con voi của ông sa lầy, không làm sao kéo lên được. Ông đành bỏ con voi chiến lại. Con voi trung thành rống lên rồi chảy nước mắt như để tiễn biệt. Nhìn con vật có nghĩa đã từng xả thân cùng mình qua bao cuộc chiến, Trần Hưng Đạo bùi ngùi lên ngựa, trở tay xuống dòng sông mà thề rằng: “Trận này không phá xong giặc Nguyên thì không về bến sông này nữa”.



Và ông đã thực hiện lời thề ấy một cách vẻ vang: Đánh tan 6 vạn quân Nguyên cùng 400 thuyền chiến giặc trên sông Bạch Đằng, bắt sống được Ô Mã Nhi cùng nhiều tướng lĩnh cao cấp khác của giặc. Chiến thắng Bạch Đằng là chiến công oanh liệt nhất của quân dân Đại Việt dưới thời Trần và cũng là một trong những chiến công vang dội, góp phần viết những trang sử hào hùng của dân tộc. Với chiến thắng này, Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo đã đi vào lịch sử nước nhà không chỉ với tư cách là một người đức độ, chí nhân chí nghĩa mà còn là một vị tướng tài năng kiệt xuất.





Đất nước sạch bóng quân thù, vua và hoàng gia lại trở về Thăng Long trong niềm vui chiến thắng. Và vì có công lớn trong ba lần đánh đuổi quân Nguyên, vì nhân cách cao cả của ông, Trần Hưng Đạo được phong làm Đại vương Thượng quốc công (tước hàm của ông trước đây chỉ là vương quốc công), đó là một chức vụ đầy quyền lực, chỉ ở dưới vua và thượng hoàng. Còn nhân dân để tỏ lòng tôn kính, đã lập đền thờ sống ông ở Vạn Kiếp và nhiều nơi khác, xưng tụng ông là Đức thánh Trần.







Tháng 6 năm Canh Tý (1300), Hung Đạo đại vương lâm bệnh nặng, vua Trần lúc bấy giờ là Trần Anh Tông, cũng là cháu ngoại của ông, thân hành đến thăm. Nhà vua hỏi: “Nếu có điều chẳng may xảy ra (tức việc Trần Hưng Đạo từ trần) mà bọn giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì có kế gì đối phó?”.

Dù lúc ấy sức đã yếu, ông vẫn cố nói với vị vua trẻ:

- Sao cho quân tướng cùng chung một bụng như cha với con thì mới dùng được. Thêm nữa, ngoài việc dụng binh, cũng phải khoan thư sức dân, đừng quá lạm dụng, để làm cái kế sâu rễ bền gốc. Ấy là thượng sách của việc giữ nước vậy!

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 5
NHÀ TRẦN THẮNG GIẶC NGUYỄN MÔNG
TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung:
Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG - GIA TÚ CẦU
Biên tập tái bản: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN
Biên tập hình ảnh: NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN
Trình bày: LÊ PHI HÙNG - NGUYỄN VĂN TIẾN
Sửa bản in: GIA TÚ CẦU - ĐÀO THỊ TÚ UYÊN
Kỹ thuật vi tính: NGUYỄN VĂN - NGUYỄN VĂN TIẾN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn



Tranh dân gian tái hiện chiến công Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn đại phá quân Nguyên.



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn